

Thế Lũ

T U Y E N T Á P

Truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

TABLE OF CONTENTS

Tựa đề
Bên Đường Thiên Lôi
Vì Tình
Dòng Máu Đứt Quãng
Cái Xác Đuối Người
Một Chuyện Ngoại Tình
Lưỡi Tầm Sét
Một Người Lạ
Ông Phán Nghiện
Cái Đầu Lâu
Câu Chuyện Trên Tàu Thủy
Một Người Hiếm Có
Một Người Say Rượu

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

BÊN ĐƯỜNG THIÊN LÔI

Hắn ta đang đi lang thang trên vệ đường bên cạnh vườn hoa, bỗng có một người đàn ông má hóp, đeo kính đen, mặc quần áo tây, giữ hắn ta lại rồi nói:

- Tôi trông anh ra vẻ một người đi ở chưa có việc. Vậy anh muốn về làm với tôi không? Tôi đang cần một người ở kéo xe cẩn thận, mà chưa tìm đâu được.

Hắn ta mừng quá, không ngờ đến lúc tuyệt vọng lại gặp được ông phúc tinh này.

Trước kia hắn cũng ở kéo xe cho một ông tham ngoài tỉnh. Vì ốm nặng, phải về quê uống thuốc, đến khi hắn lại ra ở với chủ cũ thì ông tham đã gọi người khác rồi. Hắn bơ vơ mất bốn, năm hôm, chạy khắp tỉnh Hải Phòng mà không ai cần người kéo xe hết.

Chiều hôm ấy, hắn dẫn từng bước một bên những người hấp tấp xuôi ngược, chưa biết nên đi ăn mày ở ngoài tỉnh hay về chết đói ở nhà quê; thì bỗng nhiên gặp ngay người đàn ông kia cứu hắn trong lúc cùng khốn.

Hắn vừa mừng, vừa lấy làm lạ, chưa trả lời được thì người ấy lại hỏi:

- Anh có kéo được xe không?

- Bẩm, kéo được.

- Thế thì anh theo tôi về ngay. Nhà tôi ở xa lắm.

Rồi không hỏi gì thêm nữa, người ấy trao cho hắn một gói sách to bọc sơ sài trong một tờ nhật trình và đi trước để cho hắn theo sau. Hắn bước lên, vừa cân nhắc gói sách trên tay, vừa nhìn người đàn ông kia bằng đôi mắt ngạc nhiên. Hắn toan nói với ông ta để mình lại hàng cơm lấy bọc quần áo về đã, nhưng thấy người ấy cử chỉ khác thường như thế, nên lại thôi.

Người ông ta cao và gầy; chiếc áo tây màu đen đã bạc, lưng bùng phủ lên chiếc thân lẳng khảnh và hơi khom khom; dáng đi vội vàng, hai tay buông thõng ở cạnh sườn, đầu như chực đâm về đằng trước. Cái mũi dẹt màu vàng bầm, dùm dỏ và chặt, chup mồm lên đám tóc lâu không húi; hai tai xòe ra như hai cái cánh sắp bay.

Hắn theo người đàn ông từ vườn hoa nhà hát tây đi thẳng xuống vườn bách thảo, cách Hải Phòng hơn ba cây số, mà vẫn không thấy người ấy nói một lời nào qua. Mãi đến khi rẽ sang tay phải đi về phía đường Thiên Lôi, người ấy mới rửa lên một câu bằng tiếng Tây: vì chân vừa vấp phải một hòn đá lớn. Lúc ấy, người đàn ông mới nhìn lại một cái, rồi cầm đầu đi ngay.

Bấy giờ vào khoảng 4 giờ hơn, mặt trời vàng chói của buổi chiều thu chênh chếch ở tay trái hai người, ngả dài những bóng cây găng đứng xếp hàng trên mép đường đá vắng.

Hai bên đường toàn là đồng quanh, chỉ lác đác mấy nóc nhà rạ úp sụp lên mặt ruộng lúa xanh rờn.

Hắn ta không hiểu sao người đàn ông kia lại ở về miền xa vắng này như thế, đang có ý xem xét tứ phía, bỗng người ấy như sực nhớ ra, đứng dừng lại ở bên một con đường đất rẽ vào trong ruộng và dẫn đến một lớp nhà ngói cũ ẩn hiện trong những khóm tre lớn và những vùng găng sơ rơ. Người đàn ông chỉ tay:

- Nhà tôi ở chỗ ấy!

Hai người đi lên con đường đất độ hai trăm thước thì đến nơi. Chung quanh nhà chỗ nào không có tre hay găng mọc thì rào thêm nữa. Lớp nhà thấp, mái dốc và đã lún; cửa gỗ vắn, một đục be bét; tường lở vữa và đen cáu những rêu khô. Phía tả có một chái hiên lợp lá gồi, sạch sẽ như vừa làm xong, đó là chỗ để một chiếc xe nhà màu đen, mới sơn lại.

Người đàn ông đẩy cổng vào trước rồi đẩy cửa vào nhà. Nhà có ba gian như kiểu nhà cổ. Công việc thứ nhất của ông ta khi vào đó là đến ngồi sau một cái bàn lớn đầy những giấy má và kê ở một gian bên cạnh, gần cửa sổ; rồi cầm cùi viết hoài.

Trông sang gian giữa thì thấy trổ trời có một bộ ghế ngựa với ba chiếc ghế gỗ không giống nhau. Gian ở đầu nhà bên kia thì khuất sau một tấm màn gió xanh; thỉnh thoảng gió thổi, mép màn bay vén lên để

cho trông thấy bên trong kê một chiếc giường tây với một cái tủ đứng. Khắp nhà mập mờ tối, vì cánh cửa mở lúc vào đã khép lại; ánh sáng chỉ soi vào bởi hai cái cửa sổ nhỏ ở hai gian bên.

Hắn đang ngó ngẩn nhìn cái tủ kính xếp chặt những sách, kê ở gần bàn giấy, chợt để ý một vật trắng trắng trên nóc tủ. Hắn nhìn kỹ, thì, lạ lùng quá, đó là một cái đầu lâu.

Hắn kinh ngạc đến lạnh người đi, không biết nhà này là nhà gì, mà người kia là người thế nào? Từ cử chỉ, dáng điệu, cho đến nơi ăn, chốn ở của ông ta cũng dị thường lắm.

Hắn chưa biết nên vững lòng mừng vì tìm được một người chủ mới, hay nên lo. "Mà sao ông ta chẳng nói với mình một tiếng nào từ bấy đến giờ? Không hỏi xem quê quán mình hay tên tuổi mình như mọi người chủ khác?..."

Cái đầu lâu nhả răng ra cười một cách độc địa... Ngay lúc ấy, một câu hỏi như vừa dịp trả lời những điều hắn nghĩ trong trí: "Này, tên anh là gì?" làm cho hắn giật thót mình lên. Hắn quay lại thì người đàn ông sau bàn giấy đã bỏ mũ, bỏ kính ra, đang nhìn hắn bằng đôi con mắt sáng một cách kỳ quặc.

Hắn rụt rè đề bọc sách lên bàn giấy rồi thưa:

- Bẩm, tên con là Sắc.

- Là gì?

- Là Sắc ạ!

- Bao nhiêu tuổi?

- Bẩm, con hăm ba.

- Anh thực biết kéo xe chứ?

- Bẩm, trước con đã làm xe rồi.

- Ừ được, anh ở cho tôi, thì ngoài việc kéo xe lên phố, lại phải thổi nấu cho tôi ăn. Tôi sẽ trao tiền chợ từng ngày cho anh. Bây giờ, tôi trả anh một tháng năm đồng cơm nuôi. Về sau, nếu anh chăm chỉ, cẩn thận, tôi có thể tăng cho năm hào hay một đồng nữa.

Người ấy ngừng lại một lát rồi lại nói tiếp:

- Nhưng anh phải làm giấy giao ước ở với tôi ba năm liền kia!

Hắn chưa dám thuận ngay, vì sự bắt buộc ở lâu với người chủ kia có vẻ khác thường, khiến cho hắn phải lo ngại.

Người kia lại, hỏi:

- Thế nào? Sao anh lại không trả lời tôi?

Rồi lại nhìn hắn một cách rất lạ lùng, hai mắt lấp la lấp lánh.

Hắn bỗng rợn người lên một cái, ngập ngừng vừa nói, vừa nghĩ:

- Thưa, bẩm ông... con... cũng muốn...

Thì người đàn ông ngắt:

- Anh có bằng lòng không?

- Vâng, con bằng lòng.

Hắn nói rồi sợ hãi, hồi hận như lỡ mồm nói một câu rất quan trọng có thể nguy hại cho mình.

Người kia thì nghe bộ răng nhỏ và khắp khềnh ra cười, rồi thảo một tờ cam đoan cho hắn ký tên xuống dưới.

- Con không biết chữ quốc ngữ.

- Chữ nho cũng được, miễn là có tên ký.

Tay hắn run lấy bấy, viết được ba chữ Ngô văn Sắc thì thấy khô cả cổ họng, nuốt nước bọt không trôi.

- Được rồi! Bây giờ anh xuống dưới bếp với tôi để tôi bảo ông Quáng biết là tôi đã mượn người khác. Vừa nói, ông ta vừa mở cánh cửa sau mà lúc đó Sắc mới trông thấy. Rồi hình như biết hắn chưa hiểu rõ, ông ta lại cắt nghĩa thêm:

- Ông Quáng là một ông già thổi nấu giúp tôi. Nhưng ông ấy không biết kéo xe, tôi mới mua lại được chiếc xe nhà để đi lên phố cho tiện... ông ấy lại yếu, muốn xin về nhà quê...

Lúc ấy, ông Quáng đang cúi gấp những quần áo cũ nhét vào một cái tay nải nâu đặt trên chõng. Thấy

người chủ xuống ông ta đứng thẳng lên chào một câu nhỏ:

- Thừa thầy đã về...

- Phải ông Quáng. Anh này là người đến để thay ông đây. Anh ta trông cũng nhanh nhẹn có thể ở giúp tôi được lắm. Vậy ông bảo cho anh ta biết các công việc hằng ngày.

Nói rồi, người đàn ông quay ra, nhưng trở lại ngay tức khắc. Ông ta móc túi trong lấy ra một cái ví tiền đầy những giấy bạc, đếm sáu tờ một đồng đưa cho ông Quáng:

- Đây, tôi đưa trước cho ông tiền về tàu, đến mai khỏi phải đưa.

Lúc ông chủ kỳ khôi kia đi lên nhà rồi thì Sắc ngồi thừ trên chiếc chõng tre dưới bếp. Hắn vừa trông ông Quáng nhặt nhanh quần áo vừa nghĩ vẩn vơ. Sau thấy người đầy tớ già cứ lóng ngóng mãi mà vẫn không gấp được gọn gàng, nên hắn xin làm đỡ. Ông già rách mồm ra cười một cách yên lặng để cảm ơn.

Sắc nghĩ bụng: "Sao ông chủ lại mượn người lắm cẩm thế này? Có lẽ vì không ai ở với ông ta được".

Lúc gói ghém xong đầu đó, Sắc sẽ hỏi người đầy tớ già:

- Ông ở với ông chủ đây được bao lâu?

Người kia nhìn hắn bằng đôi mắt ám khói, bộ mặt ngạc nhiên, miệng cười như khóc:

- Cũng mới được độ năm, sáu tháng nay. Ông giáo ưa tôi lắm, vì tôi làm ăn cẩn thận. Nhưng tôi già yếu lắm, lại không kéo được xe, nên tôi phải nói với ông giáo tìm người khác.

- Trước ông, vẫn có người kéo xe chứ?

- Không. Xe ấy ông giáo mới mua được bốn hôm nay.

Sắc ngồi im, trông lên nhà trên, rồi bỗng hỏi:

- Ông giáo dạy học đâu mà lại ở tận đây thế hở ông?

- Chả dạy đâu cả. Mà cũng chả quen thuộc ai cả, nên chả thấy ai đến chơi bao giờ. Tôi thấy lúc nào ông ấy cũng xem sách, mà mỗi khi lên phố lại thấy mang sách với nhật trình về, nên tôi gọi là ông giáo... Rồi cứ thế, quen mồm đi.

Sắc lại hỏi:

- Lợp nhà đây là của ông giáo chứ?

- Không phải. Chắc hẳn ông giáo thuê lại, chắc hẳn thuê một hạn lâu lắm...

- Sao lại "chắc hẳn"? Thế ra ông cũng không biết rõ hay sao?

- Biết rõ gì?

- Biết rõ ông chủ là người thế nào?

- Việc gì phải biết rõ? Mình đi ở thì biết là đi ở, chứ vạ gì mà... Vả lại ông giáo không ưa cái thói tò mò thóc mách, không ưa nói nhiều mà cũng không thích nói nhiều.

Thế rồi hình như cũng theo cái gương ít lời kia, người đầy tớ già không nói câu nào nữa.

Sắc ngồi trên chõng, tay mân mê cái miệng nải mới thắt, nghĩ đến cảnh đi ở lạ lẫm của mình. Hắn bằng lòng hầu bất kỳ ai, miễn là người ta có đủ cơm nuôi với tiền công trả hắn. Nhưng đến ông giáo này thì hắn không thể dùng bản khoán nghĩ ngợi được.

Hắn hỏi ông Quáng đến công việc của hắn phải làm hàng ngày. Công việc cũng chẳng có gì, ngoài việc kéo xe cho ông giáo thì chỉ phải chợ búa, thổi nấu với quét tước thôi. Nước thì không phải đi gánh xa, vì nhà đã có giếng.

- Thực rồi lắm, anh ạ. Làm xong việc rồi thì tha hồ chơi. Hay ngủ cũng được, ông giáo không nói gì bao giờ.

Sắc vẫn lấy chuyện quét dọn để nói đến những sách vở bề bộn trong nhà, rồi nhân đó nói đến cái bàn giấy, cái tủ sách với cái đầu lâu. Hắn nghĩ đến cái đầu lâu cũng đủ rùng mình, nhưng hắn cố làm mặt tự nhiên, cố nói thản nhiên để ông Quáng không cho rằng hắn có ý thóc mách. Nhưng ông già cười sằng sặc, nhìn hắn một cách ngộ nghĩnh và nói:

- Anh không sợ cái đầu lâu ấy ư? Tợn nhỉ. Hồi tôi mới đến ở thì tôi chẳng còn hồn vía nào nữa. Gớm! Cửa đầu lại có cửa lạ đời!

Rồi vừa cười, vừa ho, ông già nói tiếp:

- Mà xem ra ông giáo quý lắm, giữ gìn rất cẩn thận... còn tôi thì tôi không dám đến gần bao giờ, cũng không dám nhìn đến nó... vì hình như lúc nào tôi cũng tưởng nó nhìn mình, như nó muốn nói gì với mình. Nhưng được cái lâu dần đỡ sợ đi... Bây giờ thì tôi đã quen với nó.

Sắc hỏi:

- Ông quen với cái đầu lâu ấy?

- Không. Quen nghĩa là trông quen đi ấy mà, chứ mình là người sống thì làm quen sao được với những của ấy.

- Sao ông giáo lại có cái đầu lâu thế nhỉ?

- Không biết, vì tôi không dám hỏi. Nhưng ông giáo thường bảo tôi rằng cái đầu ấy là một vật hiếm có lắm, quý lắm kia đấy. Ông giáo dặn tôi phải có ý tứ, đừng đụng chạm đến bao giờ... Có một lần tôi thu dọn ở nhà trên, lỡ tay đánh rơi một cái đồng hồ to xuống đất. Ông giáo đang ngủ, hốt hoảng chạy ra, luôn miệng nói một câu: "Thế là xong rồi, thế là hỏng rồi!" Tôi lo sợ không biết ngăn nào, nhưng lúc ông giáo trông thấy cái đầu lâu vẫn còn đó thì liền đổi ra vẻ mừng rỡ, không mắng tôi một tiếng nào qua. Cái đồng hồ quả lắc đem lên phố chữa mất ba đồng bạc mới lại chạy được.

Thấy Sắc chú ý đến câu chuyện của mình, ông già không hà tiện lời như trước nữa. Ông ta bèn đem chuyện nhà quê, chuyện ruộng nương, chuyện con cháu nhà ông ta ra nói mãi.

Song câu chuyện của ông lão sắp được về quê kia không có ý vị gì đối với Sắc cả. Hắn mấy lần toan ngắt lời để hỏi ông ta những điều hắn muốn biết, nhưng thấy ông Quáng nói chuyện ra ý sung sướng lắm nên hắn nể, cứ phải âm ừ cho qua. Ông già vừa ngừng lời, Sắc chực hỏi một câu thì trên nhà có tiếng gọi ông Quáng. Sắc ngồi một mình dưới bếp, bực dọc buồn chán lắm, bụng bảo dạ:

"Hay là mình không ở đây nữa?"

Ở với người chủ lạ thường như thế hắn là một sự không lành. Vì đâu? Hắn không biết. Nhưng hắn có cái cảm giác đáng lo sợ, đáng phải giữ dè cẩn thận, để phòng những điều nguy hại hắn không biết trước được, nhưng thế nào cũng có ngày hiện ra... Cái nhà âm tối mà hẻo lánh... Ông chủ hom hem, hai con mắt sáng như lửa... Cái tủ sách... Cái đầu lâu! Trời ơi! Sao lắm điều kỳ quái vậy?

Hắn ta đứng lên, nhất định đi nói với ông chủ để ra ngay lập tức. Hắn đương lựa những cớ để không ở đây một phút nào nữa, chợt nghĩ đến tờ giao ước ba năm. Thôi! Thế là nguy, thế là chết! Ba năm trời đằng đằng phải ở với ông giáo kỳ dị kia, ở một chỗ đồng không mông quạnh này, để mà lo sợ không biết bao nhiêu việc quái gỡ phi thường!... Sao mà cái số của hắn mạt đến thế?

Ông Quáng trên nhà xuống giục hắn nhóm bếp thổi cơm. Lúc ấy hắn mới nhớ ra rằng từ sáng hắn chưa được chút gì vào bụng. Hắn thấy thịt, cá mua sẵn về còn thừa nhiều thì tưởng ông Quáng mua đem về quê, nhưng ông già bảo hắn rằng ông giáo rộng rãi lắm. Cái ăn uống ông muốn thật kỹ càng, sạch sẽ, mà phải nhiều, thừa thãi cũng được, nhưng không được thiếu bao giờ.

"Đồ ăn ngon lành, gạo thơm mà trắng, ta cứ ăn đã, rồi sau muốn ra sao thì ra".

Sắc nghĩ thế rồi sẵn lòng đi chất bếp.

Bữa cơm dồi dào buổi chiều hôm ấy làm cho Sắc vui vẻ và quên hết các điều lo ngại. Hắn tự nhủ rằng ông già này còn ở được với ông giáo hướng chỉ mình. Và hình như lúc đầu, người chủ mới đã tỏ ý ưa hắn thì phải.

Nhưng đêm ấy Sắc không ngủ được, nằm trên chõng, bên ông Quáng, nghe ông ta lẩm nhẩm nói mê với nghe tiếng chuột chạy rúc rích trong bếp thì bao nhiêu cái chán nản với cái nghi ngờ lo ngại lại hiện đến dần dần.

Rồi đến sáng hôm sau, lúc ông Quáng từ giã hắn để ra tàu, hắn đứng ngoài cổng trông theo ông ta, lòng băng khuâng trơ trọi và buồn bã không biết ngăn nào.

Sau hắn lấy thau, ra cái giếng gần bếp múc nước để ông chủ dậy rửa mặt, rồi rón rén đẩy cửa lên nhà trên.

Nhà tối và vắng yên.

Từ cái cửa sổ con đưa vào một thứ ánh sáng lạnh lẽo mờ xanh hòa với ánh lửa ngọn đèn trên bàn giấy. Gian bên kia, tấm màn gió hơi uyển chuyển cử động. Một tiếng ngáy dài dòn lan ra một lát. Rồi im lìm. Sắc như bước vào một nơi kỳ quái hoang vắng lạ.

Hắn đứng nhìn khắp nhà một lượt, nhưng không dám trông đến cái tủ kính. Tuy thế, hắn cũng biết có cái đầu lâu trên nóc tủ, mà cái đầu lâu ấy hình như là đầu lâu của một bộ xương người đứng trong tủ nhô lên.

Một tràng ngáy nữa lại đưa ra... rồi lại im... để cho tiếng tích tắc thông thả của chiếc đồng hồ treo điều hòa điểm vào sự yên lặng.

Sắc đợi cho trống ngực đập chậm lại một chút, thở dài một tiếng mạnh, đặt thau nước lên cái ghế thấp cạnh bàn giấy, rồi đi ra giữa nhà.

Bỗng nhiên, hắn bước vội lên, cố nín một tiếng kêu khiếp sợ. Trong chiếc tủ kính mà hắn vừa qua, hắn thoáng thấy có người cử động. Ngàngh liếc lên mặt kính, hắn mới biết rằng đó chỉ là bóng mình.

Tuy thế, Sắc cũng mất hết can đảm.

Hắn nghĩ mãi mới nhớ ra rằng mình lên đây để xem "ông giáo" đã dậy chưa. Nhưng nghe tiếng thở đều, hắn biết rằng chủ hắn còn ngủ say. Hắn không biết nên lảng lảng đi xuống hay nên đánh thức ông ta dậy. Đang phân vân thì Sắc trông thấy cái chổi lúa dựng bên một chân ghế ngựa. Hắn liền cầm lấy, ngấm ngấm một lát, rồi đi vắt cái màn gió xanh lên để quét nhà.

Bấy giờ vào khoảng tám giờ. Ánh nắng vàng hoe soi lùa vào bức màn tây trắng. Trong màn, "ông giáo" nằm cứng thẳng dưới tấm chăn mỏng: mặt gầy, da xanh, mắt sần và nhắm chặt - y như người chết rồi. Sắc đứng lặng nhìn một hồi lâu, trong bụng nôn nao sợ hãi... Hắn trông thấy có ánh nắng soi vào và thấy bên ngoài cây lá đang rung động, mới hơi được vững dạ.

Lúc hắn thôi nhìn qua cửa sổ, ngoảnh đầu trông lại thì ông giáo đã mở mắt từ lúc nào không biết, và đang nhìn hắn trừng trừng.

Nhưng ông ta vẫn nằm yên, miệng ngậm, chân tay duỗi thẳng. Sắc bối rối quá, hết sức định thần lại, vừa đáp ứng nói:

- Con đã lấy nước... mời ông...

Thì người kia bỗng ngắt:

- Kéo cái màn gió xuống, rồi để tôi nằm yên!

Sắc chưng hửng một lát, không hiểu.

- Đã bảo kéo cái màn xuống. Anh lên đây làm gì?

Sắc lúng túng thưa:

- Dạ... bẩm... bẩm con lên quét nhà.

Ông giáo hơi liếc ra phía nhà ngoài:

- Quét gì bây giờ? Đi xuống đi. Đến bốn giờ chiều mới được gọi tôi dậy.

Sắc không dám hỏi đến việc cơm nước buổi sáng, quay lưng đi xuống thì ông giáo gọi giật lại. Hắn hỏi:

- Thưa ông bảo gì con?

- Bảo gì? Cái màn gió kia sao không buông xuống?

Sắc sực nhớ, buông vội bức màn xanh rồi lật đặt xuống ngay bếp.

Hắn vừa mới ngồi trên chõng ôm đầu ra dáng bực dọc chưa được vài phút, bỗng thấy tiếng kẹt cửa. Hắn ngừng lên thì "ông giáo" đã đứng trước mặt, nhìn hắn bằng đôi mắt kính đen. Ông ta lúc ấy mặc chiếc sơ-mi xám và dài phủ xuống vừa đến gấu cái quần đùi đen và ngắn; người như một bộ xương mặc áo, hai chân ông sậy tua tua những lông dài.

Ông ta nhìn Sắc một lát rồi mới nói:

- Từ nay trở đi, hễ sáng dậy thấy tôi chưa tắt đèn trên nhà thì anh phải lên tắt đi nhé. Bây giờ lên bỏ thau nước xuống.

Sắc chỉ "Vâng!" một tiếng rồi đứng yên vì người kia vẫn án ngữ trước cửa.

- Anh đã đun nước chưa?
Sắc nhớ ngay đến ấm nước đun sôi từ sớm vẫn còn để quên trên bếp.

- Thừa ông, đun rồi nhưng chưa pha. Con tìm không thấy chè với ấm tích đâu cả.

- Thế ra ông Quảng không bảo cho anh biết rằng tôi không uống chè ư?

- Bẩm không.

- Cũng không dặn gì về giờ ăn, giấc ngủ của tôi?

- Bẩm chưa.

- Mà cũng không bảo cho anh biết những công việc hàng ngày sao?

- Bẩm có, nhưng...

- Nhưng dặn không cần thận chú gì? Thôi được. Vậy từ nay anh phải nhớ rằng bao giờ tôi cũng ngủ đến bốn giờ chiều mới dậy. Trong lúc ấy thì phải yên lặng hết sức, có dọn dẹp gì thì chỉ ở phía ngoài cái màn gió thôi... Cái màn ấy lúc nào cũng phải buông. Mà làm thì phải cho nhẹ tay, nhất là đừng có đụng chạm gì đến những sách vở của tôi trên bàn giấy.

- Vâng.

- Còn cơm nước thì mỗi ngày chỉ phải làm có một bữa... mà làm cho dồi dào. Anh muốn ăn lúc nào hay ăn mấy bữa tùy ý nhưng cứ đúng bốn giờ chiều là phải dọn cơm riêng cho tôi. Bây giờ anh lên đây để tôi đưa tiền chợ cho.

Sắc theo ông giáo lên nhà. Ông ta đến ngồi sau bàn giấy mở ngăn kéo lấy ra một tờ giấy bạc một đồng, nhìn thẳng vào mặt Sắc, nhưng nói một cách ôn tồn:

- Tiền chợ này, cứ hai ngày tôi lại đưa cho anh một lần tùy ý anh xoay đổi món ăn cho khéo... Tôi biết anh là người trung hậu thật thà, tôi mới mượn... tôi muốn cho anh ở lâu với tôi. Anh ở đây phải kín đáo, lễ phép và thấy tôi làm việc gì cũng không được tò mò thóc mách như mấy người trước... Lại không bao giờ được đi đâu mà không xin phép tôi.

Ngừng một lát để ho mấy tiếng rồi ông giáo lại tiếp:

- Anh phải nhất định ở với tôi ít ra là ba năm như trong tờ giao ước đã nói, anh nghe không? Tôi không muốn bắt anh phải khó nhọc gì đâu. Tôi làm thế là vì mấy người trước tôi gọi đến để thay ông Quảng, không người nào được cẩn thận lại không có bụng trung hậu, vì người trung hậu hay không tôi cũng biết. Họ ở với tôi chừng nửa tháng là xin ra ngay. Tôi không muốn thay đổi đầy tớ luôn như thế, nên tôi bắt anh phải ký giấy cam đoan hẳn hoi. Vậy anh đừng tìm cách bỏ tôi đây, anh nghe chưa?

- Vâng... con nghe rồi... mà con đâu dám bỏ ông.

- Vậy thì hay lắm. Bây giờ anh đi rót nước vào cái bình trên bàn giấy này, rồi để cho tôi ngủ yên.

Sắc bưng thau nước trên nhà xuống, vừa đi vừa ngẫm nghĩ đến lời nói và cử chỉ của người chủ mới, bụng bảo dạ: "Không biết ông này là người thế nào mà không mấy ai dám ở lâu... đến nỗi phải bắt ta làm lấy cam đoan để giữ ta lại..."

Hắn ngồi xỏm trước cái bếp gần tắt, tay đặt củi gầy lại một cách đặng trí, mặt rõ rệt lộ ra vẻ băn khoăn: "Kể công sá thì chả còn đâu hơn, mà việc làm ăn, nếu chỉ có việc kéo xe với thu quét vạt vĩnh thôi thì cũng chẳng đâu rồi hơn nữa... Nhưng xem ra ông này là người kỳ dị quá!" Hắn thối cho bếp cháy to rồi lại nghĩ: "Mà cơm nước sao chỉ ăn một bữa? Lại ngủ cả ngày, đến bốn giờ mới dậy... Dễ thường đêm phải thức, mà thức làm gì? Lúc sáng mình lên thấy cái đèn vẫn cháy to".

Hắn lại nhớ đến cái đầu lâu với những sách vở bệ bộn trên nhà, rồi hắn hỏi hặn rằng sao không tìm cách hỏi ông Quảng cẩn thận để biết rành mạch những điều hắn muốn biết. Nhưng xem ra người đầy tớ già này cũng mập mờ lắm: chẳng biết vì kín đáo hay vì ngu độn, động hỏi đến thì ông ta lại trả lời một cách vu vơ... "Nhưng dầu sao, người đã phải ở biệt tịch một nơi như chỗ này, tất không phải là người thường, tất có chuyện gì đây chứ chẳng không. Ta gặp được chủ mới đã tưởng có chỗ nương thân, không ngờ lại gặp phải người lạ lòng như thế... Vậy ta cứ biết ở đây ngày nào hay ngày nấy, rồi sau ta sẽ liệu dần..."

Ấm nước bỗng reo. Hắn đẩy củi đọi cho sôi lên rồi đem rót vào cái bình thủy tinh lớn trên cái bàn bừa

bãi những giấy, sách và nhật trình.

Lúc ấy chủ hán đã vào giường ngủ lại.

Sắc đang ghé đọc nhan đề của mấy quyển sách Tàu để bên những tập sách dày xộc xệch, thì đồng hồ điểm chín tiếng. Sau màn, tiếng ngáy đưa ra dài và to hơn.

Sắc vội vã cất ấm nước xuống bếp, tìm lấy một cái rổ con và một cái rá, ra ngoài đi về phía vườn Bách Thảo, hỏi thăm đường ra chợ Rào mua thức ăn để làm bữa cơm chiều.

Chiều hôm ấy, cơm nước xong, "ông giáo" vừa xỉa răng vừa gọi bảo Sắc:

- Anh ăn cơm rồi lên dọn giường chiếu, đem những quần áo tôi thay để mai giặt. Cả quần áo tây nữa, vì tôi không cần là. Rồi quét tước, lau chùi bàn ghế và rót dầu vào cái đèn trên bàn giấy cho tôi.

Sắc rửa mâm bát, dọn dẹp dưới bếp xong, lúc cầm chổi lên nhà trên thì người chủ của hán không còn trên đó nữa. Hán lấy làm lạ chạy ra sân, rồi lại ra ngoài cổng trông ngơ trông ngác mãi mới thấy ông ta đã mặc quần áo, đội mũ, đang lững thững đi trên con đường Thiên Lôi về phía làng Đôn Niệm đầu cúi ra dáng nghĩ ngợi, hai tay chấp sau lưng.

Thoạt tiên, hán muốn bước theo xem ông ta đi đâu, song hán ngừng lại ngay, trở vào thu dọn trong nhà để nhân tiện xem xét cẩn thận.

Hán chú ý đến cái tủ sách hơn cả. Lúc ấy thì hán đã quen với cái bóng mình thấp thoáng trên mặt kính. Nhưng mỗi khi qua đó hán cũng thấy giật mình.

Sau cùng khi đã thu dọn quét tước xong, hán cầm lăm lăm cái khăn trong tay, táo tợn bước thẳng đến trước mặt cái tủ, vừa đi vừa lẩm bẩm nói:

"Thì việc quái gì mà sợ nào!"

Hán đứng sững, trợn mắt nhìn vào trong tủ đến hai, ba phút rồi mới dịu mặt lại, vừa lau vừa xem.

Tủ này có năm ngăn đều nhau, ngăn nào cũng chật ních những sách dựng đứng: Những sách gáy vải đen, chữ in vàng, những sách gáy da đỏ và da xanh, để ở hai ngăn trên; những sách bìa giấy vàng, dày và nhỏ khổ; những sách lớn đã mất bìa long gáy, với những sách rộng, mỏng, nằm ngang trên những sách xếp đứng; lại có những sách chữ nhỏ, vừa dày vừa mỏng đến chừng ngót hai chục quyển để ép vào một góc và xếp gọn ghẽ như ít khi lấy ra,

Ngăn dưới cùng thì để mấy pho sách rít dày, to bằng bảy, tám quyển khác, trên đó ngổn ngang những giấy cũ từng dập, từng vỡ, từng cuộn, với những cọc nhật trình.

Lúc ấy trong nhà vắng lặng, mọi vật im lìm trong bóng tối mập mờ. Quả lắc đồng hồ treo trên tường thong thả đưa những tiếng đều hòa một cách dai dẳng. Sắc không dám cử động mạnh. Cái đầu lâu trắng trên nóc tủ hán không dám để ý đến và chỉ muốn quên đi mà không được. Hán lại thấy cái cảm giác khó chịu là bị "nó" đang dò xét những cử chỉ của mình.

Sau hán hết sức thu lấy can đảm, ngừng phát lên, ngạo nghễ trông vào cái đầu lâu. Cái đầu lâu trắng trong khoảng mờ đen vẫn nhe răng ra cười, nhưng hán cố tình "cắm" mãi đôi mắt hán vào hai cái lỗ mắt sâu tối của nó, nhất định không nhìn đi chỗ khác.

Bỗng nhiên, hán rợn người lên... vì, bên cái sọ trắng kia, hán vừa thấy như có một vật gì đang cựa mình. Hán còn tưởng mắt trông nhầm, thì một tiếng kêu kỳ quái đưa lên, - một tiếng kêu rền rĩ, khàn và dài như tiếng khóc của đứa trẻ ốm sắp chết. Ngay lúc ấy, một cái bóng đen ở giữa có hai điểm trắng xanh lèn lẹt nhô cao lên một cái, rồi nhảy ngay xuống chân Sắc làm cho hán cuống cuống lên. Nhưng cái bóng đen đã nhảy vọt ra giữa nhà, nhảy vào sau bức màn gió rồi vắng mình qua cửa sổ biến mất. Tuy vậy Sắc cũng kịp nhận ra đó là một con mèo đen.

Sắc không còn trí nào lau dọn nữa, gieo người ngồi thừ trên tấm ghế ngựa gian giữa, vừa thở vừa lau mồ hôi trán, luôn mồm lẩm bẩm:

- Trời đất ơi! Trời đất ơi! Sao lắm cái kỳ quái vậy!

Hán ngồi đó rất lâu, cho mãi đến quá năm giờ, ông giáo ở ngoài đẩy cửa vào, hán mới đứng dậy.

Nhưng ông ta không để ý gì đến hán, và không kịp bỏ mũ, áo, đến ngồi sau bàn giấy cắm cúi viết hoài. Ông ta có dáng vội vàng như sắp sửa đi đâu tức khắc. Viết được chừng năm phút, thấy ông ta ngừng

tay, Sắc tưởng ông ta sẽ đứng lên, nhưng ông ta ngồi nghĩ một hồi lại cúi xuống viết nữa - cứ như thế đến bốn, năm lần.

Hắn đứng rảng một lúc rồi rón rén đi ra.

Vừa khỏi cửa nhà trên, hắn đã thấy con mèo đen ngồi gần bờ giếng, quay lưng lại hắn và đang ve vẩy đuôi. Hắn bèn cẩn lấy môi, hết sức nhẹ nhàng đi lại sau con mèo, lấy cái chổi lúa cầm tay ném vào nó một cái thực mạnh.

Con mèo gào lên một tiếng ngắn rồi biến vào trong bụi mát. Sắc đi nhặt chổi, lúc quay trở lại, thì ông giáo tay cầm cái quần bút lớn, đang đứng đợi hắn ở trước cửa lên nhà trên.

- Anh làm gì mà tôi gọi không thưa?

- Bẩm ông... con đuôi con măn.

- Con măn nào?

- Bẩm, con măn đen nó vào rình trong nhà lúc này.

- Thì việc gì mà đuổi nó?

- Con tưởng là măn của người ngoài...

- Tôi cũng không nuôi măn, nhưng đuổi nó làm gì? Anh lên nhà thắp đèn lên cho tôi. Rồi tôi lên trên ghế ngựa trên nhà mà ngủ nhé!

Tuy hắn vâng, nhưng sau khi thắp đèn rồi, hắn xuống dưới bếp nằm trên chiếc chõng suy nghĩ mãi: xưa nay hắn quen ăn ở nơi xó bếp và cho chỗ giường cao, chiếu sạch không phải là chỗ mình được nằm ngồi. Ông chủ dầu cho phép, mình cũng phải từ chối đi. Nhưng đối với ông này chẳng biết làm thế có nên không, hay ông ta lại cho mình có ý nghi ngại. Chính ra thì Sắc cũng có điều e ngại thực. Hắn tự đứng thấy mình sợ người chủ và sợ cả nơi ăn chốn ở của ông ta. Hắn nằm nghĩ vẩn vơ một hồi rồi ngủ quên đi mất.

Vào khoảng nửa đêm, hắn nằm mơ toàn thấy những cái quái lạ hết sức: hắn đi theo ông giáo đến một bãi tha ma kia; ông giáo đầu trọc bóng nhoáng, vừa cười, vừa xắn ống quần đen lên quá đầu gối, để lộ ra hai ống chân gầy và đặc những lông; ông ta lấy cuốc, cuốc lên một cái đầu lâu trắng với một con mèo đen rất to. Rồi cả ông giáo cả cái đầu lâu, cả con mèo cùng vẩy chung quanh hắn mà nhả răng ra cười. Sắc vừa chực co chân chạy đi thì bỗng giật mình thức dậy, mồ hôi ướt đầm lưng. Trong bếp đen tối mịt mù; tiếng giun dế âm thầm kêu trong tiếng chuột chạy rúc rích.

Sắc không dám ngủ nữa, ngoảnh trông ra phía cửa bếp thì thấy mấy ngôi sao đang nhấp nháy trên nóc nhà trên. Trong nhà vẫn còn thấy ánh đèn chiếu ra, hắn mới nhẹ nhàng chống tay ngồi dậy.

Vừa lúc đó hắn nghe có tiếng lẩm bầm nhỏ và tiếng giấy sột soạt.

Hắn đứng lên, rón rén đến tận cửa, cúi xuống ghé mắt sau một khe ván nhìn vào trong. Dưới cái chụp đèn xanh, hắn trông rõ thấy cái đầu hói của chủ đang cầm cùi trên một đệp giấy trắng. Một ngón ở cái bàn tay đang cầm bút chậm chạp gãi lên cái trán rộng; mắt sáng quắc, nhìn trừng trừng vào cái đầu lâu ở trước mặt; miệng nhách về một bên, không biết là cười thầm hay là nhả. Sau đó chừng hai, ba phút mới thấy ông ta chấm mực rồi viết, viết rất nhanh ra đáng vội vã. Khi nào ngừng viết lại chỉ giương mắt nhìn cái đầu lâu.

Sắc chú ý xem viết được chừng bốn, năm trang giấy - mỗi trang viết xong, ông ta lại cẩn thận hai tay nâng để sang bên cạnh - thì đồng hồ đánh một giờ. Ông giáo bỗng quay đầu nhìn ra cửa sau, làm cho hắn đang lúc vô tình, bất giác bước lùi ngay ra, rồi lẩn vào trong bếp, trống ngực đập thình thình. Sắc lo sợ quá, chưa thoát khỏi hai ngọn lửa của đôi mắt kia soi vào tâm hồn hắn, thì bỗng thấy những tiếng lẩm bầm rất nhanh ra ý gắt gỏng, tiếng quăng bút, vò giấy, tiếng bước chân đi đi lại lại, rồi một chốc thấy im.

Sắc đồ chừng ông giáo lại ngồi xuống viết nữa, rón rén bước lên coi. Bất đồ vừa tới cửa nhà trên thì cửa bỗng bật mở ra, ông giáo đã đứng sững đó. Ông ta đột ngột hỏi:

- Anh làm gì dưới này?

- Dạ... thưa ông... không!

- Không làm gì? Không làm gì, sao đứng đây?

Sắc không biết nói sao, đứng nín thở mà đợi những tiếng chửi mắng dữ tợn. Nhưng ông giáo không nói gì. Ông ta nhìn lên trời, lẩm bẩm mấy câu tiếng Tây, rồi như người sực nhớ ra, hỏi Sắc:

- Tôi đã bảo anh lên trên ghế ngựa trên nhà mà ngủ, sao anh không nghe?

- Bẩm... con đã có cái chõng dưới bếp.

- Không! Tôi muốn anh lên ngủ trên nhà.

Nói rồi, ông ta lui vào.

Sắc thấy chủ không dă động gì đến việc mình đứng nhòm trộm, nên đã bớt sợ. Anh ta lại thấy nhà trên sáng sủa, ấm áp hơn cả ban ngày, nên lúc leo lên bộ ghế ngựa giữa nhà anh ta cũng hơi được yên bụng. Sắc nằm quay mặt vào tường, đầu về phía bàn giấy, tuy nhắm mắt, im tiếng, nhưng vẫn để tai nghe. Ông giáo hình như đứng lặng nhìn hẩn; và khi thấy hẩn nằm yên mới đi kéo ghế ngồi sau bàn. Một lát Sắc lại nghe thấy tiếng ngồi bút gại trên mặt giấy.

Đến quá ba giờ, Sắc mới ngủ đi được. Lúc thức dậy thì trời sáng đã lâu, đèn trên bàn giấy đã tắt, cái xương đầu lại thấy đặt cẩn thận trên tủ sách và "ông giáo" thì đang ngáy ở sau tấm màn gió xanh.

Sắc ở với người chủ kỳ quặc mà hẩn bắt chước người đầy tớ già gọi tên là "ông giáo" kia đã được hơn một tháng. Nhưng hẩn không thể nào hiểu được một ly một tí gì về lai lịch và những công việc lạ lùng của ông ta.

Còn công việc của Sắc thì chả có gì.

Thỉnh thoảng hẩn mới phải kéo chủ lên thư viện Hải Phòng và ngồi đợi ở đó từ bảy ruỡi, tám giờ đến mười một giờ tối.

Ông giáo chỉ ăn cơm có một bữa, uống toàn nước lã đun sôi; ba ngày mới thay một bộ quần áo trong; rửa mặt thì chỉ rửa nước lạnh; nhà có giếng tốt, hẩn không phải lo đi xa gánh nước; củi với gạo, hẩn mua trữ sẵn, một ngày một lần ra chợ Huyện Rào mua thức ăn.

Bởi thế Sắc nhiều thì giờ rồi quá, có khi suốt bốn, năm giờ đồng hồ, hẩn ngồi buồn bã một mình ở trước cửa bếp hay ở bờ hè nhà trên, trông đồng lúa đằng xa, dưới ánh nắng hanh, ẩn hiện sau những cây găng sơ rơ gió lạnh thổi qua từng trận.

Bên trong thì ông giáo chốc chốc lại đưa cao tiếng ngáy, - chiếc đồng hồ treo chậm chạp điểm thời khắc, và cả ba gian nhà cũ vắng lặng như cũng theo ông giáo ngủ một giấc nặng nề.

Đến bốn giờ chiều cơm nước làm xong, Sắc lên nhà đánh thức chủ dậy. Nhưng nhiều khi hẩn vừa vén chiếc màn gió lên, đã thấy ông chủ mắt đeo kính đen ngồi ngáp ở mép giường và nhìn theo cử chỉ của hẩn.

Ông giáo súc miệng qua rồi ăn cơm ngay ở trên bộ ghế ngựa hẩn vẫn nằm ngủ. Ông ta ăn rất chậm, hai mắt trông đây, rồi trông đó, gặp cái gì cũng nhìn có lúc nhìn rất chăm chú, nhưng thực ra thì như không trông thấy gì. Thường khi đang nhai nhấm mai miếng cơm, ông ta bỗng buông đũa bát xuống chạy ngay đến bàn giấy nguệch ngoạc mấy chữ lên một quyển vở rồi lại ngồi vào mâm.

Cơm xong, rửa mặt sơ sài, ông ta lẳng lẳng mặc áo đội mũ đi liền. Mà bao giờ cũng đi trên đường Thiên Lôi, về phía làng Niệm Nghĩa.

Chừng sáu giờ thì ông ta về, mặt có vẻ tư lự lắm.

Ở ngoài ngõ vội vã bước vào, ông ta đến ngay bàn giấy ngồi cắm cổ viết đến mười, mười lăm phút. Có khi ông giáo cứ thế ngồi cho đến tối, không bỏ mũ, không bỏ áo và hình như cũng không để ý đến ai.

Một lần Sắc quên không tắt đèn mà ông ta vẫn cứ cắm cúi viết mò trên mặt giấy.

Đáng trí là một tính đặc biệt nhất của ông giáo. Nhiều khi ở phía Niệm Nghĩa về, ông giáo đi đến chỗ đường đất rẽ vào nhà mà vẫn cứ tiến thẳng, được một lát mới tắt tả quay trở lại. Ông ta sợ quên những ngày định vào thư viện, phải đánh dấu trước lên một tờ lịch nhỏ, dặn Sắc ngày nào cũng bóc, mà khi thấy đến tờ có gạch bút chì xanh thì phải nhớ kéo xe ông ta lên Hải Phòng. Có chiều Sắc đang rót dầu vào đèn ở ngoài sân, bỗng thấy chủ gọi. Lúc chạy vào thì ông giáo ngồi chõng cằm nhìn mình một cách

ngạc nhiên, không nói năng gì. Sắc vừa quay đi thì ông giáo mới sực nhớ ra, gọi Sắc lại và thần nhiên bảo:

- Tối rồi thì phải, sao anh chưa thắp đèn lên?

Mũ áo mà lúc ở ngoài về mà ông ta quên chưa kịp bỏ ra ngay, có sáng Sắc thức dậy thấy vút bừa trên ghế hay để rơi cả xuống chân bàn; có lẽ lúc vào giường đi nằm, ông ta xéo cả lên mà không biết.

Tuy vậy đối với công việc ăn mặc, ông ta lơ đãng, cầu thả chừng nào, thì đối với cái công việc viết lách bí mật của ông ta, ông ta lại cẩn thận chăm chú chừng ấy.

Cái đầu lâu, những sách vở trong tủ kính, cùng với giấy má trên bàn, xem ra có liên lạc quan trọng với nhau. Mà tưởng chừng chả còn người nhà giàu nào quý hóa giữ gìn những lọ cổ của mình hơn là ông giáo quý cái đầu lâu với những sách vở ấy. Sắc thường thấy mỗi khi lấy một quyển nào ở trong tủ ra, hay đem một quyển ở trên phố về, ông giáo lộ ra vẻ sung sướng, nâng niu đặt lên bàn, và lấy vạt áo lau nếu sách có bụi hay mốc bám. Hắn lại không bao giờ quên được cái vẻ mặt đạo mạo, cái giọng nói nghiêm nghị, lúc ông giáo dặn dò hắn phải có ý tứ, đừng động chạm tới cái "đầu" của ông ta.

Không đêm nào ông giáo không nâng cái đầu lâu trên nóc tủ mà đặt xuống bàn một cách trân trọng ở trước mắt mình.

Ông ta ngồi làm việc suốt đêm: viết, đọc hay yên lặng suy nghĩ. Thỉnh thoảng ông ta lại cầm lấy cái sọ nhìn một lúc, rồi lẩm bẩm như nói cho nó nghe. Nói có khi rất lâu. Giọng nói lúc thì buồn bã, lúc thì bức tức; nhưng Sắc không nghe rõ được mấy nên không hiểu là nói những gì.

Có đêm Sắc đương mơ mơ màng màng, bỗng nghe tiếng găt mắng ầm lên. Hắn hốt hoảng mở mắt nhìn ra thì thấy ông giáo đang mồm môi, trừng mắt một mình, hoặc thấy ông ta đẩy ghế đứng lên đi đi lại lại quanh bàn giấy. Hắn ngạc nhiên quá, nhắm mắt lại để nghe ngóng nữa thì chỉ thấy ông giáo lẩm bẩm rồi lại ngồi yên.

Câu nói mà trong những lúc này hắn thường thấy nhắc tới luôn, lại là câu hắn thấy vô nghĩa nhất.

Ông giáo nói câu đó một cách chán ngán, giọng nói kiểu cách như người đọc văn: "Ôi! Hư vô! Ôi! Cõi luân lý! Bao giờ ta mới bước được tới chốn vô cùng vô cực đó? Bao giờ sự chết kia đối với ta không còn một mảy may bí mật gì?" Tiếp sau đó là những câu khó hiểu hơn, trong đó len vào toàn những tiếng: "hư linh, thực nghiệm, chủ nghĩa, thần quái, ảo tưởng..."

Những tiếng này, dưới kính hiển vi của sự nghi hoặc lo ngại, thường phóng ra những điều hết sức dị kỳ. Sắc, bởi thế, cho rằng chủ hắn là một hạng kỳ nhân, có cái trí thức siêu phàm và có cái quyền phép giao tiếp được với giống yêu ma tinh quái. Cái sọ người mà ông ta giữ gìn như một thứ phù chú, với cái tính lầy đăm làm ngày kia lại càng làm cho điều phỏng đoán của hắn càng ngày càng chắc chắn thêm. Có phen Sắc đã tự hỏi mình rằng người mà hắn hầu hạ và ở chung đụng bấy lâu có thực là một người trần không, hay là một thứ vong hồn hiển hiện?

Sắc vẫn nhắc đi nhắc lại một mình rằng: ở đây chẳng qua là nường thân tạm bợ ít lâu thôi, chứ ông chủ có một kia, dầu không phải là ma cũng không phải là người để nhờ cậy được. Cho nên Sắc hay nghĩ kế đi trốn. Hắn làm ra mặt thần nhiên, và quét tước, nấu nướng, giặt giũ, một cách chăm chỉ hết lòng để cho chủ hắn không ngờ gì cả. Xem ra ông giáo cũng không ngờ vực hắn bao giờ.

Hai bận ông giáo mãi làm việc ở nhà không lên thư viện được, sai hắn cầm mấy chữ lên nói với người thư ký ở đó trao sách vở cho hắn cầm về: những sách vở báo chí mà ông giáo nhờ mua hộ. Sắc khéo lựa lời dò hỏi thì biết người thư ký là người thay mặt ông giáo giao tiếp với các nơi khác, nhưng còn lai lịch ông giáo thì người này cũng như Sắc, không biết tí gì qua. Lúc Sắc ngờ những nỗi lo ngại của mình thì ông ta chỉ cười một cách thờ ơ mà bảo hắn:

- Nhà thông thái ấy thực lạ lùng!

Một buổi tối kia, Sắc lại được chủ sai lên Hải Phòng: lần ấy là để cầm về một số tiền năm chục đồng mà ông thư ký thư viện lĩnh hộ. Sắc thấy chủ ham công việc quá và hình như không cần nghĩ gì đến việc ngoài, nên lúc ở cửa thư viện bước ra, hắn đã toan nhân cơ hội mang số bạc đi trốn. Nhưng không biết tại sao, chân hắn cứ bước về vườn Bách thảo, như có sức gì lôi mình về. Hắn nhớ đến tờ cam

đoan mà hần phải ký hôm xưa. Hần quyết không sợ tờ giấy ấy về phương diện pháp luật. Song ba chữ Ngô văn Sắc hần ký lên đó, hần thấy quan trọng bằng ba chữ máu viết bán hồn mình cho một hung thần như trong truyện truyền kỳ. Hần tin rằng hần đã cầm bút ký, tên hần đã ở trong tay người chủ, thì hần không thể đi đâu thoát trước khi mãn cái hạn ba năm. Cho nên lúc về nhà cầm số bạc với tập giấy đưa cho chủ xong, hần bước ra đằng sau, mừng mà tự báo mình rằng: "Tí nữa thì ta làm một điều đại đột". Hần nhớ lại đôi mắt của ông giáo nhìn hần lúc nhận tiền, với cái cười ở miệng ông ta, cái cười rất có ý nghĩa đối với hần. Hần nghĩ bụng: "Ông ta sai mình làm những việc đó để thử bụng mình đấy. Mà nếu để mình trốn được hần đã không sai mình đi..."

Đêm hôm đó, Sắc thức dậy luôn, lần nào mở mắt ra cũng thấy chủ hần càu nhàu luôn mồm, không thì quăng bút xé giấy ra vẽ bức tức lắm. Nhưng đến ba giờ sáng, hần thức dậy lần nữa, thì thấy im. Hần mở mắt ra xem: Ông giáo đang cúi xuống nhìn vào mặt hần trần trần, một tay đang co về, hình như vừa mới nắm cổ tay hần.

Sắc ngơ ngác không hiểu, định ngồi trở dậy thì ông giáo nhếch mép cười lắc đầu nói:

- Không, anh cứ nằm yên. Từ giờ anh đừng nghĩ ngợi lẩn thẩn như thế nữa nhé.

Sắc ấp úng nói:

- Dạ... bẩm con có nghĩ gì đâu?

- Có. Vừa rồi anh nằm mơ phải không? Anh nằm mơ anh lấy được tờ giấy... tờ cam đoan của tôi... rồi anh trốn đi. Trốn đi đâu? Không biết, nhưng anh trốn đi. Anh đi rồi anh trở lại, vì anh sợ có người theo bắt... Tôi theo phải không? Anh nằm mơ thế là anh có ý thế. Nhưng không nên. Việc gì anh định làm tôi cũng đoán biết cả.

Ông giáo nói đúng. Sắc vừa mới nằm mơ như thế thực. Giác mơ nhắc lại những ý định của hần lúc ban ngày. Nhưng điều mà Sắc không thể hiểu được ra, là làm thế nào mà chủ hần thấy cả những việc của hần trong mộng?

Kể từ hôm ấy trở đi, Sắc xem ra tính khí ông giáo có hơi đổi khác.

Chủ hần trước đã ít nói năng với hần, nay lại càng yên lặng thêm. Ông giáo mặc cho hần muốn làm gì thì làm. Ông ta ngủ dậy, ăn cơm xong, đi bách bộ ở đường Thiên Lô về, trông thấy Sắc hầu hạ bên mình mà vẫn làm như nhà không có hần. Có lần Sắc đã phải bịa ra một câu gì hỏi chủ để xem trả lời ra sao, thì chỉ thấy ông ta nhìn hần một lát, rồi quay đi; rồi buông xuống mấy tiếng hững hờ:

- Được, cái đó tùy ý.

Trái lại, cái thói quen nói lảm bảm một mình trong khi làm việc ban đêm và những cử chỉ dằn dỗi của ông ta cứ ngày một tăng lên mãi. Cho đến hồi đầu tháng chín ta thì ông giáo thành một người tính khí rất dị kỳ.

Nhiều đêm ông giáo vỗ mạnh tay xuống bàn, quát tháo ầm lên; xé tan tành hàng tập giấy một, gạt những chồng sách xuống đất; đẩy đồ ghế, đứng thẳng dậy; giở rất nhanh những tờ báo lớn mà ông ta không đọc kỹ rồi giở thẳng cánh hết sức ném xuống chân. Sắc đương ngủ thường sững sốt ngồi sững lên nhìn. Nhưng ông giáo không để ý gì đến hần.

Song bao giờ cũng thế, những lúc giận dữ đó chỉ là những cơn dông tố rất chóng qua: ông giáo đang dằn dỗi gắt máng ùng ùng, bỗng dừng ngừng ngay lại, cẩn thận nhặt các sách, báo xếp lên, sắp gọn những tập giấy lộn xộn bên cái đầu lâu mà dầu sao ông ta cũng không động tới: rồi ngồi vào bàn giấy, tay cầm bút, tay nâng trán, nghĩ ngợi một cách chăm chú bình tĩnh.

Cũng vào thời kỳ đó, những sách, báo với thư từ ông giáo nhận được nhiều hơn lên; Sắc phải kéo chủ lên thư viện thường hơn trước. Sắc thấy mỗi ngày ông giáo một thêm tư lự, cơm đã ăn có một bữa, lại ăn kém đi, ban ngày ngủ không yên giấc, mà làm việc lại nhiều mãi lên: có hôm đến hơn bảy giờ Sắc còn thấy ông giáo ngồi cặm cúi sau bàn giấy. Lên thư viện ông chỉ ở độ năm phút: rồi lúc ra, vừa bước lên xe là giục hần chạy mau.

Lúc nào cũng sốt ruột, lúc nào cũng vội vàng, nhưng khi đã ngồi vào bàn giấy dưới ngọn đèn chụp xanh thì ông ta quên hết cả việc đời, đọc viết một cách rất lặng lẽ và nổi giận một cách rất dữ dội.

Sắc biết rằng trong cuộc đời của chủ mới xảy ra một điều khác thường nữa. Hắn càng thêm bồn khoăn và gờm sợ con người bí mật ấy, nhưng cũng đem lòng ái ngại giùm.

Hắn thấy ông giáo ngày một rạc người đi, ngày một xanh xao, thân hình chẳng khác gì một cái xác khô khan chỉ linh hoạt ở hai con mắt. Hắn nghĩ bụng: "Nếu cứ thế này mãi thì ông ta đến ốm mất. Lúc ấy mình sẽ khu xử ra sao?"

Sắc cố dò xem cái mối lo âu bức tức kia bởi đâu mà ra, nhưng ngoài những tiếng hắn bắt chọt được trong các câu nói lảm bảm hay trong lúc quát tháo của chủ ra, hắn không biết thêm điều gì lạ nữa. Sắc do những tiếng đó mà phỏng đoán rằng chủ hắn đang "can đảm chống nhau với Ngụy biện với Tà thuyết" - Ngụy biện và Tà thuyết treo trí tưởng tượng của Sắc tất là hai vật linh thiêng gì, ở trong cái thế giới huyền ảo vô hình mà ông giáo kia thường giao tiếp với. Nhưng điều hắn mới tìm ra đó chỉ làm cho sự bí mật của chủ càng đáng sợ thêm.

Rồi một đêm kia, trong cái nhà cổ hủ lách giữa đồng không. Sắc bỗng có cái cảm giác quái lạ là chủ hắn nhiều lúc không có hồn, nhiều lúc để cho linh hồn rời khỏi xác.

Đêm ấy Sắc đang ngủ, cũng hoảng hốt thức dậy như mọi lần. Nhưng hắn không thấy ông giáo gắt gỏng hay lảm bảm gì, chỉ nghe sau nhà có tiếng gào se se của con mèo đen mà thường ngày hắn vẫn thấy lẩn lút quanh đấy. Hắn biết con mèo không có liên lạc gì đến việc riêng của chủ, song cái cảm giác khó chịu gặp nó hôm đầu vẫn còn rõ rệt, nên hắn thù ghét và coi con vật ấy như một giống quái ác thích hợp với nơi hoang vắng này. Con mèo kêu tiếng dài, nghe ghê rợn và thâm thẳm, hình như có ai đang bóp cổ nó cho chết dần.

Trong nhà thì yên lặng lạ thường. Nhưng trên phía đầu giường hắn, chiếc đèn chụp xanh vẫn cháy sáng. Hắn nằm yên nghe ngóng tới năm phút mà vẫn thấy như không còn ai trong nhà. Hắn liền ngược đầu trông lên. Ông giáo vẫn ngồi yên đó. Đầu ông ta cúi gằm xuống, hai nắm tay nắm chặt đỡ lấy hai thái dương. Cạnh đó là cái sọ người, cùng với cái đầu hói của chủ hắn là hai vật tròn sáng và nổi nhất dưới ánh lửa. Hắn đợi thêm năm phút, rồi mười phút, mà vẫn không thấy ông giáo nhúc nhích; liền cắn lấy môi nhẹ nhàng chống tay ngồi dậy; trong bụng ngờ rằng ông giáo ngủ quên. Nhưng lúc nhìn kỹ thì hai mắt ông giáo vẫn mở tròn tròn, đang nhìn mãi cái mặt bàn bê bện những giấy má.

Tiếng mèo sau nhà đã nhỏ dần, rồi tắt hẳn. Tiếng quả lắc đồng hồ điểm đều hòa... Ông giáo vẫn giữ nguyên cái vẻ yên lặng vô tri của một pho tượng đá.

Sắc nghi nghi, hoặc hoặc, dè giữ lê ra đến mép ghế ngựa, ngồi đó đợi đến chừng mười phút nữa, rồi se sẽ đứng lên.

Ông giáo vẫn không biết gì.

Sắc rón rén tiến đến gần, đứng lại nhìn một hồi lâu, và ghen tiếng gọi:

- Ông!... Ông ơi!

Nhưng tiếng gọi nhỏ quá, có lẽ chủ hắn chưa nghe thấy.

Trống ngực hắn đập không đều và rất mạnh. Hắn toan gọi chủ một lần nữa rõ hơn thì cái đầu kia bỗng ngừng bật ngay lên, hai mắt xuyên vào mắt hắn một cách dị thường. Hắn run cả người, loạng choạng lùi lại phía bộ ngựa.

Rồi hắn ngồi im trên đờ, không dám cử động, và cam lòng chờ đến các điều không hay.

Song ông giáo vẫn lặng ngồi, vẫn lặng nhìn, và lạ hơn hết, vẫn không trông thấy Sắc. Mắt ông ta nhìn thẳng về phía hắn, mà hình như đắm vào cõi hư vô nào. Cứ thế đến chừng một khắc đồng hồ, mới thấy ông ta hơi nhách miệng về một bên như muốn cười rồi chậm chạp nói:

"Có lẽ nào sự huyền bí bao giờ cũng còn là sự huyền bí mãi? Ánh sáng khoa học lại không soi được vào sự bí mật của vũ trụ lấy một vài phần ư?"

Rồi ông giáo thở một tiếng rất dài, rất buồn, nói một cách mỉa mai và vắn vè:

"Chân lý là gì? Có phải chẳng qua chỉ là cái công việc đi tìm chân lý đó chẳng?... Nếu vậy sự nghiệp của loài người toàn là những điều hư ảo cả sao? Không! Đến nỗi thế ư? Không! Ta phải quyết đi cho tới cùng, ta phải thắng nổi những tà thuyết của phái Ngụy biện mới được!"

Sắc nghĩ bụng: "Trời ơi! Đến bao giờ ta mới thoát khỏi tay con người kỳ quái này?"

Chiều hôm đó, một buổi chiều tháng chín ta, tiết trời bắt đầu lạnh, gió heo may xào xạc thổi trong những cụm tre già cằn. Sắc ngồi ở bậc cửa bếp, trông những vùng mây đen lớn ở phía trời tây, những vùng mây thấp, dài và nặng trĩu nổi ngao ngán lo ngại.

Lúc ấy đã quá năm giờ rồi, mà ông giáo chưa ngủ dậy, hẳn không dám đánh thức, vì suốt ba ngày ba đêm trước chủ hắn làm việc không lúc nào ngơi, và mới nằm nghỉ được chừng sáu, bảy giờ.

Hôm ấy, cũng như năm hôm vừa qua, hắn không phải làm cơm, vì chủ hắn chỉ ăn cháo trừ bữa. Hắn lấy làm lạ rằng ông giáo thức nhiều ăn ít như thế mà vẫn sốt sắng đọc viết được hoài. Ông ta vẫn giữ lệ đi bách bộ trên đường Thiên Lôi, nhưng đi rất chóng, và hai hôm sau cùng, Sắc thấy ông ta chưa ra khỏi nhà được hai trăm thước đã trở về ngay. Cái tính bản gắt ngày một bớt dần; đến hôm cuối cùng lại thấy mất hẳn. Nhưng Sắc cho đó là cuộc thái bình tạm thời thôi: hắn vẫn nơm nớp sợ rằng còn nảy ra những việc lạ lùng hơn nữa.

Cho nên mười giờ sáng hôm đó, lúc thấy ông giáo đẩy ghế đứng dậy thì hắn chắc rằng sắp có một phen đông tố: ông giáo thế nào cũng sẽ vùng vằng quát tháo, xé giấy đập bàn. Nhưng không, không xảy ra việc gì. Bảy giờ Sắc lúi húi lau tủ sách quay lại nhìn thì ông giáo đang nhách miệng ra cười, hai tay xoa vào nhau mà trông đẹp giấy mới viết trên bàn, ra chiều thích ý lắm.

Đoạn xếp giấy lại cẩn thận, ông giáo vươn vai ngáp dài một tiếng và lão đảo đi vào phía nhà trong. Sắc tưởng chóng ra thì cũng đến ngày hôm sau chủ hắn mới thức dậy. Không ngờ ngay sáu giờ rưỡi tối hôm ấy, lúc hắn mở cửa lên nhà định đi ngủ sớm thì ông giáo đã ngồi dụi mắt trên bộ ngựa và giục hắn đi thấp đèn.

Đèn thấp, ông giáo rửa mặt xong, ăn một bát cháo hoa nguội Sắc bung lên rồi đến thu gọn mớ giấy trên bàn bọc thành một bọc lớn. Cái đầu lâu vẫn để trên một chồng sách, ông ta cầm lấy ngắm nghía một hồi, lấy giấy dày gói lại, buộc dây bên ngoài rất kỹ lưỡng, rồi quay lại bảo Sắc:

- Anh sắp sửa thấp đèn xe rồi kéo tôi lên thư viện. Tôi cần gửi cái này đi ngay.

Sắc nghe lời nói ôn tồn, thấy sắc mặt hết vẻ lo âu của chủ, lại thấy ông ta không giữ cái đầu lâu kia nữa, nên hắn cũng có bụng mừng. Hắn liền đi đóng cửa bếp, khóa cửa nhà trên, đánh xe ra một cách lẹ làng, và lúc kéo khỏi con đường đất ra tới đường cái thì hắn rào chân chạy.

Lên tới thư viện thì vừa đúng tám giờ tối. Hắn kéo xe về một góc sân ngồi đợi chủ. Sắc được nói chuyện với hai anh xe khác ngồi đó lấy làm vui vẻ lắm, vì đã lâu lắm hắn không được biết gì đến những việc xảy ra "bên ngoài".

Hồi đó, ở Hải Phòng đang có cái nạn mẹ mìn. Khắp thành phố xôn xao lên vì con em trong nhà bị đổ đi một cách rất lạ. Nhân đó, những kẻ hiếu kỳ, thường thuật lại những chuyện tinh ma ở lẫn với người và đêm tối biến ra những "công tử" với "tiểu thư" vợ vẫn ở các đường vắng. Sắc chú ý nhất đến chuyện một anh phù thủy ít lâu nay không ai thấy mặt và trước kia thường ăn ở một cách bí mật dưới túp lều lá gần một ngôi chùa. Theo lời người ta đồn thì người phù thủy trước hôm rời bỏ nhà, có thuê xe giờ đi chơi suốt đêm, đến tang tảng sáng người phu xe ngoảnh lại xem thì chỉ thấy trên đệm xe một nắm giẻ rách.

Sắc trong bụng nghi hoặc, muốn hỏi rành mạch thêm, bỗng một tiếng cười quen quen làm cho hắn trông lên cửa thư viện: ông giáo đã đứng đó, cúi chào viên thư ký một cách lễ phép rồi bước xuống thềm.

Tay ông giáo mang nặng một chồng sách với bọc nhật trình. Lúc bước lên xe, không biết vì lóng ngóng thế nào ông ta làm rơi mấy quyển xuống chân Sắc. Hắn cúi xuống nhặt thì đầu hắn sát với đầu ông giáo. Không bao giờ hắn đứng gần chủ như lúc ấy: hắn thấy chủ thở một cách chậm chạp và ra dáng nhọc nhằn. Nhật đã gần hết thì đẹp thư từ với tập báo lại rơi xuống theo. Trong lúc lúng túng vội vàng, Sắc đưa một phần giấy má cho ông giáo, còn mấy bức thư nhật sau cùng thì hắn nhét vội vào túi định lúc về tới nhà sẽ đưa.

Hắn nâng tay xe lên thì thấy một thứ cảm giác rất lạ thường: người ông giáo nhẹ bỗng đi, đến nỗi hắn phải ngừng chân ngoảnh lại trông xem chủ hắn còn hay đã biến mất. Ông ta bắt chân chữ ngũ - cử chỉ

khác hẳn với mọi bận - ngồi ngất ngưỡng trên đệm, trông hẩn đẩy xe ra, miệng tùm tùm cười, lại phì phèo một điều thuốc lá gần tắt. Sắc nghĩ bụng chẳng biết đó là một triệu chứng hay, hay dở.

Xe qua phố Cầu Đất, rồi qua trại lính khổ xanh. Đến trường đua ngựa thì đèn điện thành phố đã thừa và đường thêm vắng... Trước còn thấy thỉnh thoảng ông giáo lại khạc nhổ. Sau cứ thấy im. Mà quái lạ, hẩn chưa bao giờ thấy chủ nhẹ bằng lúc này: trên xe hình như không có ai ngồi cả. Hẩn nghĩ tới chuyện cái giẻ rách mà người phù thủy lúc biến đi để lại trên xe, tưởng đến những chuyện người công ma, ma quyền rũ người và đem ráp vào những điều hẩn nghi ngờ từ trước. Hẩn se sẽ quay đầu trông lại thì thấy chủ vẫn ngồi yên.

Gần đến quán bà Mau thì trong một gian của lớp nhà cuối cùng, đồng hồ điểm mười một tiếng. Rồi từ đó, ngoài tiếng chân hẩn đạp trên đường nhựa, không còn một tiếng gì của trần gian. Sương xuống một nhiều một thêm thấm thía. Trời về khoảng trung tuần tháng chín, đêm lơ mờ sáng, mặt trăng yếu đuối bị che kín trong từng mây âm u. Hai bên đường cái, phần nhiều là đồng nước mặt sáng và phẳng như gương, trên đó từng đám cỏ ngấn đầm lên, cứng và thẳng như những đám rừng tăm đen nghịt.

Cái lạnh lùng vắng vẻ của đêm khuya làm cho Sắc trong lòng như cảm thấy một điều gì không hay sắp xảy đến. Mà xe càng chạy, nỗi lo ngại của Sắc càng thấy tăng... Hẩn muốn nói lên một câu gì để được nghe thấy tiếng mình, nhưng hẩn vẫn lẳng lặng..

Xe đến vườn Bách Thảo thì Sắc rảo cẳng chạy cho mau tới nhà; hẩn đã hơi được yên lòng vì tưởng trước đến lúc được thấp to ngọn đèn trong nhà lên và xua đuổi những điều nghĩ ngợi vẩn vơ trong trí.

Từ đường cái rẽ vào nhà, con đường đất hơi gồ ghề nên hẩn phải đi chậm lại. Hẩn thấy một vật đen sì lù lù ngời ở giữa lối biết ngay là con mèo; nhưng con vật ngạo nghễ cứ ngồi lì đó cho đến lúc xe hẩn sắp dè lên mới chạy.

Khi đến cổng, khóa đã mở mà dây xích còn vướng, Sắc phải hạ xe để gỡ thì bỗng một vật gì lăn xuống ôm ngay lấy chân mình. Sắc vùng nhảy sang một bên. Vật đó ngã chúi đầu xuống chân xe: nhìn lại thì là ông giáo. Sắc tái người đi vì kinh ngạc, không dám đến gần mà cũng không dám chạy. Chạy thì thế nào "nó" cũng đuổi theo. Hẩn đứng lặng, tráo mắt nhìn đến hơn năm phút, không biết nghĩ ra sao. Ông giáo vẫn không nhúc nhích.

Dần dần hẩn định thần lại, thoáng nhận hiểu cái tình thế kỳ quái lúc đó; rồi, táo tợn như một kẻ đánh liều với số mệnh, hẩn bước đến bên ông giáo, cúi xuống xem. Ông giáo, mắt lim dim, người cứng đờ, hẩn cố nghe cũng không thấy tiếng thở. Hẩn đưa một tay ghê rợn sờ lên trán chủ thì thấy lạnh toát như đá. Ông giáo đã chết rồi!

Tức khắc, hẩn đẩy cổng rất mạnh, vào nhà thấp cây đèn trên bàn giấy lên; mạnh bạo ra bế ông giáo vào, đặt nằm thẳng trên giường; đem cất xe vào sân, rồi đến ngồi trên bộ ghế ngựa giữa nhà, và đợi.

Mắt hẩn lộ ra vẻ quả quyết hết sức. Hẩn tưởng trước đến đủ mọi sự ghê gớm quái gở, nhưng hẩn nhất định chống cự với các điều nguy khốn có thể xảy ra. "Vì ta sợ cũng vô ích kia mà! Ta cứ bướng xem, chúng nó muốn giở trò gì ra thì giở?"

Nhưng đêm tối chung quanh vây bọc lấy cái nhà nặng nề tử khí kia, làm cho lòng Sắc mỗi lúc một thêm sồn... Hẩn nghe tiếng lá khô chạy trên sân, nghe tiếng giun dế rừ rừ trong bóng tối, với tiếng đồng hồ đếm dần thời khắc, thì cứ thấy cái can đảm quả quyết một tiêu tán dần...

Mười hai giờ đêm.

Một cơn gió lạ thổi qua làm xào xạc bụi cây bên ngoài. Bỗng ở sau nhà có tiếng gừ gừ đưa vào mỗi lúc một rõ thêm. Sắc nhận ra là tiếng con mèo đen lớn.

Hẩn thấy thỉnh thoảng cái màn gió xanh lại động đập như có ai giật mạnh, nên không dám quay mặt đi chỗ khác. Mắt hẩn đăm đăm nhìn vào đầu giường người chết và tưởng đến những chuyện quỷ nhập tràng: "Làng xóm thì xa, đêm hôm khuya vắng như thế này, mà ngộ cái xác kia đứng dậy thì làm thế nào?" Hẩn nghĩ bụng thế và thấy ghê rợn khắp người. Tiếng mèo bên ngoài kêu lại thê thảm hơn lên trong những tiếng gió rít qua khe cửa. Sắc ngồi im lặng như pho tượng, chung quanh mình như có những bóng phảng phất đang qua lại và đang thì thầm bàn chuyện hại mình... Hẩn thấy tâm trí khổ sở và

như bị đè nén rất nặng nề. Hắn muốn đứng phắt lên, muốn nói lên, kêu lên, quát lên; nhưng không biết có sức gì giữ hắn lại.

Tiếng mèo kêu dần dần đã ngớt. Rồi tắt hẳn. Tiếng gió cũng dần dần thưa. Cái màn xanh chỉ thỉnh thoảng hơi đưa đẩy.

Sắc thấy cái sợ đã biến mất, thở dài lên một tiếng mạnh, bỗng thấy một tiếng thở dài nữa hòa theo. Hắn tái người đi, nín thở nghe xem, nhưng không thấy gì lạ.

Hắn chắc rằng tiếng thở vừa rồi chỉ là một tiếng vang của mình, vừa định thở một tiếng nữa thử xem thì cái "tiếng vang" kia đưa ra trước! Hắn nhìn dính lấy cánh cửa, hai tay bấu chặt lấy mép bộ ghế ngựa, tâm trí tán loạn như sắp phát điên. Bỗng lại nghe thấy một tiếng thở nữa dài hơn, rõ hơn, rồi từ sau tấm màn gió đưa ra mấy tiếng rền rĩ gọi chính tên hắn:

"Sắc ơi...! Sắc ơi!..."

Sắc tưởng chừng cả thân hồn mình rơi rụng mất, vội đứng phắt dậy, mở cửa đánh sầm một tiếng, rồi cầm đầu chạy như thẳng rồ.

"Sắc ơi...! Sắc ơi!"

Cái tiếng rền rĩ gọi Sắc vẫn vẳng bên tai, nhưng Sắc đã ra khỏi cổng, đã tới đường cái, và đang bán sống bán chết băng về nẻo vườn Bách Thảo.

Qua con đường lượn quanh vườn Bách Thảo gặp dải đường lớn đưa về Hải Phòng. Nhưng Sắc không tiến thẳng. Hắn chạy được mấy trăm bước trên đường nhựa rồi bỗng quặt rẽ sang con đường nhỏ phía tay phải qua làng Trung Hành. Hắn không dám chậm bước và không kịp suy nghĩ, cứ một mạch chạy về phía ngã tư quán bà Mau. Nhưng đến gần Phụng Bóp thì Sắc dứt hơi ngã vật xuống bên gốc một cây đa lớn.

Sắc ngất đi không biết bao lâu. Lúc tỉnh dậy thì trời đã sáng rõ, mấy người nhà quê gánh rau lên tỉnh bán đang đứng xúm xít quanh mình. Hắn ngơ ngác nhìn ra cánh đồng lúa dưới ánh sương hồng lúc bình minh và nhớ đến những việc kỳ quái đêm qua như người ôn lại một giấc mộng dữ. Rồi hắn đứng dậy trả lời bọn người tò mò mấy câu vớ vẩn, và lững thững bước lên. Hắn đi bộ mất ngót nửa giờ, tới ngã tư quán bà Mau là chỗ gặp con đường nhựa chạy ngang. Đến đó, hắn dừng gót lại. Sắc chưa biết nên rẽ về phía vườn Bách Thảo để xem xét tình hình nhà chủ hay nên rẽ về lối Hải Phòng.

Tay hắn vô tình thọc vào túi, thấy mấy bức thư mà chủ hắn đánh rơi tối hôm trước. Hắn lấy ra coi thì phong bì đã mở, liền nghĩ ra một ý hay, và mau chân bước về phía thành phố. Đến trước trường đua ngựa thì vào khoảng gần tám giờ. Hôm ấy là Chủ nhật. Hắn đứng lại, chú ý nhìn những người qua lại đó, rồi chạy đến bên một người thiếu niên ra dáng học trò. Hắn trông trước trông sau, nói mấy câu lễ phép rồi đưa một bức thư ra nhờ người kia đọc.

Lời thư như sau này:

"Kính thưa ông Trần Lân.

Công việc nghiên cứu của ông thực có kết quả mỹ mãn. Các báo chí Tây, Nam đều hết lời ca tụng, và gần đây bản báo tiếp được giấy của Hội Khoa học nhờ bản báo mời ông lên diễn thuyết ở Hà Thành.

Còn về phái phản đối, thì tuy họ vẫn chưa chịu, nhưng mấy bài sau gửi lên thực là nhát búa cuối cùng đánh lên những lý luận không vững vàng của họ. Chúng tôi dám quyết phần thắng là về ta.

Cái sợ người về thời đại thượng cổ kia, trước khi đem tặng bác cổ viện theo lời ông hứa, chúng tôi sẽ chụp lấy nhiều ảnh để in dưới những bài khảo luận mới. Vậy xin ông gửi ngay lên cho.

Chủ nhiệm Khoa Học Tăn Văn

Kính bút"

Bức thư hai cũng một giọng tương tự như thế, người viết thư có hẹn sẽ ở trên Hà Nội xuống chơi bàn với ông Trần Lân một việc cần...

Sắc nghe thấy những tiếng "nghiên cứu" "ý luận", "cái sợ người thượng cổ", "bài khảo luận"... thì thoáng nhớ lại những cử chỉ và công việc của chủ. Hắn đã thấy soi vào trong những việc bí mật ở gian nhà bên đường Thiên Lôi một tia sáng lơ mờ. Hắn cảm ơn cậu học trò rồi toan bước đi, bỗng thấy một

cái xe qua đây, hẳn mừng quá vừa chạy theo xe vừa gọi âm lên:

- Ông ký ơi! Ông ký ơi!

Chiếc xe kia dừng. Trên đó là người thư ký thư viện.

Sắc hốt hải chạy đến thì thấy một người đàn ông nữa cũng dừng xe ngay bên cạnh. Người này đeo kính trắng và mặc quần áo tây. Viên thư ký ngoảnh nói với ông ta một câu tiếng Pháp rồi quay lại bảo Sắc:

- Tôi đang tính dẫn ông chủ báo đây xuống tìm nhà ông Lăn, may sao lại gặp anh. Anh đi đâu thế?

Sắc cúi mặt buồn rầu đáp:

- Thưa ông, ông chủ con mất rồi!

Hai người sững sốt hỏi dồn:

- Sao? Sao? Ông Lăn làm sao?

- Bẩm... mất rồi?

- Ô! Có lẽ nào? Thế mất bao giờ?

- Bẩm, mất lúc tối hôm qua!

Viên thư ký nói:

- Tối qua ông Lăn còn lên thư viện kia mà?

- Vâng, nhưng lúc con kéo đến nhà thì mới biết chủ con đã mất từ lúc ngồi trên xe.

Rồi Sắc đem việc tối hôm qua từ lúc ở thư viện ra đến lúc hạ xe xuống công kể rành mạch lại.

Viên thư ký cứ lắc đầu chép miệng hoài, còn người đeo kính trắng thì ra chiều thất vọng lắm:

- Ông Lăn mất thực là một điều thiệt lớn cho Khoa học nước nhà. Mà những công việc của ông đến đây phải bỏ dở dang thực đáng tiếc...

Hai người hỏi tại sao Sắc không ở trông nom ông giáo lại lên đây. Sắc tưởng giấu diếm cũng không nổi, bèn lại đem việc thấy tiếng gọi tên hẳn ra kể nốt.

Hai người càng lấy làm kinh ngạc, tức khắc gọi thêm cái xe nữa rồi bảo Sắc lên xe đưa họ về nhà xem.

Sắc ngại ngần chưa quyết bề nào, thì người đeo kính trắng an ủi:

- Anh không sợ gì cả. Việc này còn nhiều điều đáng ngờ... Vì tôi sợ anh nghe lầm...

- Bẩm con nghe rất rõ ràng gọi: "Sắc ơi".

- Được, nếu anh nghe không lầm thì cũng còn điều khác nữa... Vì ông Lăn lại là một nhà siêu linh học uyên bác.

Sắc không hiểu gì cả, người kia lại tiếp:

- Vả lại đằng nào cũng phải về xem sao.

Sắc miễn cưỡng lên xe, định ninh rằng về nhà bây giờ tức là dán thân vào chỗ chết.

Xe chạy càng gần tới nơi, Sắc càng thêm lo sợ. Khi đã rẽ sang đường Thiên Lôi thì mắt hẳn chăm chú nhìn mãi vào lớp nhà cũ. Thốt nhiên hẳn kêu rú lên một tiếng, mặt tái mét, hàm răng va vào nhau cầm cập, cô nói mới được một câu:

- Trời ơi! Ông giáo con!...

- Ông giáo làm sao?

- Ông giáo con vừa ở dưới bếp bước lên nhà... mà ra dáng dữ tợn lắm!

Xe vừa đỗ, hẳn liền nhảy xổ xuống toan chạy, nhưng bị hai người giữ chặt lấy... Hẳn chấp tay van:

- Con cần rơm cần cỏ con lạy hai ngài, hai ngài cứu con... con vào thì con chết...

Cái sợ của Sắc chừng cũng lây đến hai người chút ít, nên tuy ép Sắc bước vào trong cổng mà hai người cũng không được yên lòng. Sắc thì cứ níu lại, luôn miệng rên:

- Lạy hai ngài... đừng bắt con đi... con chết mất!

Bỗng cánh cửa đằng trước mở toang ra. Mọi người đứng ngây ra nhìn: ông giáo mắt đeo kính đen đứng đó nhìn lại.

Sắc níu lấy hai người, mắt mở rất to, làm cho hai người không biết nghĩ ra sao. Còn đang lúng túng thì thấy ông giáo nhách mồm ra cười, đưa hai tay ra đằng trước rồi vừa tiến lên vừa nói:

- Ô kìa, cả ông Phán, cả ông bạn tôi ở Hà Nội cũng xuống. Thảo nào tôi đang nghĩ đến các ông...

Tiếng nói vẫn như thường không có vẻ gì là khác. Sắc lại thấy hai người đàn ông đi với mình bắt tay ông giáo mà không việc gì, nên cũng hơi vững lòng. Tuy thế hắn vẫn đứng lùi lại đằng sau và chỉ dám liếc trộm chủ. Ông giáo nhìn Sắc tỏ ra vẻ thương hại một cách khô khan rồi bảo hắn:

- Khốn nạn! Bây giờ còn chưa hết sợ... Thôi, đi vào trong nhà sắp mấy cái ghế ngồi.

Sắc vẫn ngơ ngẩn như người mất trí, tự hỏi không biết mình thức tỉnh hay đang nằm mơ.

Viên thư ký nói:

- Hắn vẫn còn tưởng ông chết rồi đấy. Nhưng sao lại có chuyện lạ như thế?

Người đeo kính trắng cũng nói:

- Phải. Chúng tôi thực không hiểu.

- Được. Các ông hãy cứ vào trong nhà ngồi chơi.

Trong nhà vẫn không có gì khác thường, chỉ thấy một nồi cháo đang nghi ngút khói trên bộ ghế ngựa với một cái bát chiết yêu để bên. Ông giáo cất giọng:

- Tôi mãi hôm nay mới đói, mới thực biết đói; vì hôm nay tâm trí mới thực bình yên. Nhưng lúc muốn ăn thì tên đầy tớ của tôi lại trốn mất... Vừa rồi, hì hục mãi mới hâm được chút cháo này.

- Nhưng còn câu chuyện ông chết đi tối hôm qua?

- À, có gì đâu? Tôi ngất đi một lúc đấy thôi... Chứ chết được đã khá.

Rồi ông giáo nghe cả bộ răng khấp khểnh ra cười và nói tiếp:

- Phải, chết được đã là may, đã giải quyết được những điều... chưa ai giải quyết được. Có lẽ tôi làm việc dữ quá, không nghĩ đến sức khỏe nữa. Các ông tính, thức suốt ba đêm ngày nay...

Hai người khách đồng thanh:

- Trời! Làm việc suốt ba đêm ngày!

- Nhưng có thể mới an tâm được. Tôi quyết những bài sắp đăng vào Khoa Học Tân Văn sẽ làm cho bọn phản đối tôi không còn đường nào mà cãi nữa... Tối hôm qua, tôi đã gửi cả "mớ giấy" lẫn cái sọ người lên Hà Nội rồi...

Người chủ báo thưa:

- Vâng, tôi đã rõ. Chừng đến trưa hôm nay, tòa soạn sẽ tiếp được. Nhưng bây giờ ông có việc gì không?

Ông giáo hỏi lại:

- Việc gì kia?

- Nghĩ là trong mình ông có việc gì nữa không?

- À! Có hề gì bao giờ đâu. Tôi hề cứ lo lắng làm việc nhiều là lại ngất đi như thế một lúc. Lần này có lẽ ngất đi khá lâu... Lúc tôi tỉnh dậy gọi Sắc lấy cho cốc nước, không ngờ lại làm cho hắn hoảng sợ. Thì ra hắn tưởng tôi chết thực, rồi hiện về nhát hắn, có phải anh sợ thế không?

Rồi ông giáo sẽ lắc đầu mỉm cười, Sắc đứng khoanh tay không đáp.

Người đeo kính trắng ngỏ ý mời ông giáo Lăn lên Hà Nội diễn thuyết thì ông nhận lời tức khắc, lại hứa sẽ ở luôn đó để làm việc cho tiện hơn:

- Vì tôi đã chán ở đây rồi, và cái yên tĩnh chưa đủ cho công cuộc khảo cứu đó. Tôi cần phải có viện Bác Cổ, phải có cuộc đàm đạo. Cái kết quả cuộc tranh biện này làm cho tôi sẽ hăng hái để bênh vực những học thuyết của tôi. Chừng hai hôm nữa, tôi có thể lên Hà Nội được.

Sắc vin lấy có ấy xin ra tìm chủ khác, thì thấy ông giáo nhìn hắn không nói gì.

Một lát, ông ta lấy ra một bức thư đưa cho hắn và thông thả bảo:

- Anh cầm thư này hỏi thăm nhà ông Bá Chánh ở Thư Chung, mời ông đến chơi đây ngay. Tôi sẽ giao trả nhà này và sẽ để lại cho ông ta hết các đồ đạc ở đây, chỉ đem có cái tủ sách kia lên Hà Nội thôi..... Còn anh, anh cũng phải theo tôi lên đấy, vì theo như tờ giao ước, anh phải ở với tôi đủ ba năm kia mà!

VÌ TÌNH

Anh Trần Văn quả không phải là người đẹp trai. Độc giả hãy tưởng một người trạc hai mươi năm, nước da đen, mũi to, nhô đại ra ngoài, cái trán cũng nhô trông như cái bướu, đôi lông mày rất rậm, làm cho cặp mắt cận thị của anh ta có một vẻ dữ tợn đến kỳ khôi. Anh ta ăn mặc quần áo tây nhưng người lùn mà cả ngang, dáng đi láu táu trông rất ngộ nghĩnh. Cả người anh ta cái gì trông cũng buồn cười.

Tôi yêu bạn tôi đến đâu cũng phải nhận rằng bạn tôi trông xấu quá!

Văn cũng tự biết thế. Có khi anh lại tự chế giễu mình để làm cho bạn hữu vui cười. Nhưng anh ta là một người tính nết thật thà, dễ tin người và có một tấm lòng tử tế hơn ai hết thấy.

Tôi lại phải nói cho độc giả hay rằng con người giản dị thực thà kia lại là người đa tình nữa. Chẳng biết đó có phải là điều "mai mĩ của số mệnh" không? Chỉ biết bạn tôi biết yêu, mà yêu say, yêu đắm, yêu thiết, yêu tha; tình yêu trong huyết mạch người con trai này sôi nổi như sóng bể. Nhưng trong bao nhiêu thiếu nữ mà anh ca tụng nhan sắc, anh ta không được lấy một cô nào để ý đến mình. Cái đó cũng không lấy gì làm lạ.

Ấy vậy mà anh Văn cũng có một chuyện tình, hay một chuyện mà anh sẵn lòng gọi là chuyện tình thì đúng hơn. Câu chuyện thực chẳng hay gì cho anh ta, nhưng bạn tôi không muốn quên, mà mỗi khi nhắc tới, lại ra ý cảm động như người âu yếm vuốt ve một điều ký vãng êm ái.

Đầu đuôi câu chuyện như thế này:

Tháng chạp năm ấy, anh Văn lên Yên Bái, thăm một người bà con. Lúc trở về anh gặp một người thiếu nữ, ăn mặc giản dị, người rất đẹp, và rất có duyên, cùng đi với anh ta một chuyến xe hỏa.

Người ấy ngồi ngay ghế trước mặt Văn, khiến cho anh chàng mở một quyển sách ra nhưng không đọc được câu nào hết. Văn là người nhã nhặn lễ phép, nên không dám nhìn lâu, sợ người thiếu nữ ngượng. Anh ta thỉnh thoảng mới sẽ kín đáo trông lên, để cho mắt được hưởng cái nhan sắc kia trong giây lát thôi. Cái lòng yêu mộ của bạn tôi thì thực nồng nàn, song chỉ dám biểu lộ ra đến thế là hết. Và anh ta biết rằng mong hơn cũng chẳng được nào. Người thiếu nữ thì trắng trẻo thế kia, yêu kiều thế kia, trên khuôn mặt thanh tú ấy không chỗ nào đáng chê, còn mình thì... Ôi chao! Bạn tôi chép miệng thở dài một cách rất chua chát.

Rồi anh ta nghĩ bụng:

"Giá mình được là người quen với con người nhan sắc như thế cũng đủ lắm rồi".

Anh ta bèn cố tình dè dặt làm quen. Thì may sao cái dịp ấy hiện ngay đến sau khi người thiếu nữ ra cửa toa để nhờ quét trầu.

Xe hỏa về ngày gần Tết, nên rất đông; lúc cô kia ở cửa toa trở vào thì đã bị hai bác nhà quê chiếm mất chỗ. Người thiếu nữ thấy họ ra chiều không nể gì ai hết nên không nói gì, chỉ cau mày vịn tay lên mép cửa sổ gần đấy đứng nhìn ra cảnh tượng bên ngoài.

Văn ngồi bên này tức hộ cô kia, liền mắng cho mấy bác đàn ông vô lễ mấy câu ra phết lắm. Đoạn anh ta đứng dậy, đến bên người thiếu nữ, lúng túng một chút rồi mời cô ngồi xuống chỗ mình. Người thiếu nữ không từ chối. Cô ta vén áo ngồi xuống, lại cảm ơn anh Văn bằng một nụ cười. Thế là đủ cho bạn tôi bay ngay lên tận chín tầng mây.

Anh Văn đứng bên người thiếu nữ, không giấu được sự vui mừng. Anh ta lấy dáng bộ rất tình tứ, làm như mình chẳng lùn một tý nào hết, và quên bẵng đi rằng mình hiện làm chủ nhân một cái "mũi sư tử", đôi mắt cận thị với cái trán gồ. Nhưng dầu cho bạn tôi có nhớ đến cái xấu đáng giận của mình cũng không hề gì mấy, - anh ta cũng vẫn sung sướng được, bởi vì người thiếu nữ hình như không trọng bề ngoài lắm, và hình như chỉ cảm riêng vì tấm lòng quý báu của anh Văn thôi.

Coi lối ăn mặc nhã nhặn của cô ta, Văn đoán là người nên nếp ở tỉnh nhỏ. Thế thì cô đã không có cái thói đỏng đảnh khinh người như bọn tiểu thư Hà Nội, họ chỉ ưa chuộng những công tử tốt mã bề ngoài. Anh ta lại thấy cô kia đi có một mình nên mới lấy thứ giọng bao dung và rất nhã nhặn mà hỏi:

- Thưa cô, cô đi đâu?
- Thưa ông, em xuống Hà Nội.
- Thưa cô, cô xuống chơi hay có việc?
- Thưa ông, em xuống hỏi nợ một người chịu tiền hàng.

Rồi cô ta hỏi lại Văn:

- Ông cũng về Hà Nội ư?
- Thưa cô vâng.

Thế rồi câu chuyện của hai người cứ thân thiết hơn, đằm thắm hơn lên, mà con mắt đăm đúi của người thiếu nữ thêm lóng lánh, thêm tình tứ...

Anh Văn thì chưa thấy bao giờ mình có duyên đến thế.

Anh ta cười bằng miệng cười xinh đẹp nhất, hăng giọng luôn để đỡ cảm động, và cứ chớp hoài đôi mắt cận thị để cho mình biết chắc rằng đây là sự thực, chứ không phải trong giấc mơ. Người bạn tốt của tôi thực không ngờ rằng lại được hưởng những giây phút êm đềm quá đáng ấy.

Mà cái hạnh phúc mỗi lúc một tăng lên! Một lần tàu đỗ, hành khách lên ít, xuống nhiều. Người thiếu nữ lại ngồi nhích ra một bên, để cho Văn ta được ngồi cạnh. Lại một lần khác, người thiếu nữ đánh rơi chiếc khăn tay lụa, anh Văn nhặt lên hộ, lúc trả, được chạm đến bàn tay ngà ngọc của mỹ nhân. Rồi lại được mỹ nhân mời ăn trà. Văn răng trắng, diện tây, nhưng cũng nhận lấy một cách rất lịch sự.

Anh ta cứ hết lòng cảm tạ sự tình cờ đã làm cho anh gặp được người thiếu nữ, và trong trí đã thấy trước những chuyện tình duyên êm ái sau này. Có một người nhan sắc để mà yêu, để mà nhớ thương, để mà mong đợi đến cái ngày tốt đẹp kia là ngày được sánh vai người ngọc!Ồ, còn gì sung sướng cho đời người hơn! Anh Văn thường ngỏ riêng với tôi rằng: "Tôi xấu thế này, chỉ mong lấy được một người có duyên thôi, thế cũng đủ mãn nguyện". Thế mà người thiếu nữ kia đã có duyên lại đẹp, lại sắc sảo, lại lễ phép, lại con nhà nền nếp, đủ mọi điều hay! Mà lại còn tỏ ra lòng quyến luyến anh Văn nữa kia! Cho nên một lời nói của cô ta, một cử chỉ của cô ta, cùng những ý tứ ở đầu mày cuối mắt cô ta, đã khiến cho trái tim bạn tôi nhiều lần đập mạnh lên dữ dội.

Ngồi bên một người đẹp như thế thì đường dài đến đâu cũng là ngắn. Chả mấy chốc, xe lửa đã tới Gia Lâm.

Rồi qua cầu.

Rồi qua ga Đầu Cầu.

Mọi người đều thu xếp để xuống. Người thiếu nữ buộc lại khăn vuông ra đằng sau gáy rồi đến đứng bên một cái va ly là hành lý của cô ta. Anh Văn lại bên hỏi:

- Cô có ai ra đón tàu không?

- Thưa ông, không ạ!

Văn mừng thầm sẽ được dịp xách hộ va ly. Anh ta lại nói:

- Từ Hàng Da tới Cửa Nam cũng gần, vậy trước khi ngược Yên Bái, cô ghé qua vào chơi nhà tôi.

- Xin vâng.

Người thiếu nữ lúc ấy đưa đầu ra ngoài cửa sổ trông về phía ga.

Tàu dần dần chạy chậm lại. Văn đang tìm câu gì nói nữa bỗng nhiên cô ta quay lại, tái mặt đi. Văn ân cần hỏi thì cô ta gượng cười đáp:

- Em đi tàu không quen, nên vừa đứng dậy đã chóng mặt.

- Thế mà tôi tưởng cô phải cảm... Nhưng cô ngồi xuống, không mệt thêm.

Người thiếu nữ ngồi xuống, mỉm cười nhìn Văn bằng đôi mắt mệt nhọc, dịu dàng và... âu yếm. Văn sượng quá, đỏ cả má, đỏ cả mũi, lần hết túi ba đờ xuy đến túi áo trong định tìm một vật mà không thấy, rồi phàn nàn:

- Buồn quá! Tôi bỏ quên lọ dầu ở nhà ông bạn rồi. Không thì cô lấy một chút xoa cũng đỡ.

- Nhưng không hề gì cả! Em cũng chỉ choáng váng một chút thôi.

- Tuy thế cô cũng nên ngồi yên đấy để tôi mang hành lý xuống trước đưa cho mấy người nhà đứng đợi

ở ga rồi tôi lên đón cô sau.

Người thiếu nữ tỏ ý mừng rỡ và cảm ơn Văn, nhưng cũng nói:

- Như thế phiền ông quá.

- Không. Nào, cô có những gì?

- Em chỉ có cái va ly đó thôi. Nhưng phiền ông quá!

- Không có gì mà phiền. Tôi đi không cũng thể.

Lúc ấy tàu vừa đỗ.

Cái va ly nặng lắm mà Văn ta làm ra bộ rất khỏe, coi như rất nhẹ, rồi hăng hái xách bước xuống sân ga. Bấy giờ thì anh ta cao lớn lực lưỡng lắm.

Người thiếu nữ đứng trông theo Văn, tay bóp thái dương. Anh ta thấy mỗi cánh tay mà chưa dám nghỉ vội. Đi đến gần lối ra hạng ba, anh ta mới dám đặt va ly xuống. Đợi một lúc mà đám người chen chúc trước mặt vẫn không chịu tiến lên, Văn nóng ruột hỏi một người đi cạnh mình:

- Sao lại đứng cả lại thế này?

Người ấy trả lời:

- Họ khám hành lý.

Văn quay lại nhìn thì người thiếu nữ chắc đã ngồi xuống, trông qua cửa sổ xe hỏa không thấy nữa... Văn sợ cô ta đợi lâu quá liền cố sức lách lên trước thì bị mấy người đội đoan cản lại, bắt đưa va ly cho họ xem.

Một người lính đoan bảo Văn:

- Chúng tôi vừa nghe tin báo có người đem thuốc phiện lậu đến Hà Nội nên phải khám hành khách.

Văn mỉm cười, đáp:

- À, tưởng gì!

Vừa nói dứt lời thì cái va ly người thiếu nữ gửi, mở tung ra, trong thấy đầy những hộp bằng đồng, gắn kín và to bằng quyển sách dày cộp.

Một người đội đoan cười gằn, nói tiếng Pháp:

- Lần này thì anh không thoát được tay tôi!

Văn chưa hiểu ra sao thì đã bị người ta điệu về Sở Thương chính.

Tuy rằng bạn tôi hết sức phân trần rằng mình là con nhà lương thiện, không bao giờ làm điều trái phép, nhưng không ai tin. Cái va ly thuốc phiện lậu đó là cái cớ buộc tội rất hùng hồn. Anh ta khai rằng anh ta quá tin người, rằng người ta lợi dụng mình; song nhất định không chịu nói rằng đó là một người con gái.

Nhờ nhiều người có thế lực che chở nên Văn mới được tại ngoại hậu cứu, sau khi bị giam đến gần nửa tháng - từ hăm ba tháng chạp tới mồng mười tháng giêng. Đến lúc ra tòa, anh ta mạnh thầy cãi, nên chỉ phải phạt có hai tháng tù án treo với bồi thường cho Sở Thương chính ba nghìn bạc.

Lúc kể chuyện này cho tôi nghe xong, bạn tôi thản nhiên kết luận:

"Tuy vậy, tôi cũng được ngồi nói chuyện với người nhan sắc ấy... hơn hai tiếng đồng hồ".

DÒNG MÁU ĐỨT QUẢNG

Năm giờ sáng hôm ấy, hai người cảnh sát hết giờ đi tuần đêm, đang từ cuối phố hàng Dầy thong thả đi xe đạp về bóp chính Bồ Hồ, bỗng có tiếng gọi đằng sau:

- Ông đội xếp ơi! Ông đội xếp ơi!

Hai viên cảnh sát cùng quanh xe trở lại, thì thấy một người đàn ông mặc quần áo nâu từ xa chạy lại, vừa vẫy tay, vừa gọi rồi rít.

Một người cảnh sát càu nhàu:

- Suốt đêm không sao, bây giờ mới lại sắp giờ chuyện.

Rồi xẵng tiếng hỏi người đàn ông đang tiến lên:

- Cái gì mà ngẫu mãi lên thế?

Người kia đứng dừng lại trước hai cái xe đạp, hỏn hển thở ra được một câu nhát gừng:

- Thưa hai ông... ông cai Bốn bên nhà tôi... sáng hôm nay... thấy nằm chết... ở... trước cửa.

- Trước cửa nhà ai?

- Nhà ông ấy.

- Nhà người ấy ở đâu?

- Ở bên nhà tôi.

- Mà nhà tôi ở đâu chứ?

Người đàn ông thở mạnh một hơi rồi thưa:

- Bẩm ở ngoại ô, bên đường cái. Tôi toan lên bóp trình, đến đây thì gặp hai ông... May quá!

Hai người cảnh sát tức khắc đạp xe xuống phía Ô Cầu Giấy. Người đàn ông chạy theo, vừa thở vừa thuật:

- Sáng hôm nay, tôi dậy sớm, mở cửa ra thì thấy cái cửa liếp nhà ông cai Bốn đổ xuống bên đường, rồi tôi trông thấy ông ta nằm chết trên đó, tôi sợ quá vội đi trình Cẩm... Hai ông đến mà xem.

- Trên người có thương tích gì không?

- Tôi không biết.

Qua dãy đèn điện thành phố, đi chừng năm phút nữa thì đến một lớp nhà lụp sụp ở bên tay trái. Một bọn bảy tám người, vừa đàn ông vừa đàn bà, trẻ con đang xúm xít trước gian nhà lá cuối cùng. Người đàn ông áo nâu chỉ tay nói:

- Nhà ông cai Bốn ở đây.

Bọn người thấy "đội xếp" đến thì đứng rẽ ra hai bên. Hai viên cảnh sát liền trông thấy xác một người đàn ông lực lưỡng, trạc độ ba mươi lăm, bốn mươi tuổi, mặc quần treó go thâm, áo cánh trắng. Người ấy nằm ngửa, đầu về phía đường, đè lên cánh cửa liếp, nét mặt trông già dặn mà không đều, hai mắt mở rất to, nhìn lên mái nhà một cách dữ dội, cái cằm vuông nổi cả xương quai hàm lên, mồm hơi mở, để hé ra hai cái hàm răng cắn chặt lại. Một tay người ấy bám xuống mặt liếp, còn một tay thì đặt ngang mình. Một chân gập lại bị đè dưới một chân duỗi thẳng.

Cảnh tượng ấy tỏ ra người đàn ông kia chết một cách khác thường lắm.

Nhưng sao trên người không có qua một vết thương nào? Hai viên cảnh sát đương cúi nhìn, bỗng một người nói:

- Kìa, ông nhìn trên ngực người chết xem, kìa kìa, ở phía dưới cái cánh tay để ngang bụng ấy. Hình như những giọt máu thì phải...

Người cảnh sát thứ hai gật đầu:

- Ủ, phải đấy, có nhẽ là những giọt máu thực.

Quả nhiên là ở phía bụng trên người chết có đến năm, sáu giọt máu đỏ thẫm, to bằng đầu đũa một, chạy thành một hàng trên chiếc áo cộc trắng. Nhưng ngoài những vết máu không biết từ đâu mà có ấy, thì không thấy thương tích nào.

Hai người cảnh sát xem xét xong, cùng đứng lên nhìn nhau, cùng có một ý nghĩ giống nhau, nên cùng nói:

- Thực lạ lùng!

Rồi một người quay lại hỏi:

- Thế vợ con người chết đâu?

Người đàn ông lúc nãy thưa:

- Không thấy vợ con gì cả. Ông ta mới đến ở đây được ba, bốn tháng.

- Làm nghề nghiệp gì?

- Bẩm, ông ta làm Cai lục lộ.

- Không ai thối nấu cho ư?

- Bẩm có. Trước thì ông ta ăn cơm hàng trên phố, vì phải đi vắng cả ngày. Sau ông ta nhờ chúng tôi thối nấu cho...

- Có hay cãi nhau, đánh nhau bao giờ không? Có ai thù oán không?

- Bẩm, ông ta hiền lành lắm, không mất lòng ai bao giờ... Cũng không chơi bời gì bao giờ... Làm ăn kẻ cũng được khá tiền, nhưng ông ta tiếng vậ mà thỉnh thoảng lại khó ở trong mình, phải uống thuốc luôn, nên ăn tiêu cũng không được rộng rãi lắm.

Người cảnh sát lại hỏi:

- Thế ra nguời này đau yếu luôn ư?

- Bẩm vâng. Nhưng mấy hôm nay ông ta phải bận đi làm cả ngày thì lại ra dáng khỏe mạnh. Tối hôm qua, ông ta còn sang đánh cờ với tôi và ông phó Nhớn bên nhà mãi khuya mới về ngủ. Bên này tôi còn nghe thấy ông Bốn quạt và thỉnh thoảng lại kêu bức.

- Chúng tôi cũng vì trời nóng, mãi đến hơn một giờ đêm mới ngủ được, mà vẫn không thấy nhà ông Bốn có chuyện gì.

- Thôi được rồi. Khai thế là đủ.

Nói đoạn viên cảnh sát quay lại bảo người bạn đồng sự:

- Ông đứng đây coi, để tôi về sở trình. Đừng cho ai vào trong nhà kia nhé!

Viên cảnh sát vừa nhảy lên xe đạp thì mấy người đàn bà hàng xóm hình như sợ liên lụy đến mình, nên tìm những lời lẽ phép kể cho viên cảnh sát đứng coi đó về cách ăn ở của ông cai Bốn. Họ hết lời tỏ lòng thương hại cho con người hiền lành tử tế như thế mà lại chết một cách thảm hại như thế. Cái tình lân lý của những kẻ già mồm hay chửi nhau kia, có lẽ chưa bao giờ đậm thắm bằng lúc này. Nhưng họ thấy người cảnh sát khoanh tay đứng đó, nét mặt vẫn thản nhiên, vẫn lạnh lùng, nên phải đành những tiếng chép miệng, thở dài với những lời xót thương cho các người qua đường nghe vậy.

Trong bọn người chen chúc nhau, có một người thiếu niên, đầu trần, đi xe đạp với tôi là chú ý đến việc này.

Tôi biết vụ án mạng từ lúc năm giờ sáng, chính là lúc tôi đi xe đạp bên cạnh hai viên cảnh sát ở phố hàng Dẫy và nghe thấy tiếng gọi "đội xếp" ở đằng sau. Tôi liền bỏ cuộc đi chơi sáng thường ngày của tôi và cùng đi tới đây với họ. Còn người thiếu niên kia, có lẽ cũng là người đi chơi sáng - thì đến sau tôi ít lâu.

Từ lúc viên cảnh sát thứ nhất đi rồi, tôi thấy chàng ta cứ cúi xuống hoài mà nhìn cái xác chết một cách rất cẩn thận, rồi lại ngẩng đầu chăm chỉ nhìn gian nhà. Trong nhà, ngoài chiếc giường cầu vồng với một cái rương kê một bên không còn bày biện gì nữa. Nhưng hình như người thiếu niên còn muốn tìm ra một vật gì khác nữa thì phải, nên cứ hết nhìn cái xác lại nhìn vào trong nhà, mãi không thôi.

Tôi thấy vậy, đứng lại bên chàng ta sẽ hỏi:

- Ông cho việc này có lạ không?

Chàng ta đứng thẳng người lên, ngẫm nghĩ một hồi, rồi đáp:

- Lạ, thì còn nhiều cái lạ hơn... Nhưng thế nào mà chả có một... nguyên ủy?

Tôi ngạc nhiên trông thẳng vào mặt người kia. Chàng ta yên lặng nhìn tôi rồi nói tiếp:

- Phải, việc này thoát khỏi kẻ cũng lạ đấy... Nhưng xét kỹ thì cũng chẳng có gì là kỳ dị lắm... cũng là một việc thường.

- Một việc thường! Vậy ông bảo người này chết vì đâu? Trong mình còn có thương tích nào nữa không? Mà sao lại có những giọt máu lạ lòng ấy?

Người thiếu niên vuốt lại tóc mỉm cười:

- Ông hỏi tôi một cách thực thà quá, làm như trong giây phút tôi có thể trả lời ông được ngay bằng ấy câu. Nhưng thế cũng chưa phải là một cơ để nói rằng việc này không thể cắt nghĩa được.

Tôi nghĩ bụng: "Thực là giọng lưỡi trong tiểu thuyết trinh thám... Có lẽ người nói chuyện với mình đây là một tay Sherlock Holmes thứ hai cũng nên".

Từ đó tôi lại càng để ý đến người thiếu niên hơn trước. Chàng ta mặc áo trắng dài chân đi dép tóc hất ngược và dài, bù rối như không bao giờ chải. Vẻ mặt lạnh lùng và thỉnh thoảng lại như hơi có dáng mỉa mai. Hai mắt đen và sáng ở trên cái sống mũi cao.

Thỉnh thoảng chàng ta lại se sẽ gật đầu như đang hiểu ra được một điều gì mới tìm thấy.

Tôi toan hỏi thì một tiếng còi xe hơi hách dịch réo lên, báo hiệu cho mọi người biết rằng ông Cẩm đã đến.

Đám người rẽ tản mát ra để lấy lối. Viên cảnh sát đứng thẳng người lên chào lối nhà binh.

Từ trên xe bước xuống bốn người: một viên Cẩm, một viên mật thám Tây, một ông đốc tờ với người cảnh sát về báo lúc này.

Lúc đó mọi người bị hai viên cảnh sát bắt đứng ra xa. Tôi phần phải giữ xe đạp, phần bị chen và đẩy lùi lại đằng sau không thể nào tiến lên được, nên không biết các nhà chuyên trách tra vấn, khám nghiệm ra sao cả.

Một lát tôi ngoảnh lại định nói chuyện với chàng thiếu niên thì không thấy chàng ta đâu nữa, mà cái xe đạp của chàng ta thì thấy dựng ở một gốc cây bên đường. Tôi nhớ lại những cử chỉ của người thiếu niên và sinh ra nghi hoặc. Bụng bảo dạ: "Con người kỳ khôi thực, không biết sao lại chú ý đến người chết quá như thế nhỉ... Mà bây giờ lại lui đi đâu mất? Không biết có liên lạc gì với cái 'án mạng' ly kỳ này không?"

Bấy giờ vào khoảng bảy giờ. Trên trời xanh ngắt không có một sợi mây nào. Ánh nắng về sáng mà đã thấy khó chịu.

Trong gian nhà lá, mấy nhà chuyên trách đã khám xét xong. Nhưng hình như chưa tìm ra được manh mối gì cả. Viên đốc-tờ cùng với viên chánh mật thám, vẻ mặt mệt nhọc và tư lự, vừa bước ra đường vừa chấm mồ hôi trán. Hai ông nhắc đi nhắc lại một câu nói:

- Thực là một chuyện tối ly kỳ.

Viên cầm Tây cũng đạo mạo gật đầu:

- Phải. Thực ly kỳ lắm!

Rồi họ cùng bước lên ô-tô. Trong lúc ấy thì người ta khiêng cái xác ông cai Bốn lên một chiếc xe tay để đem về nhà xác.

Tôi đứng đó nhìn theo và nghĩ bụng rằng những điều bí mật trong cái chết khác thường kia chưa biết bao giờ mới khám phá ra được, tất cũng lại vùi lấp đi, rồi quên đi, cũng như bao nhiêu cái chết tối tăm khác. Rồi tôi cứ bùi ngùi thương con người xấu số ấy hoài... Bỗng một tiếng nói đằng sau tôi làm tôi sững sốt, ngoảnh trông lại: thì ra người thiếu niên.

Chàng ta mỉm cười bảo tôi:

- Ông nghĩ gì vậy? Họ có bắt ai đi theo không?

- Họ là ai kia?

- Các nhà "chuyên trách" ấy mà!

- À! Không. Không bắt ai cả.

Người thiếu niên ra ý vui vẻ:

- Nếu vậy thì may! Bởi vì những người hàng xóm đây, cũng như ông với tôi, không có liên can gì đến

việc này hết. Tôi chỉ sợ họ bắt oan, rồi làm khổ những người vô tội. Các nhà chuyên trách không thể hiểu việc này được, vì họ khám xét sơ sài quá. Nhưng có gì là lạ lắm đâu?

Tôi hỏi:

- Ô, thế ra ông biết được những việc xảy ra ư?

- Không. Tôi đã bảo tôi cùng như ông: là một người ngoại cuộc. Nhưng cái bí mật ấy tôi lấy trí mà dò xét, tôi khám phá ra gần hết rồi.

- Ông khám phá ra được?

- Phải. Có gì là lạ? Ông hãy dựng xe đạp một chỗ rồi nhân lúc bọn người kia đang bàn tán hào với nhau, ta vào trong nhà này dò xét lại xem.

Vừa mới bước chân vào nhà, người thiếu niên đã chỉ cho tôi thấy một điều lạ: trên mặt đất đen và ẩm, có một trảng máu nữa, giọt máu cũng to bằng những giọt trên mình người chết, chạy từ một bên cửa đến dưới chiếc giường cầu. Chiếc giường này áp vào bức vách hậu ngay dưới một cái cửa sổ đóng lại bằng một mảnh phen. Cái chiếu cũ trên giường hơi lệch về một bên, trên mặt chiếu lại thấy những giọt máu chạy thẳng một chiều; như nổi theo trảng máu dưới đất, và chạy từ thành ngoài cái giường gỗ cho đến cái cửa sổ ở bức vách sau. Trên mặt vách, khoảng trên cái thành giường trong và dưới cửa sổ, cũng có một giọt máu nữa, nhưng dài và nhỏ hơn.

Người thiếu niên nói:

- Ông có thấy cái gì khác ở trảng máu trên giường này không?

- Tôi chỉ thấy ở giữa giường hình như trảng máu đứt một quãng.

- Chính thế! Những giọt máu từ cửa vào đây vẫn liên tiếp và cách nhau thực đều... Cả ở chỗ hai chân người chết đè lên cũng vậy? Duy có chỗ này là đứt quãng đến hai gang tay. Thế nghĩa là lúc trảng máu chạy từ ngoài, qua giường mà ra ngoài cửa sổ kia thì người chết, người đã chết, ông nghe chưa, vẫn nằm trên giường, nằm ở chỗ trảng máu bị đứt. Mà khoảng máu ấy...

- Thì ở trên mình người chết chứ gì?

- Phải. Đây ông xem. Dễ hiểu lắm.

- Nhưng sao ông biết người ấy chết rồi mới có những giọt máu trên mình?

- Vì theo lời ông đốc-tờ mà tôi nghe lỏm được lúc nãy, thì người này chết đã được hơn bốn giờ... nghĩa là vào khoảng trước hai giờ đêm. Hai giờ đêm đến giờ thì những giọt máu đọng kia không thể còn tươi như thế được: bây giờ máu mới hơi se và bắt đầu thâm dần. Vậy lâu lắm thì những giọt máu kia cũng mới có tự ba ruỡi, bốn giờ sáng.

- Thế sao người chết lúc chết thì nằm trên giường... để cho những giọt máu kỳ lạ kia nhỏ được lên mình, mà sao lại thấy nằm dưới đất?

- Điều quan hệ là ở trong câu hỏi đó.. Nhưng ông để cho tôi phân giải có đầu đuôi.... Tôi biết rằng người ấy chết lúc hai giờ, rồi tôi lại biết người ấy chết một cách tự nhiên, bình thường, chết vì thứ bệnh mà người lao động dầu khỏe mạnh đến đâu cũng có khi mắc phải. Đó là bệnh đau tim.

- Bệnh đau tim?

- Phải. Bệnh này, người mắc thường không tự biết hay có biết nhiều người cũng coi thường... Rồi đột nhiên, hoặc trên giường hoặc đang ngồi chơi, hoặc đang đi, bỗng lảo ra, tắt hơi, quả tim ngưng đập, không thể cứu được. Cho nên tối hôm qua, hàng xóm vẫn thấy ông cai Bốn đi lại như thường, rồi lúc ông ta chết không ai biết gì cả.

- Tôi vẫn không hiểu rõ. Ông chỉ nói cho tôi biết cái tính nguy của chứng bệnh nhưng không nói tại sao ông biết người ấy đau tim?

Người thiếu niên liền đưa cho tôi xem những mảnh giấy trắng nhỏ đã bẩn, đã nát, và bảo tôi:

- Chúng có ở đây. Những chữ viết trên giấy này đã mờ nhưng cũng đủ rõ cho tôi biết được đó là những giấy gói thuốc: "Bromure de sodium" mà người ấy xin ở nhà thương Bảo Hộ. Giấy này tôi thấy rất nhiều, vứt ra sau nhà, nên tôi đoán người uống thuốc mang bệnh đã nặng lắm. Ông đã nghe ra chưa?

- Tôi nghe ra rồi. Nhưng nếu chỉ chết về bệnh thì sao đến nỗi thế kia...

- Vâng, chính vậy. Nếu không có gì xảy ra hết, nếu người chết không vì một sức gì làm cho cử động được, thì chả ai cho là lạ cả, thì các nhà chuyên trách không phải bận đến khám xét, mà tôi không được cái hân hạnh nói chuyện với ông ở đây..... Bây giờ tôi nói đến cái điều mà ông nóng nghe... nói đến những giọt máu và cái cảnh tượng khác thường mà ta đã trông thấy. Chính những giọt máu đó là những vết tích chứng cho ta biết rằng: Có một vật bị thương, từ ngoài đường đi vào, nhảy qua giường người chết, khiến cho người chết vùng dậy, đứng xuống đất.

- Ông bảo sao? Người chết đứng được xuống đất?

- Phải, rồi như cái máy, loạng choạng nhảy lùì ra cửa rồi ngã ngửa lên chiếc cửa phen kia!...

Tôi hỏi dồn:

- Ô, thế thì quái lạ thực! Một vật làm cho người chết đứng được dậy, vùng ra cửa... nếu vậy thì ra là... là...

- Là quỷ nhập tràng! Phải rồi, người chết bị quỷ nhập tràng... nhưng ông đừng nhìn tôi một cách kinh ngạc quá như thế... Việc này không phải là một điều quái gở đâu. Chắc ông cũng thường thấy nói rằng một người mới chết, nếu có một con mèo nhảy qua, thì sẽ đứng dậy, cử động được một lúc như có luồng điện sai khiến vậy.

- Tôi vẫn biết là thế... Nhưng vì đâu mà ông biết rằng người chết bị quỷ nhập tràng được?

- Có gì đâu? Đó là vì sau khi tôi xem xét người chết, thấy những vết máu trên bụng hằn, tôi lại thấy những vết máu giống như thế rơi trên mặt đất thì tôi thoáng có một ý kiến khác hẳn của các nhà chuyên trách: tôi nhất định tin rằng việc này không có tay người dính vào... Đã có cái ý nhất định ấy rồi, nhân tình cờ tôi lại gặp một điều "lạ" mà giá lúc khác thì mình coi thường không chú ý đến. Đó là một vết đo đỏ tôi thấy trên mặt đường đá, ngay bên cái bánh xe ô-tô đỗ trước cửa nhà này. Vì nghĩ đến xe ô-tô, và vì lại trông thấy cách đó mấy bước có một vết mờ mờ đo đỏ nữa, trong trí tôi liền nảy ra một tia sáng cho tôi đoán được các việc xảy ra. Tôi đoán rằng hồi gần sáng - lúc ấy ông cai Bốn đã chết nằm trên giường - có một con vật chạy qua đường thành linh bị xe ô-tô nghiêng què một cái. Cửa liếp nhà ông Bốn không buộc cài ở trong. Con vật đau cuống lên, lèn vào trong nhà, nhưng vẫn còn hoảng sợ. Nó trông thấy cái cửa sổ lúc ấy vẫn mở, liền nhảy lên giường, vượt qua cái xác chết mà ra ngoài. (Lúc qua cửa sổ, nó làm rơi cái thanh tre chống tấm phen nhỏ, cái thanh tre rơi xuống chân vách ngoài, tôi đi tìm thấy). Cái việc ấy xảy ra không đầy nửa phút... Người chết bị con vật nhảy qua vùng đứng phắt ngay dậy, rồi như một người máy không hồn loạng choạng đến gần một phút, rồi sau đến ngã ngửa lên chiếc cửa liếp kia.

Đây, câu chuyện theo những điều tôi xét thì chỉ có thể... Nếu ông chưa tin, thì đây, tôi đã có chứng cứ. Nói đoạn, người thiếu niên dẫn tôi ra đằng sau nhà, đi năm sáu bước nữa đến một bụi cây rậm. Chàng ta cẩn thận vạch một cụm lá ra, rồi chỉ cho tôi trông thấy một con mèo vàng to, và gầy, bị nát một nửa chân sau, đang nằm nép trong một xó.

CÁI XÁC ĐUÔI NGƯỜI

Tôi tắt đèn điện trong phòng khách, mở rộng hai cánh cửa sổ, rồi ngồi ngắm cảnh ngoài vườn. Lúc ấy vào khoảng hơn mười giờ, một đêm trăng mùa hạ.

Ngoài vườn, gió thổi trong đám cây âm u, làm nhấp nháy những ánh trăng trên lá, thỉnh thoảng lại đưa vào một lớp hương êm mắt của cỏ hoa. Tôi đang lắng nghe những tiếng rì rào kín đáo của ban đêm, bỗng có người rón rén bước tới rồi nói:

- Thảo nào! Chả nhẽ anh đi ngủ sớm thế?

Tôi quay lại thì là Ngô Đàm. Đàm là một người bạn tôi quen được ít lâu nay, và tôi đã có lần giới thiệu với độc giả nhân một câu chuyện ly kỳ 1.

- Ngồi đó mơ tưởng gì thế?

- Ngồi ngắm cảnh đêm trăng. Anh đi đâu rồi ghé qua vào đây hản?

- Chả đi đâu cả. Tôi định lại nói chuyện với anh cho đỡ buồn, thấy đèn tắt, tôi ngạc nhiên, vì thường anh vẫn làm việc khuya lắm.

Tôi kéo ghế mời bạn ngồi rồi toan đi bật đèn. Nhưng Đàm ngăn lại:

- Để tối thế này, thú hơn... Thế hợp với câu chuyện tôi định kể cho anh nghe hơn. Nhưng thuốc lá đâu? Đưa tôi một điếu.

Tôi đưa thuốc lá cho Đàm và hỏi:

- Chuyện gì?

- Một chuyện ly kỳ lắm. Vừa rồi nhân đọc một cuốn sách Tây mới sức nhớ đến. Anh là người ưa những chuyện lạ, chắc anh thích nghe.

Trong nhà mờ tối một cách huyền ảo. Người bạn ngồi trước mặt tôi chỉ là cái bóng nửa thực, nửa hư. Chốc chốc lửa thuốc lại làm cho mặt anh ta sáng đỏ lên một lát.

- Chuyện thế nào? Anh kể đi.

Bạn tôi gật đầu, hút một hơi thuốc dài, ngả người lên lưng ghế rồi bắt đầu nói:

- Anh có biết thế nào là một cái nhà tràng không? - Nhà tràng tức là một thứ trường học lớn, một nơi đào luyện các nhà tu hành của đạo Thiên Chúa ấy mà, anh hiểu chưa? Câu chuyện này xảy ra ở đó; mà chính một người "nhà thầy" đang học ban "phi lô" thuật lại cho tôi nghe. Anh nên biết rằng người ấy không đời nào bịa đặt ra một điều gì cả.

Hồi bấy giờ, anh ta còn đang học ở lớp La Tinh năm thứ tư, nghĩa là trước khi lên ban "phi lô", còn phải học ba năm nữa. Học sinh ở năm ấy đã qua cái thời kỳ làm "cậu bé", nhưng chưa lên tới bậc "các thầy lý đoán"; phần nhiều đã nghiêm trang, đạo mạo, song cũng có người tính hay đùa bỡn, hay nghịch tặc. Cho nên trong cuộc đời học tập nguyện cầu kia mới có những chuyện vui, chuyện lý thú, với cả những chuyện lạ như chuyện này nữa.

Hôm ấy, đang buổi học chiều, cha Chính coi tràng vào báo cho học trò năm thứ tư biết tin một người bạn cùng năm mới tạ thế, và hỏi lấy hai người tình nguyện coi xác người chết trong một đêm.

Mọi người xì xào bàn tán một hồi lâu rồi ngồi im, không ai nói chi hết. Bởi vì ai cũng biết rằng nhà xác đứng trơ trọi ở một góc vườn rộng và vắng, - mà những chuyện ma quỷ hiện hình không phải là những chuyện họ sẵn lòng bỏ ngoài tai. Mọi khi thì vẫn giao việc coi xác cho một bố già, không biết gì là sợ hãi, nhưng lần này ông ta lại có việc lên nhà xứ mãi hôm sau mới về.

Cha Chính phải hỏi đến ba, bốn lượt mới có một người đứng dậy: Đó là anh Phê. Anh Phê là một người học trò ranh mãnh, táo tợn nhất, nên không ai lấy làm lạ mấy. Nhưng đến lúc một anh khác, tên là Nhiệm, cũng xin đi coi xác, thì mọi người cùng ngạc nhiên. Anh này chẳng qua chỉ làm mặt bạo dạn đấy thôi, chứ cả trường La Tinh người sợ ma nhất lại là anh Nhiệm. Song có lẽ sợ ma là một chuyện, mà có lòng tốt với một người bạn qua đời là một chuyện khác, nên lúc cha Chính hỏi lại lần nữa, thì Nhiệm vẫn quả quyết xin thức với Phê. Một vài anh thì thầm: "Anh chàng trót nhận lời rồi, hỏi lại

không kịp nữa". Cha Chính hẹn cho hai người sau hồi chuông nguyện sáu giờ sẽ xuống nhà xác. Nhà xác là một chiếc nhà gạch cũ và thấp có hiên rộng đằng trước và hai bên. Trong nhà kê ba chiếc giường nhỏ phòng khi có xác các chú bé. Người bạn mới từ trần nằm trên một chiếc phản gỗ hẹp và dài, mình phủ tấm khăn liệm trắng. Chiếc phản gỗ kê phía trong, sau một bức màn gió xanh kéo che gần một nửa gian nhà, hai cây nến hai bên phản đang yên lặng cháy.

Lúc mới bước vào, Nhiệm bạo dạn lôi một chiếc ghế đầu ngồi ở phía ngoài bức màn, ngoảnh mặt nhìn ra cửa sổ đằng sau, tươi cười nói:

- Ở đây mát thật, anh Phê nhỉ?

Phê không trả lời. Anh ta nhìn Nhiệm một cách hóm hỉnh và mỉm cười, vì anh ta biết rằng Nhiệm chỉ làm ra mặt bạo dạn. Một lát, Phê bỗng gọi Nhiệm:

- Này! Anh Nhiệm coi!

- Cái gì!

- Coi cái tấm màn nó động đấy!

Nhiệm thản nhiên đáp:

- Gió làm động đấy chứ có gì đâu!

- Thế mà trông như có ma nấp ấy nhỉ?

Câu nói nửa thực nửa đùa của Phê làm cho Nhiệm khó chịu. Nhưng anh lẳng lặng đưa mắt nhìn bốn góc nhà xác, nhìn cái săng đặt bên tường và không dậy nắp, nhìn những tấm ảnh nhân từ với một tượng chịu nạn phía trên đầu người chết. Mắt anh chỉ liếc qua lên mặt cái xác nằm trơ đó rồi tức khắc quay đi. Anh ta lấy tràng hạt ra và khuyên Phê đọc kinh, nhân để tránh những câu nói không vui gì của bạn. Nhưng nào có đọc kinh được! Trong lòng Nhiệm cứ nao nao như sợ một cái nguy hại vô hình.

Trời đất một thâm dần lại. Hai ngọn nến cao sáng thêm ra. Nhiệm thở dài. Cái yên lặng dai dẳng càng khắc càng nặng nề. Cảnh vật chung quanh như liệm vào cõi chết.

Nhiệm se sẽ nói:

- Này anh Phê ạ, bây giờ hơn bảy giờ mà cũng chưa tối lắm nhỉ?

- Phải, vì ngày tháng năm thì dài.

- Trong này còn nền nữa không?

- Để làm gì?

- Để tí nữa... tối rồi thắp lên cho thêm sáng.

- Tôi thì tôi thích tối. Anh sợ tối à?

Nhiệm trả lời:

- Việc gì mà sợ! Tường còn nền thì thắp lên cũng được, mà không thì... chắc... cũng không cần.

Nhiệm nói rồi lại nhìn đi, mặt cố giữ vẻ bình tĩnh. Phê nghĩ bụng: "Cu cậu sợ chết đi ấy lại còn cu vờ".

Rồi anh ta tìm cách ghẹo bạn chơi. Thỉnh thoảng anh nói với Nhiệm một câu rất đột ngột, một câu "nát đảm" để được thấy cái lo sợ thoáng trên mặt Nhiệm.

Đêm ấy là đêm rằm. Trăng lúc ấy soi vào gần tới bậc cửa. Hai người ngồi lẳng lặng trông thì giờ dần qua.

Đồng hồ trên nhà nguyện văng vẳng điểm tám giờ... Rồi điểm chín giờ... Rồi mười giờ... Phê thỉnh thoảng lại định nói chuyện nhưng Nhiệm không thèm nghe. Sau cùng, Phê bỗng kéo tay Nhiệm, ghé tai nói:

- Bây giờ mà cái xác kia đứng dậy đi ra ngoài với chúng mình thì anh bảo sao?

Nhiệm rợn người lên, nhìn Phê ra ý trách móc:

- Khiếp! Nói toàn những cái...

- Cái gì?

- Cái vô lý chứ gì?

- Phải. Vô lý. Nhưng anh cứ thú thực ngay rằng anh sợ...

- Tôi chả sợ gì hết. Anh nói vậy chứ, giá có ma thực hiện lên, tôi cũng không coi vào đâu.

Phê nghĩ thầm:

"Nếu vậy được lắm".

Rồi anh ta không nói qua một lời nào nữa, làm mặt tử tế ngồi giả tảng đọc kinh.

Trăng lên cao càng thêm sáng. Cái tối tăm chỗ hai người ngồi trong nhà xác thực lạnh lẽo, âm thầm. Tiếng giun dế rủ rủ dưới chân cỏ.. Tiếng gió thổi làm động những tàu chuối... Bỗng chốc một tiếng chim đêm, kêu dài và thảm.. Mười một giờ rồi.

Đồng hồ vừa dứt tiếng sau cùng thì Phê bỗng lại nói:

- Anh Nhiệm ạ, anh ngồi đây để tôi ra ngoài một lát nhé.

- Hử? Anh ra ngoài à?

- Ừ. Mình ngồi suông đây với cái xác kia một đêm cũng buồn... Tôi muốn ra vườn tảo cái gì vào đây chén.

Ý kiến hay lắm. Song Nhiệm vẫn ngần ngừ chưa biết trả lời ra sao thì Phê lại nói:

- Ngoài vườn nhiều ổi, nhãn, tôi muốn trẩy về đây ăn với anh cho đỡ buồn... Nhưng tôi trèo vụng quá! Mà ổi, nhãn ở những cây thấp thì còn xanh. Này! Hay là... anh để tôi ngồi coi đây... anh ra vườn trẩy hộ tôi...

Nhiệm tuy không muốn ra vườn, nhưng lại càng không muốn ngồi một mình trong này, nên anh ta liền nhận lời bạn.

Phê dặn với:

- Anh lấy cho rõ nhiều nhãn ấy nhé, cả ổi nữa, rõ nhiều ổi, ta ăn suốt đêm kia mà.

- Được, được. Anh cứ để mặc tôi.

Thế là Nhiệm bị trúng kế.

Nhiệm vừa đi khuất, Phê liền đứng ngay dậy vừa đi đến bên cái xác vừa nói:

- Cứ làm bộ can đảm mãi... nào, thử xem bạo được đến đâu.

Rồi không rụt rè, anh ta lật bỏ cái khăn trắng phủ người chết ra một bên và dựng cái xác đứng xuống đất.

Cái xác vẫn cứng thẳng như một bó nứa, và nặng lắm, không tiện vác lên vai: anh ta phải kéo giật lùi đến bên cạnh cửa rồi dựng ở đấy. Đoạn, ngó nhanh ra ngoài một cái, anh ta đến nhảy lên cái phản gỗ, tắt bớt một ngọn nến đi, ngả lưng xuống, duỗi thẳng cẳng ra, kéo cái khăn trắng lên phủ khắp mình, và nằm đợi.

Được chừng năm phút thì thấy tiếng chân Nhiệm bước vào, Nhiệm tới cửa đã vui vẻ nói:

- Nhiều ổi chín thơm lắm, nhưng chỉ lấy được có ít nhãn... Mà... ô này! Anh Phê đâu?

Không ai trả lời.

Nhiệm vẫn cẩn thận giữ bọc ổi, nhãn trên vạt áo. Anh ta bước đến bên cái ghế đầu mà Phê ngồi lúc nãy. Cái xác đứng trong phía tối; song anh ta vừa ở ngoài sáng vào nên không trông thấy.

- Anh Phê đâu?

Im lìm.

- Anh Phê?

Vẫn im. Nhiệm sẽ đưa mắt vào phía trong, phía người chết nằm, nghẹn tiếng gọi nữa:

- Anh Phê?

Phê liền thở lên một tiếng thực dài... rồi chậm chạp ngồi lên, nói lơ lớ tiếng:

- Hử! Cá... ái gì?

Nhiệm chưa hiểu, trợn mắt rất to nhìn, bỗng thét lên một tiếng ghê gớm, bao nhiêu ổi, nhãn tung cả xuống đất, rồi vùng chạy ra.

Phê sảng sặc lên cười, khoác cái chăn liệm trên mình toan đuổi theo, thì... cái xác chết chạy ra đuổi trước.

Tôi hỏi:

- Hử! Anh bảo sao? Cái xác đuổi?

Đàm gật:

- Phải! Lúc Nhiệm chạy ra khỏi cửa thì cái xác đuổi theo liền... rồi cứ Nhiệm đuổi hoài.

Phê ở rrong này nằm điếng người đi vì khiếp.

Còn Nhiệm thì chạy bán sống, bán chết. Anh ta lúc ấy cũng còn đủ thần hồn để hiểu rõ cái tình thế quái gở: là bị một cái thầy ma đuổi theo. Thế mà chạy càng nhanh càng bị đuổi gấp, anh ta không dám quay cổ lại, không dám nghĩ đến lúc kết cục, chỉ biết rằng nếu chậm một tí là bị người chết nắm được mình. Hình như anh ta có kêu lớn lên hai, ba lần nhưng tai chẳng nghe thấy gì cả.

Chạy khỏi những ruộng cỏ đầy nhưng vũng nước, anh ta qua một ruộng khoai gồ ghề thì tưởng đứt ruột ra không chạy được nữa. Cố hết sức dưng lên một độ nữa thì bỗng vướng quân ngã dúi xuống bên một luống dâu. Cái xác nằm đè lên như ôm choàng lấy Nhiệm.

Nói đến đó, bạn tôi ngồi yên, với tay lấy diêm châm điều thuốc lá nữa. Tôi nóng ruột hỏi:

- Thế là hết?

- Không. Còn! Nhưng không còn gì là lạ nữa! Lúc cả nhà chung, vì tiếng chó cắn dữ quá thức dậy, đồ tìm khắp các ngả thì thấy Nhiệm nằm như chết dưới cái thầy ma. Nhưng anh ta mới ngất đi thôi: trống ngực vẫn thoi thóp đập.

Mọi người cùng kinh ngạc, khiêng hai cái thầy: thầy người sống và thầy người chết vào nhà xác, thì Phê ở trên chiếc phản gỗ bấy giờ đã tỉnh dậy ngơ ngác nhìn.

Song mọi người không phải kinh ngạc lâu, vì lúc Phê hoàn hồn liền đem đầu đuôi việc tình nghịch của mình thú thực hết cả.

- Nhiệm cũng không hề gì chứ?

- Không hề gì. Các cố tìm cách cứu tỉnh ngay. Nhưng mất đến một tháng, anh ta cứ ngẩn ngơ như người ra dại. Bấy giờ thì khỏi hẳn, vẫn học hành tấn tới như thường. Anh ta không hay nhắc tới chuyện xưa, nhưng vẫn nhớ rõ rệt cái cảm tưởng quái gở của mình trong lúc bị xác chết đuổi.

Tôi hỏi Đàm:

- Nhưng quái lạ! Sao cái xác chết lại đuổi nhỉ? Anh có tin là có ma quỷ thực không?

- Tin hay không thuộc về chuyện khác. Nhưng trong việc này, tôi quyết không có ma quỷ nào hết. Tôi cũng cùng một ý kiến với một vài ông cố Y Pha Nho ở đấy, lấy nghề khoa học cắt nghĩa ra... Tôi cho việc này cũng gần có một tính cách như những "quỷ nhập tràng" mà tôi vẫn để tâm nghiên cứu.

Người chết ở đây tuy không bị một con vật gì nhảy qua, nhưng bị một thứ "hấp lực" làm cho chuyển động.

Người sống thì tưởng là bị xác chết kia đuổi, nhưng thực ra thì cái xác bị cái "hấp lực" kia hút theo. Lúc các người trong nhà tràng tìm được người học trò lớp La Tinh ở luống dâu thì thấy cái xác đè sập trên lưng anh ta, chân tay vẫn cứng thẳng như lúc còn ở trong nhà xác; vừa rồi tôi nói cái xác chuyển động thì chưa đúng, vì cái xác không động chỉ bị chuyển thôi, nghĩa là bị hút theo người tưởng là mình bị đuổi. Mà cái "hấp lực" ấy, tôi cho là cái sợ hãi quá sức của người sống, lúc vụt chạy ra...

Tuy vậy, cắt nghĩa như thế cũng chưa đủ, việc này đối với tôi vẫn còn bí mật như các điều huyền bí khác mà ánh sáng khoa học mới lờ mờ lộ tới. Cho nên các điều tôi phân giải chỉ là một "giả thuyết" tầm thường thôi.

1 Người thiếu niên ở trong truyện "Dòng máu đứt quãng".

MỘT CHUYỆN NGOẠI TÌNH

Hai người lấy nhau đã gần sáu năm.

Người đàn bà đã thay đổi nhiều về hình dung cũng như về tính nết.

Có thể gọi sự thay đổi ấy là một tiến bộ mau chóng về thời Âu hóa văn minh.

Cô gái nhút nhát, từ xưa chưa hề bao giờ ra khỏi cái tỉnh nhỏ là nơi cô sinh trưởng, quanh năm ẩn náu bên mình bà mẹ góa cần kiệm nuôi nhau trong bóng một ngôi hàng con con, đến bây giờ đã nghiêm nhiên trở thành một thiếu phụ sắc sảo lịch thiệp, một "nữ lưu tân nhân vật" hoàn toàn.

Đó là nhờ ở khiếu dễ hóa của người đàn bà, ở cái thông minh tinh ý mà cô Lan sẵn có, nhất là ở cái ý muốn nhiệt thành gây dựng của chồng cô ta.

Toán quả là một người chồng chu đáo. Đứng đắn, chí thú, yêu đời theo một quan niệm giản đơn, có tham vọng nhưng có mực thước, anh chàng này để cả lý tưởng vào sự tô điểm cho hạnh phúc gia đình. Toán mồ côi sớm, được một ông chủ họ cấp đỡ, được học ít, nhưng giỏi học tắt, và đến năm hai mươi ba tuổi, thi đỗ, có việc làm chắc chắn, là lo ngay đến chuyện kiếm một người vợ xinh đẹp.

Toán biết Lan do một dịp về chơi Hưng Yên và được bà con mách mối. Anh ta mến phục cuộc đời cần cù của bà mẹ cũng như yêu thương cái nhan sắc hiền hậu của cô con. Địa vị của Toán được nhà gái coi bằng con mắt rất trọng vọng ngay từ cuộc ướm hỏi ban đầu, và đến khi "ông phán tòa sứ" Hà Nội trẻ tuổi ấy về cưới Lan, thì tất cả mọi người quen thuộc của hai họ ở Hưng Yên đều mừng cho Lan là gặp bước may quá chừng tốt đẹp.

Hôm cưới, sau khi đã nhắc lại cho con gái nghe hết những điều khuyên răn quan trọng, bà mẹ bảo riêng Toán:

- Em nó vụng dại lắm. Cậu nên dạy dỗ cho nó biết cách đối đãi với họ hàng. Tôi chỉ có mình nó, được phó thác nó trong tay cậu, cũng lấy làm yên tâm. Nó không được như người tỉnh thành, vợ cậu chẳng khác gì mẹ vợ cậu đâu, nó quê mùa lắm.

Toán cũng biết người mà anh ta chọn làm vợ không có một tý gì là tân thời. Học thức đơn sơ, sự giáo dục chỉ khuôn trong nền nếp cổ, nói năng thật thà và cử chỉ mộc mạc, Lan sẽ là một nét nâu sồng lạ mắt đặt vào giữa những hình sắc đô thị hào hoa. Nhưng Toán không hề lấy làm bận lòng. Riêng về đẹp ý nhị của Lan cũng đủ thay thế cho những đức tính khác mà Toán sẽ hun đúc dần cho vợ. Khuôn mặt Lan nét thanh và dịu, đôi mắt Lan lẳng chìm một màu tình tứ kín đáo dưới hàng mi cong và dài, cặp môi Lan đậm thắm ngâm một thứ duyên thầm lặng đôi khi hé ra lóng lánh ở miệng cười răng đen.

Toán ngắm vợ nhiều phút sững sờ, và khoan khoái nhận thấy mỗi lúc một hiển nhiên thêm rằng mình chiếm được trong tay một thứ ngọc báu chân chất hiếm có.

Bạn đồng sự của Toán đều khen Toán là có diễm phúc. Một ông phán già vui tính, một bữa đang giờ làm việc thấy Toán giờ xem lại bức ảnh đầu tiên anh chụp chung với vợ, cũng phải gật gù:

- Vột phẳng mà ăn mặc tân thời vào thì đến hoa khôi Hà thành cũng khó mà bì kịp.

Toán cũng nghĩ thế.

Anh tìm được một hình ảnh mà anh tự thấy hay: Lan của anh mới chỉ là cô gái giữ lụa ở thôn Trữ La, chưa là nàng Tây Thi ở cung đình nước Việt.

Rồi Toán đề tâm "cải hóa" Lan.

Toán mua các sách quốc ngữ về cho Lan đọc; cắt nghĩa cho Lan những trang tuần báo tranh ảnh của Pháp nói về "đời sống mới" về thời trang. Anh rèn tập cho Lan ham chuộng những lối cư xử ăn nói của người "tỉnh thành". Anh lựa những lời khôn khéo để Lan sớm thấy sự quê mùa trong cách xưng hô của Lan lúc ban đầu. Lan dần dần quên hẳn được tiếng "nhà" mà cô ta vẫn hay dùng, cho đó là tiếng gọi chồng âu yếm nhất. Đến lúc vợ chồng gọi nhau là "mình" khi thân mật, rồi lại gọi nhau bằng tên nữa thì Lan đã bỏ hết mọi vụng dại và khép nép của cô gái quê. Toán không ngại tiếp đón đãi đằng cả những bạn hữu sang trọng nhất. Một đôi khi (lúc đó đã ở với nhau được hai năm, Lan đã cạo răng và chỉ ưa

mặc quần tơ trắng) chồng đã thấy hãnh diện đi chơi với vợ ở một vài đường phố đông người. Lan mặc trang phục mới càng tôn vẻ đẹp của thân hình. Cô ta đánh phấn rất khéo. Son phấn với quần áo đôi mới được cả cử chỉ và tính nết con người. Lan đi đứng lẹ lả trên đôi giày gót cao, nói năng hoạt bát đủ mọi điều và tỏ ra lịch thiệp không thua kém một ai trong hàng phụ nữ có chồng địa vị cao sang hơn Toán. Các bạn mới quen gia đình Toán không ai có thể ngờ được rằng vợ của Toán đã là cô dâu e thẹn với bộ yếm sồi váy lụa ngày nào. Đến Toán cũng phải ngạc nhiên. Anh thường bảo vợ:

- Lan chắc quên mất Lan trước kia rồi đấy nhỉ?

Cô trả lời:

- Lan chẳng quên. Toán quên thì có. Lan vẫn nhớ mãi hình ảnh Lan ngày mới yêu Toán vì đây là kỷ niệm sâu xa nhất trong đời của Lan.

Toán mỉm cười. Câu nói văn hoa và trơn tru này chính là thứ văn chương Lan vẫn say sưa đọc.

Những cử chỉ âu yếm mới lạ, những cách vuốt ve mê mải bạo liệt, trước kia khiến người thiếu phụ rất dỗi sượng sùng, bây giờ lại chỉ làm rung động Lan trong chừng mực vừa phải...

Một buổi ẩm tâm thân lả lướt và thơm tho của Lan, Toán nhìn vào đôi mắt tươi cười của vợ và hình như thoáng nhận thấy một vẻ lạnh lẽo thờ ơ, anh bỗng gọi:

- Lan!

- Gì thế Toán?

- Lan ơi!

Đôi mày Lan nâng cao lên đợi chờ và ngạc nhiên. Lời nói của Toán có một giọng tha thiết khác lạ.

- Lan ơi! Mình yêu anh chứ?

Lan phụng phịu ra bộ dỗi và lững lờ uốn éo trong tay chồng. Lan bao giờ cũng bảo Toán:

- Em chỉ biết yêu mình. Cả tâm hồn em, cả thân thể em là của mình.

Lan biết ngăn đón cả sự ngờ vực của Toán:

- Lòng em trong sạch như nước suối. Em thấy mình cứ phải gắng hỏi, em khổ lắm! Ước gì ở đời này chỉ độc tội có hai đứa chúng ta...

Toán ôm chặt lấy Lan, nhưng anh thở dài, và xót xa nghĩ đến hồi yêu thương thứ nhất.

Anh nhớ lại những bữa tiệc, những buổi chiếu bóng, chiêu đãi đặc biệt; trong đó nhan sắc của vợ anh lộng lẫy trước những vẻ nhìn tối tăm vì ghen ghét và những ánh mắt lóng lánh vì ước ao...

Anh điếm lại những mặt bạn hữu từ sơ đến thân, những người đã được lời chế giễu chê bai của Lan làm cho anh hớn hờ. Một khóe mắt, một miệng cười mỉm, một bàn tay mềm mại giơ ra bắt... Những hình ảnh đó tản mạn ở bao nhiêu trường hợp đã qua, nay hiện lại cả trong trí người chồng và rõ rệt lên, có một ý tứ bây giờ mới nhận thấy.

Sự ngờ vực gieo trong lòng Toán. Mầm độc nở lên rất mau như có tay tình ma vun tưới. Toán khổ sở ghê gớm và âm thầm.

Anh tự nhủ rằng Lan không lừa dối anh bao giờ. Không! Lan không có lý nào hết yêu anh! Vả lại chứng cứ đâu? Nhưng Toán không thôi dò xét. Anh ôn lại từng cử chỉ, từng lời nói của Lan khi anh ở ngoài về, khi Lan đi chơi một mình về nhất là sau khi Lan vắng nhà buổi tối. Anh trách anh vô lý. Lan cũng đã phải bức tức với anh, và có phen phải khóc lóc. Anh yêu Lan đắm đuối hơn trước, dữ dội hơn trước. Nhưng anh càng đau đớn hơn. Cả trong lời phân trần của Lan anh cũng thấy có ý khác.

Một buổi tối thứ bảy, Toán tìm ra được nguyên do sự ngờ vực của mình.

Tối hôm đó, anh cùng Lan vào nhà hàng Gôđa phố Tràng Tiền. Lúc trở ra. Lan đi trước, anh còn ở lại trả tiền rồi ra sau. Một người quen mới trông thấy Lan, tưởng cô đi một mình, vội vã lại gần Lan và tỏ ra một sự mừng rỡ hơi ngoa, nếu chỉ là bạn thường như mọi người khác. Thái độ ấy tuy ghìem giữ lại ngay, nhưng Toán đã bắt chợt được hiệu tay chặn ngừng, kín đáo của Lan và một vẻ bẽn lễn thoáng qua của người bạn.

Toán bắt tay người bạn kia vui vẻ như mọi lần. Anh có được những câu chào mời tự nhiên và một cách biểu lộ vô tâm rất khôn ngoan khiến chính anh cũng phải lấy làm lạ.

Toán ngạc nhiên hơn nữa khi nhận thấy tâm hồn mình sao mà lại bình tĩnh được đến thế và lại như thênh thang nhẹ bỗng hẳn đi.

Từ già người bạn rồi, anh ân cần hỏi ý kiến Lan về những thứ hàng vừa mua hoặc những chuyện may sắm khác. Đối với Lan, với điều bí ẩn của Lan mà anh vừa chợt biết, anh có một thái độ nhã nhặn kín đáo của người lịch sự khi biết chuyện riêng của người ngoài. Anh biết cách lánh xa đi - lánh mặt với những bước rút lui rón rén. Anh cũng "không trông thấy" hai ba lần Lan nhìn trộm anh, anh ngạc nhiên rất giỏi khi Lan đã động tới các bạn hữu để dò ý anh. Phải, Toán cố đóng vai anh chồng mù tịt không biết gì, mà đóng một cách thực tài tình. Anh dụng công phá tan bằng hết đám mây lo ngại đi cho Lan.

Vì anh có một chủ ý.

Đêm hôm ấy, Toán nghe vợ nhắc lại những lời âu yếm nét mặt lộ ra được hết vẻ cảm động sung sướng và trong những ý chua chát, anh nhận thấy mức độ can đảm lặng lẽ của mình. Anh đáp lại sự vuốt ve của Lan cũng bằng những cử chỉ nồng nàn và khi hôn lên miệng Lan trước khi vợ vào phòng, Toán nghĩ đến cảnh tượng giống như lúc này, Lan ngả nghiêng trong tay người khác.

Hơn một tuần lễ không có gì lạ trong sự chung đụng của hai vợ chồng. Lan vẫn có những cơn rất chính đáng để vắng nhà, Toán hỏi chuyện và đôi khi lại nói khôi hài để Lan cười nữa. Những thứ quà kẹo bánh mà Lan thích, Toán vẫn không quên mua về, và lúc đưa cho Lan, anh vẫn trêu chọc để vợ nhắc lại những cử chỉ và những lời nũng nịu. Lan yên tâm lắm. Lan không lo giữ gìn nữa. Toán biết đã đến lúc thi hành cái mưu của mình.

Đó là một cái mưu cổ điển.

- Lan ạ, chiều thứ bảy anh phải đi Nam Định.

Toán vừa nói vừa thản nhiên đưa bức thư của người bạn mời anh xuống Nam để bàn một chuyện cần.

- Chiều thứ bảy anh đi, sáng hôm sau về ngay. Nhưng thế nào anh cũng mua nhiều quà cho Lan...

Lúc ấy là chiều thứ sáu.

Toán không nhìn cái mừng rỡ có thể trong mắt Lan. Anh bảo thằng Quýt đi giục quần áo ở thợ giặt, nói to mấy ý nghĩ thâm về cái công việc dưới Nam Định và dặn Lan sắp va ly cho anh.

Chiều thứ bảy, khi xe lửa chạy và nhìn tay Lan vẫy tiễn chào anh, Toán tính lại thời kỳ ân ái của mình với Lan: năm năm và hơn bảy tháng. Thực là ngắn ngủi, vì cái ý định anh sắp thực hành sẽ kết liễu cuộc nhân duyên này. Toán đau đớn không nặng bằng tủi hờn. Cô gái tỉnh nhỏ kia đền đáp tấm tình quảng đại và chân thực của anh bằng sự lừa dối mà anh vẫn chỉ lường được ở bao nhiêu đàn bà khác. Anh không thể là người có độ lượng tha thứ. Anh cũng không để một điều tội lỗi qua khỏi hình phạt. Toán có lối hình phạt đặc biệt - không phải để trả thù cho tình ái: nó đã chết, mà để trả thù cho lòng tự ái bị trọng thương.

Anh xuống ga Thường Tín đi ô tô hàng ngược về Hà Nội và nghỉ trong một khách sạn đến tám giờ tối. Anh ăn cơm ở đó rồi thuê xe xích lô về chỗ ở của anh: bên một ngã đường vắng vẻ ngoại ô, một biệt thự nhỏ nhắn, tĩnh mịch và đủ mọi tiện nghi "để anh dựng tổ hạnh phúc". Nhà anh chia làm hai gian ngoảnh mặt ra đường. Một gian là phòng ngủ có lối ra đằng sau. Toán biết sự lợi hại của những đường lối đó.

Xem đồng hồ mới hơn tám giờ rưỡi. Đường tối và lặng lẽ như giữa đêm khuya. Anh xuống xe xách va ly thông thả bước về và thấy ánh sáng đèn ở bên phòng của Lan lọt qua cánh cửa chớp. Anh đứng lại im lìm như cái bóng và nhận thấy tiếng Lan thở thẽ từng đoạn trong tiếng thì thảo đàn ông.

- Họ không đợi muộn hơn.

Anh nghĩ thầm thế và tưởng tượng đến những rung động của vợ anh trong sự ôm ấp của người chiếm quyền anh lúc đó. Toán rất bình tĩnh. Anh biết lòng yêu đến lúc ấy thực đã chết hẳn. Sự căm hờn của anh là một mối thù ghét lạnh. Như thế ghê gớm hơn. Không một chút vội vàng. Toán còn nhìn lên một vài điểm sao trên bầu trời sâu tối. Anh biết rất rõ ràng những điều anh dự định và anh sẽ làm theo với một thứ tự tình tường.

Toán lặng lẽ cười cả miệng để sửa soạn giọng nói. Anh trở lại phía đầu đường cách nhà độ hơn chục

thước rồi bắt chước tiếng một người Sài Gòn thuê nhà ở gần đó, anh hỏi thực to:

- ủa lạ này! Thầy Hai ở mô địa tôi vậy?

Rồi đổi giọng thường, anh tự đáp:

- Ông Tư! Tôi đi Nam Định về đây...

Câu chuyện cứ điệu ấy tiếp theo. Một mình anh đóng hai vai để diễn một lớp kịch ngắn.

- Đi Nam chi vậy? Đi hồi nào?

- à đi có việc cần! Nhưng xong rồi. Tôi đã tưởng đến mai mới về được.

- Hồng đi với cô Hai sao?

- Không, Lan ở nhà. Ông Tư đi đâu thế? Vào tôi chơi đã rồi đi.

- Tôi đi dạo chút cho khỏe... Tôi đô bây giờ muộn rồi... Thầy địa nghỉ thôi nghe.

Một tiếng cười vui vẻ, rồi:

- Xe, đi mạy!

Toán lúc đó mới lộp cộp bước về bấm chuông gọi.

Câu chuyện vừa rồi anh cố ý kéo dài để cho người trong biết anh về, có đủ thì giờ để "thu xếp". Anh mong rằng người đàn ông không quá hấp tấp đến nỗi bỏ lại một vài tang vật và nhất là đừng quên cầu cứu tới lời công sau. Anh lại hữu ý gọi luôn để "người kia" đừng chạy lên đường vội. Mọi việc xem chừng nối tiếp nhau đúng như anh tính trước. Lúc thằng nhỏ vừa ngáp thắm vừa mở cửa thì anh hỏi rất tự nhiên:

- Mợ ngủ rồi à?

- Vâng, mợ con ngủ rồi.

- Cậu mở va ly bỏ quần áo ra cho tôi, đem nước uống lên rồi cho cậu đi ngủ.

Toán vào phòng Lan, mỉm cười cúi xuống nhìn vợ. Lan nhắm mắt, bần bật ngủ trong đám gối nệm rất gọn ghẽ. Cô nhú mày lại, nhẹ nhàng giật mình khi tay chồng đặt lên vai cô.

- Lan ngủ sớm nhỉ. Em tôi ngoan quá. Việc Nam Định của anh xong rồi...

Lan hỏi trong tiếng ngáp:

- Minh! Minh về chuyến tàu nào thế?

Anh âu yếm đáp lại sự mừng rỡ của vợ và miệng cười không lộ một chút gì là mĩa mai. Toán cáo mệt, buồn ngủ, hôn vào trán vợ rồi ra. Lúc anh bỏ áo ngoài. Toán mới mím bên mép thành một cái cười khóe miệng.

Toán say sưa hưởng lấy cái thú ác nghiệt vỗ về mơn trớn Lan. Trong ba hôm - khi cái lo sợ vẫn chưa hết hồi hộp trong tâm thần Lan - anh nghỉ ở nhà, luôn luôn ngồi cạnh người thiếu phụ mà anh hỏi han, anh dễ dàng để nghe những lời giả dối ngọt ngào và để xem những điệu bộ thân yêu bất đắc dĩ. Toán thường nhìn rất lâu vào đôi mắt vợ. Anh cười để trông thấy sự hốt hoảng trong đó. Rồi điên cuồng, anh ôm ghì lấy tấm thân run rẩy, ngửa đầu vợ trên lưng ghế và dữ dội gấn một cái hôn mãi miết lên miệng Lan. Nén tất cả sự ghê tởm trong lòng và giữ giọng thật ôn tồn, Toán nói với vợ những lời ca tụng quá đáng:

- Minh ơi! Lan của anh, Lan quý báu của lòng anh, anh có diễm phúc không biết ngần nào...

"Lan của anh ơi! Vợ yêu dấu, vợ trung thành của Toán..."

"Anh tự phụ vì có người vợ trong trắng, trinh bạch, hiền đức như Lan của anh..."

Những lời kiêu cách đó, sau cùng, khiến cho Lan sinh gờm sợ. Lan không thể đừng đoán thấy một sự gì khác thường...

Có lúc người thiếu phụ tưởng chừng chỉ là một xác thịt để đợi chịu sự vầy vò của Toán.

Lan lúc nào cũng e dè, luôn luôn lo nghĩ. Thái độ Toán ngày một thêm kỳ quặc.

Giữa lúc tư thế thân cận, Lan hỏi liêu một câu để dò ý Toán thì người đàn ông thốt nhiên cười gằn một tiếng, buông Lan đó, đi ra. Một lần Toán đáp lại những lời êm ái của Lan bằng một câu vu vơ:

- Anh mới khám phá được những điều bí hiểm nhất của lòng một con người! Thật đấy Lan của anh ạ!

Lan không dám hiểu rõ hơn câu nói ấy. Lan chịu những thống khổ độc địa thái quá. Toán không để cho

Lan biết chắc chắn bề nào. Sự ngờ vực này tai quái như một ác bệnh.

Sau cùng, sau hơn một tuần lễ nhục nhã, ê chề mà không dứt khoát ra sao, Lan tái người đi khi thấy Toán yên lặng bước về tay cầm một con dao sẵn lưỡi nhọn sắc và sáng loáng. Linh giác của Lan mách bảo, hay một tia lửa lạnh trong mắt Toán đã khiến Lan thấy sự chẳng lành? Lan nhìn trộm Toán luôn và lấy hết sự can đảm để giữ cho giọng nói khỏi run, cô ta hỏi:

- Anh mua cái này đây à?

Thì Toán nhìn vợ một cách lạ lùng. Anh im lặng nhếch miệng cười và thực không có cảm giác nào rùng rợn hơn - một giọng Sài Gòn từ miệng anh thốt ra, đáp lại:

- Phải đa! Qua mua tặng làm kỷ niệm cho mình đó.

Những câu sau, cũng bằng thứ tiếng Sài Gòn mà Lan đã nhận biết - và đã hiểu - là những lời tương tự như thế - ngọt ngào và ghê gớm; nhưng Lan không còn nghe được rõ ràng.

Một thế giới đã khuynh loạn trong tâm thần Lan. Hai mắt đầm đìa nước mắt cô đợi chờ lưỡi dao kia cắm ngập vào trái tim mình. Trong sự kích động bi đát của phút nghiêm trọng cuối cùng, cô đợi hình phạt tội lỗi mình bằng cả tâm hồn thấm thiết, mê mẩn, và ngã say trong một thứ cam tâm khoái lạc, thần bí.

Nhưng Toán không động tới mình vợ.

Toán để yên cho Lan sông cùng nhà và - anh rắp tâm thế - ở ngoài cuộc đời của anh.

LUỖI TÂM SÉT

Bên ngoài mưa như trút bao nhiêu nước xuống; sấm chớp làm rung chuyển các cửa kính. Trong một phòng ngủ trường Cao Đẳng tối hôm đó, các sinh viên đã mặc quần áo tử tế, ngồi bọc dọc trên mấy chiếc giường con. Một người Sài Gòn thì trán vào mặt kính cửa sổ trông ra, nhắc đi nhắc lại mãi một câu:

"Giận quá! Trời mưa hoài".

Vì tối hôm đó là một tối thứ bảy, họ tự cho phép lãng quên sách vở để đi điếu các phố hay tìm đến những nơi hò hẹn, tư tình. Cái buổi tối vui thú chờ đợi trong cả một tuần lễ nay mà lại gặp phải trời mưa, ai chẳng lấy làm khó chịu?

Năm, sáu người đang xúm nhau nói đến những chuyện tình duyên, chuyện "săn đuổi" cho qua thì giờ, bỗng một tiếng cười bật to lên; ai nấy quay lại xem, thì là anh Chung, một sinh viên mỹ thuật. Chung vút mẩu thuốc lá xuống, chống tay ngồi thẳng dậy:

- Tôi sực nhớ đến một câu chuyện kỳ khôi lắm, các anh muốn nghe không?

Mọi người giục kể, thì Chung thông thả nói:

- Phải. Một chuyện lạ thường, lại hình như huyền hoặc nữa. Nhưng các anh nên biết là chuyện có thực, vì chính có cả tôi ở trong.

Mùa hè năm kia, tôi về chơi nhà một người bạn học cũ tên là anh Lê Kỳ. Một chiếc nhà mái lá cửa gỗ ba gian, đứng trơ trọi ở bên con đường đất đi về làng Phương Canh, dưới một cây đa. Chung quanh toàn là đồng khoai ruộng lúa rộng bát ngát.

Thỉnh thoảng bỏ cảnh nào động Hà Nội về nghỉ đây ít ngày còn chịu được, chứ cứ ở luôn trong nơi vắng yên đó thì tôi đến chết vì buồn.

Kỳ lại khác. Anh ta yêu chỗ ở của mình một cách lạ lùng, không bao giờ vắng nhà đến một ngày. Quanh năm cặm cuội với đồng sách mà anh ta không bao giờ tiếc tiền mua. Anh ta là hạng người sống về ngòi bút như ta thường nói, sống một cách thanh đạm, bình tĩnh, nhưng tự do. Cái vui thú duy nhất của anh là viết được bài khảo cứu hay, hoặc tìm được quyển sách có giá trị. Lại phải nói cho các anh biết rằng Kỳ không ưa đàn bà một ly nào cả. Đó là vì bẩm tính của anh ta cũng có, nhưng phần nhiều vì anh ta là người cư xử rất vụng về. Cái đời làm việc bằng trí khôn ở trong một xó nhà quê đã khiến cho anh ta thành yên lặng và không thiết để ý đến sự ăn mặc. Đầu húi ngắn, vẻ mặt thật thà, trông anh ta chẳng khác gì một bác "nhà thầy" hiền lành. Người như thế, ở một nơi như thế thật hợp lắm.

Trong các bạn học cũ ở Bưởi chỉ có tôi là còn đi lại với anh Kỳ, chỉ có tôi hiểu và yêu tấm lòng giản dị của anh ấy thôi. Một, hai năm, rồi lại về ở với anh mấy ngày. Năm ấy, tôi định ở chơi luôn hai tháng hè và nghỉ dưỡng sức ở đó nhân thế.

Chiều hôm đầu tôi đến, Kỳ nghỉ làm việc sớm, hai tay xoa vào nhau, cười một cách rất sung sướng tho ngáy và bảo tôi:

- Nào, lại buông võng ngồi nói chuyện như mọi khi đi! Rồi anh kể cho tôi biết việc học hành của anh nhé.

Đó là một cái thú riêng của chúng tôi. Những lúc hai người cùng đưa qua đưa lại trên chiếc võng day, nghe tiếng kẽo kẹt trên kèo tre trong cái yên lặng mông mênh của nhà quê, mà nhắc đến những hồi còn nhỏ, hồi mới biết nhau; nói đến những việc mình đang làm, mình định làm, hay là bàn về chuyện tương lai, thì thấy sung sướng như được đọc một quyển sách rất hay hoặc đi xem những cảnh thích mắt.

Chúng tôi ngồi với nhau như thế hằng bốn năm giờ một, có khi quên cả buồn ngủ, quên cả đêm khuya.

Chiều hôm ấy, mới có hơn năm giờ, lại về mùa hè, mà trời bỗng tối sầm xuống. Chiếc màn trước nhà vật mãi vào cửa, trên mái lá tiếng kêu sột soạt như có tay ai xoa lên hoài. Không khí nóng bức và nặng nề rất khó chịu. Chúng tôi ăn vội bữa cơm thẳng nhỏ dọn lên, rồi đóng các cửa vào, thì mưa bắt đầu đổ xuống tường không đời nào hết nước. Cứ thế cho đến tám giờ tối. Chúng tôi chắc cơn mưa ngớt dần rồi

tạnh hẳn, không ngờ mười lăm phút sau, nước trút xuống càng dữ. Gió đổi chiều tấp mải hạt mưa với bức màn lên mặt gỗ, nước trên cửa chảy xuống chạy vào cả trong nhà. Sấm sét bắt đầu nổi lên âm âm, luôn bên tai chúng tôi thấy như núi lặn, đá vỡ. Chiếc đèn treo giữa nhà se sẽ đưa đẩy, bóng đèn va vào chụp thành những tiếng kêu khẽ, ngọn lửa bùng bùng, chốc chốc lại đưa cao lên một lát, trông đỏ lừ. Gió thổi càng già thêm, tiếng vụt qua khe cửa nghe rít lên từng hồi giận dữ và thê thảm. Không khí trước mát, sau hóa lạnh dần.

Mỗi lúc sấm dồn sét nổ lên, tôi lại lo ngại thêm.

Anh Kỳ ngồi trên vông sất với tôi, vẫn thản nhiên như đã quen với những phút kinh hoàng ấy. Tôi muốn bắt chước Kỳ, nhưng không thể nào trấn tĩnh được. Trong bầu trời mưa gió âm âm tối hôm ấy hình như nòng nặc chứa những luồng điện, khiến cho lòng người càng khắc càng nặng thêm.

Mấy lần tôi nói ra được một câu đều bị tiếng sấm sét át đi mất; sau tôi hỏi Kỳ:

- Anh có sợ sét không?

- Không. Việc gì mà sợ?

Một cái chớp loáng, làm tôi nín thở. Sau một tiếng nổ to và gần, Kỳ thấy sắc mặt tôi biến mới hỏi:

- Thế ra anh sợ sét ư?

Tôi gật:

- Sợ. Nhưng không phải sợ bị sét đánh. Tôi dầu ở trong trường có cột thu lôi cũng thế, cứ nghe tiếng sấm sét là khó chịu rồi. Nhưng khi có người ngồi cạnh hay có đồng người là tôi đỡ hồi hộp.

Tôi thú thực được cái tính nhát của mình với anh Kỳ nên không phải giữ gìn như trước nữa, tôi ngồi sát lại mình bạn mỗi khi có chớp loáng, và hai tay bịt chặt lấy hai tai.

Nhân đó, câu chuyện của chúng tôi xoay ra nói về sấm sét. Tôi được dịp thấy cái học rộng rãi và những điều phán đoán sâu sắc của anh Kỳ. Anh kể cho tôi nghe đến những sách lạ khảo cứu về điện học và những lý thuyết mới về "thiên lôi". Lại không quên kể những điều dị đoan của từng dân tộc. Tôi chú ý nhất đến những chuyện truyền thuyết của ta về "lưỡi sấm sét" mà Kỳ kể ra một cách rất có duyên... Nhưng sự chú ý của tôi chỉ làm cho tôi thêm mạnh lòng mê tín.

Nghe tiếng gió chạy như cuồng, tiếng mưa đập từng trận trên mái nhà và bốn chung quanh, nghe tiếng sấm sét rung chuyển cả một bầu trời tối tăm, tôi lại tưởng đến những chuyện yêu quái núp vào những góc đa hay chùa cổ để ẩn tránh lưỡi tầm sét. Khi người ta gặp điều lo sợ thì lòng dễ sinh yếu đuối, dễ nhận những điều mê hoặc, dầu mình là người có học thức. Tôi cũng vậy. Kỳ thấy tôi mỗi lúc một băn khoăn thêm thì nói đùa:

- Thế giá anh ở một mình ở đây thì sợ đến đâu?

Tôi đáp:

- Chả bao giờ tôi ở một mình.

Im một lúc, tôi lại nói:

- Này anh Kỳ ạ, nói bỡn mà chơi chứ, nếu có con ma, con tinh nào chạy trốn vào đây bây giờ thực thì anh bảo sao?

Kỳ phá lên cười, nhưng một luồng chớp sáng lạ lừng loáng lên, rồi liền đỏ một tràng sét đỏ lặn bên tai chúng tôi cùng một tiếng ghê gớm. Cả chiếc nhà rung lên một lượt. Tôi nắm rất chặt lấy tay Kỳ, quả tim chừng đứng lại.

Tiếng sét nổ gần lắm, đến nỗi mùi điện khét lẹt xông nặc lên. Đến gần mười phút đồng hồ, chúng tôi không ai nói gì qua: Kỳ như cũng lây cái sợ của tôi. Mưa bên ngoài vẫn như thác rộn, sóng gầm, sấm sét cứ liên hồi chạy từ góc trời này sang góc trời nọ.

Kỳ lắng tai, đưa một ngón tay thông thả đánh nhịp lên trên không như đếm cái gì... Tôi hỏi:

- Anh làm gì thế?

- Nhà dột... Đây, anh có nghe tiếng nước nhỏ xuống không?

- Có. Nhà hay dột thế kia ư?

- Không. Tại hôm nay mưa to quá. Tôi phải đi xem mới được.

Rồi Kỳ nhảy xuống đất, đèn bên cái bàn ở gian bên kia, thu gọn đám sách bị ướt sang một chỗ rồi lấy cái cốc lớn hứng lấy những giọt nước rơi.

Một cái chớp loáng nữa, Kỳ vội chạy đến với tôi. Tiếng sét vừa nổ xong thì bỗng có tiếng đập cửa sầm sầm. Chúng tôi kinh ngạc trông ra thì tiếng đập cửa càng thêm mạnh, càng thêm gấp, Kỳ hỏi lớn:

- Ai đấy?

Nhưng chỉ có tiếng tay nện vào cánh cửa trả lời. Một lát mới thấy tiếng kêu, tiếng kêu the thé rít lên cùng với tiếng gió thổi:

- Mở... cửa... cho tôi...! Mở cửa cho tôi với!

Chúng tôi nhìn nhau không nói gì. Ngoài cửa, tiếng gọi, tiếng đập như thúc giục:

- Mở cửa mau lên!

Tôi hỏi Kỳ:

- Thăng nhỏ đâu?

- Nó đắp chiếu ngủ kia.

- Đánh thức nó dậy mở cửa xem.

- Thôi, để tôi mở.

Tuy vậy, Kỳ vẫn ra chiều lưỡng lự. Anh chậm chạp xỏ chân vào đôi guốc, như người đang suy tính.

Tiếng đập cửa càng thêm gấp. Kỳ chắc lưỡi một cái rồi quay ra mở cửa liền.

Then vừa rút thì cánh cửa bị đẩy mở tung ra. Một trận gió mạnh xông ồ vào làm cho ngọn đèn treo vụt tắt. Tôi thoáng thấy một bóng trắng ở ngoài vừa chạy qua bậc cửa vào nhà. Kỳ cố sức đẩy mới đóng được cánh gỗ lại và gọi tôi rồi rít:

- Anh Chung, anh Chung lấy hộ tôi bao diêm...!

- Để đâu?

- Trên mặt hòm ấy!

Tôi đánh diêm thắp được đèn lên thì thấy hiện ra một cảnh tượng rất quái lạ: một người đàn bà - một người con gái thì đúng hơn - mình mẩy trần truồng, chỉ còn mấy mảnh quần rách bươm không đủ che thân, đang đứng vừa run vừa nhìn chúng tôi một cách kinh hoàng. Mặt xanh xám, nhưng trông vẫn thấy vẻ đẹp. Lạ hơn hết là đầu tóc cô ta trụi như mới cạo - cả đôi lông mày cũng trụi, chỉ còn trên mắt hai nét lơ mờ xanh.

Kỳ đứng ngay cạnh cô ta, trông lại nực cười hơn. Anh chàng há mồm ra, đôi mắt mở rất to, đèn hơn một phút đông hồ không cử động mà cũng không nói nửa tiếng. Các anh nên nhớ rằng Kỳ không ưa gần đàn bà, con gái; thường ngày cứ gặp họ thì đâm ra lúng túng, mặt đỏ đến tận tai.

Ba người đương giương mắt nhìn nhau bỗng chớp lại loáng lên, một hồi sét nổ dồn lại nghe rất gần. Người con gái đang run, bỗng giật nẩy mình, cuống cuống lên, rồi... ôm choàng ngay lấy Kỳ không chịu bỏ ra nữa. Mặt cô ta lộ ra vẻ kinh hãi hết sức, mắt long lên sòng sọc, môi lầy bầy kêu mãi mới ra một câu: "Giời ơi! Sét! Sét đánh!"

Kỳ vừa toan gỡ cái cánh tay trắng xanh kia ra, vừa trông tôi ra ý cầu cứu. Anh ta thấy tôi phì cười lại càng lúng túng, mắt ngơ ngác nhìn quanh nhìn quẩn, lúc nhìn đến cái thân lỏa lồ của người con gái, anh ta nhắm miệng lại một cách chán nản rồi quay đi.

Mưa lúc ấy tuy ngớt dần, nhưng sấm vẫn cứ ù ù chuyển.

Kỳ ngượng quá, phát cáu, ghé vào tai cô kia hỏi lớn:

- Làm sao lại thế này mới được chứ?

Thì người con gái chỉ lắc đầu không thừa.

Sau cùng tôi phải lấy cái áo đi mưa của Kỳ khoác cho cô ta, cố sức giằng cô ta ra và ấn ngồi xuống bộ ngựa gần đó. Cô ta run như cây sậy, ngồi nép vào vách, đôi mắt mở lớn nhìn trân trân về một phía như không nghĩ ngợi gì.

Tôi cúi xuống sẽ sẽ hỏi, nhưng cô ta không đáp, hình như không nghe thấy lời tôi.

Kỳ kéo tay tôi bảo:

- Người ta vẫn còn sợ, anh đừng hỏi vội, để người ta hoàn hồn đã.

Chúng tôi lui sang gian bên cạnh, bàn nhau lấy mấy cái quần áo đưa cho cô mượn. Nhưng khi mang quần áo ra thì người con gái vẫn ngồi nép vào vách, ngơ ngác như người mất trí khôn. Cô ta giương mắt nhìn bộ quần áo rồi lại lén lút nhìn chúng tôi. Tôi nói:

- Cô mặc áo vào.

Cô ta không nói gì. Tôi phải giục:

- Cô mặc áo vào cho khỏi lạnh.

Cô ta vẫn ngồi yên. Tôi quay lại khẽ gọi Kỳ:

- Có lẽ cô ta điên, anh Kỳ ạ.

- Không. Họ sợ chứ không phải điên.

- Nhưng sợ gì?

- Chắc họ gặp sét. Họ bị sét đánh!

- Tôi không hiểu. Gặp sét đánh sao không chết...?

- Cái đó, tôi cũng không hiểu nốt.

Tôi nói:

- Dẫu sao, ta để cho cô ta thế cũng không tiện, ta mặc quần áo hộ cô ta.

Người con gái để chúng tôi đỡ dậy và mặc xong áo cho như đứa trẻ con, không ngượng, không thẹn, mơ hồ không biết gì hết.

Nhìn đồng hồ thì đã gần mười rưỡi. Gió đã đỡ mạnh, mưa cũng tạnh dần. Tôi khoác thêm lên vai cô khách kỳ khôi kia một cái chăn mỏng mà Kỳ vừa đưa cho tôi, và để cô ta ngồi yên đó.

Kỳ mặc tôi coi người con gái, còn mình thì đi súc ấm, lấy chè và đánh thức thằng nhỏ dậy xuống bếp lấy nước lên đun. Thằng nhỏ thấy người lạ thì hơi ngạc nhiên, nhưng không nói gì cả.

Khi ấm nước trên ngọn đèn cồn đã sôi, chúng tôi đang chăm chú pha chè thì cô khách bỗng thở một tiếng dài.

Không hiểu sao, tôi lại thấy rợn người lên; quay lại xem, thì cô ta đã ngồi thẳng dậy, hai mắt tinh nhanh vừa chớp vừa nhìn chúng tôi như người đang tỉnh giấc mộng.

Cô ta thông thả trông sau trông trước, trông ngọn lửa đèn cồn đang nhảy nhót rồi nhìn xuống bộ quần áo đàn ông rộng và xộc xệch cô mặc trên mình... Rồi cô đưa tay lên đầu, thấy đầu trọc nhẵn không còn qua sợi tóc nào thì giật mình. Nước da tái mét lúc trước đã dần dần đỏ, mặt có vẻ e thẹn và ngượng ngập quá chừng. Cô hé miệng ra toan nói, nhưng lại thôi ngay, bỏ cái chăn đơn với chiếc áo tơi phủ trên mình xuống.

Tôi bùng một chén nước nóng lại mời, nhưng cô ta bẽn lễn không cầm. Trông cái đầu ni cô không có khăn vuông kia với bộ quần áo cộc trắng đàn ông lụng thụng phủ chiếc thân bé nhỏ kia, lúc khác thì tôi buồn cười, nhưng lúc ấy tôi chỉ lấy làm lạ.

Chúng tôi đứng yên xem cô ta định làm gì, thì thấy cô ta tiến lên, bước nhẹ nhàng và e dè, ra mở cánh cửa mà thằng nhỏ chưa cài then, quay lại nhìn chúng tôi lần sau cùng, rồi bước ra, một tay đóng trái cửa lại.

Chúng tôi càng thêm kinh ngạc, đứng nhìn nhau đến ba, bốn phút, anh Kỳ thì vừa cắn môi, vừa nghĩ, còn tôi thì ngờ ngợ, vục vục, lẩm bẩm nói:

- Người hay là ma?

Rồi cái ý tưởng vô lý này cứ vẩn vơ trong trí tôi hoài, muốn quên đi mà không được, tôi bỗng trông thẳng vào mặt Kỳ, nói:

- Người gì mà lạ thế, anh nhỉ?

Kỳ không đáp.

Tôi nhắc lại:

- Người gì mà lạ lùng kỳ quái đến thế?

Trong hai tiếng "người gì", tôi có ý nói không phải là người thường... không phải là người.

Kỳ như hiểu tôi, sẽ lắng đầu, trả lời như có ý trách:

- Sao anh lại có óc mê tín đến thế!

Tôi đáp:

- Có lẽ tôi mê tín thực, nhưng ta thử ra xem "hắn" đi đâu?

Chúng tôi mở cửa ra ngoài. Một cơn gió lạnh thổi qua mặt tôi. Mưa đã tạnh hẳn.

Chung quanh, những ếch, nhái đã bắt đầu lên tiếng. Trên trời, một nửa trăng đang chui qua vùng mây đen lớn: hời ầy vào khoảng trung tuần tháng năm.

Chúng tôi ra khỏi cái cổng không đóng bao giờ, nhìn lên con đường mờ mờ và xa tít len lỏi vào đám ruộng bát ngát.

Trên mặt đường, từng vũng nước lấp lánh vì ánh trăng sáng. Không thấy bóng người mặc quần áo trắng đâu.

Đêm ấy, chúng tôi cứ lấy làm kinh dị hoài gần sáng mới ngủ được.

Chung kể đến đó thì ngừng lại lấy thuốc lá hút. Một người bạn nóng ruột hỏi:

- Thế rồi sao nữa?

- Thế là hết câu chuyện dị kỳ đêm hôm ấy...

- Nhưng chả nhẽ câu chuyện chỉ có thế. Anh phải kể nốt: rồi sau ra sao?

- Rồi sau chúng tôi không còn thấy gì nữa. Trong hơn một tuần lễ, tôi ở chơi với Kỳ, ngày nào chúng tôi cũng nói đến người con gái hôm xưa. Tôi đã có lần ngờ là gặp ma, còn Kỳ thì chẳng ngờ gì hết. Anh ta cũng không phân giải được ra sao. Rồi chuyện đó quên dần đi, chúng tôi chỉ để tâm đến công việc riêng mình. Hồi ấy Kỳ đang soạn một cuốn sách mà anh ta muốn làm cho thành một tác phẩm có giá trị.

Tôi ở đó lâu cũng sinh chán, muốn từ giã Kỳ để đi chơi nơi khác, nhưng bạn tôi cố giữ lại cho đến gần hết nghỉ hè.

Một hôm, tôi đi dạo một mình, lúc trở về đến cổng thì gặp một người con gái nhà quê ở đó đi ra; cô này trông rất đẹp, áo nâu, quần lĩnh, đầu chít khăn vuông. Dáng người nhỏ nhắn, dịu dàng, tôi cứ tấm tắc khen ngợi mãi. Tôi lấy làm lạ rằng cái bác "thầy tu" kia sao lại có người khách yếu điệu đến thế, sực nhớ ra cô gái trần truồng, trụi mày trụi tóc đêm xưa.

Tôi bước vội vào nhà thì Kỳ ta mặt đỏ bừng, đang ngồi giở xem một bộ quần áo trắng để bên mấy bao chè tàu mới nguyên. Thấy tôi, Kỳ vừa bẽn lễn, vừa vui mừng, anh nói với tôi mà giọng run run, ra chiều cảm động:

- Cô con gái hôm nọ lại cảm ơn chúng mình đây.

- Thảo nào tôi trông quen quen.

- Thế ra cô gặp anh?

Tôi gật, rồi mỉm cười trông bạn. Anh ta lại đỏ bừng mặt lên.

Một lát, Kỳ trấn tĩnh được ngay, anh nói:

- Cô ta đến để trả bộ quần áo đêm nọ mình cho mượn, và đền ơn mấy bao chè. Tôi đã cố chối từ, nhưng cô ấy cứ nài, nên tôi chả làm thế nào được. Cô ta kể cho tôi nghe rằng hôm ở đây ra về bị ốm một trận đau đẽ, ốm vì sợ hãi quá. Bao nhiêu điều tôi đoán về cô ta đều trúng cả nhưng tôi chưa nói với anh là vì tôi chắc anh sẽ không tin. Tôi biết rằng cô ta bị sét đánh rách hết áo quần và "gọt" hết tóc với lông mày, nhưng không chết. Nghe cô ta nói thì quả thực vậy. Đêm hôm ấy, cô ta đi thăm người bà con ở làng bên ốm nặng, lúc về nửa đường thì gặp mưa. Cô ẩn dưới cây đa to cách cây đa nhà ta chỉ độ ba trăm thước. Đợi mãi mưa không ngớt, cô ta định chạy vào đây trú, nhưng cô biết tôi ở đây có một mình, lại không quen tôi... mà đàn bà, con gái đêm hôm... Sau thấy sấm sét dữ quá, cô đánh bạo chạy về đây thì ngay lúc đó, một tiếng sét đánh vào cây đa to, luồng điện đi qua vật cô ta xuống. Lúc cô ta đứng được dậy cũng vẫn còn mê mẩn vì khiếp sợ, thân thể lỏa lồ cũng không biết, chỉ tìm cách trốn thoát "lưỡi tầm sét" của ông "thiên lôi" thôi. Rồi lúc vào đây, lúc ta mặc quần áo cho thì cô ta còn trong cơn kinh hoảng không e thẹn gì. Mãi sau, khi hoàn hồn rồi, mới biết xấu hổ... Cô ta ra khỏi nhà

liền theo đường tắt một mạch chạy về làng...

- Nhưng "thiên lôi" gì lại đánh người ta một cách kỳ khôi thế?

- Tôi chỉ biết đó là sự thực, còn tại sao bị sét đánh mà không chết thì cũng chịu không cắt nghĩa được. Ở một cuốn sách khảo cứu về "sấm sét" của Flammarion [1], tôi thấy có chuyện tương tự như thế, mà người bị đánh còn bị văng ra đến ba, bốn chục thước nữa kia.

- Thế thì lạ thực. Còn người con gái kia... anh có biết là người ở đâu không?

- Người ở trong làng, con ông Hương, ông Lý nào đó thì phải. Sau hôm đó, cô ốm gần một tháng, ốm vì bị sét đánh thì ít, mà ốm vì sợ hãi thì nhiều... Người nhà định đem trả quần áo tôi đã lâu, nhưng cô ta muốn tự mình đem đến, để nhân tiện trả ơn mình. Mà không đem đến ngay, tôi chắc là... vì lông mày với tóc chưa mọc đủ.

Ngừng lại một lát, Kỳ lại tiếp:

- Cô ta... kể cũng có duyên đó chứ.

Lần đầu tiên, tôi thấy bạn tôi nói ra một câu bình phẩm như câu này.

Chú thích:

[1] Camille Flammarion: "Les caprices de la Foudre".

MỘT NGƯỜI LẠ

Chiếc ô-tô hàng chạy Đồ Sơn - Hải Phòng vừa đỗ ở bến Xâm thì người ngồi bên trái tôi ghé tai tôi khẽ nói:

- Người ngồi trước mặt chúng ta là người hội kín đấy.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Thực không?

- Thực, chính hắn là một người hội kín...

- Sao ông biết?

Người kia càng ghé gần lại tôi, hai mắt liếc ra một cách bí mật:

- Tôi biết đích hẳn thế, vì, ông trông kia kia, hắn ta đang nhìn qua cái điểm canh kia ra dáng e dè, như lo rằng có người lên khám xét.

Tôi sực nhớ hôm ấy là ngày mùng một tháng năm Tây. Hồi đó hay có những vụ biểu tình, nên mọi nơi canh phòng cẩn mật lắm.

Nhưng bảo rằng cái người đàn ông trẻ tuổi, gầy gò, mặc áo vải thâm, đội mũ trắng, đang ngồi đối diện tôi, là một tay hội kín vì hắn chú ý đến cái điểm canh kia, thì vô lý thực. Người đâu rõ khéo đa nghi.

Tuy tôi nghĩ thế nhưng lời nói của người ngồi bên cạnh cũng làm cho tôi hơi khó chịu đôi chút. Rồi từ lúc đó, tôi cứ để mắt xem xét người đàn ông gầy gò kia hoài.

Người này trạc độ hai mươi, da mặt hơi xanh, nét mặt rắn rỏi. Đôi mắt rất linh động nhìn mọi người một cách khinh bỉ như nhìn kẻ thù. Hắn ta để trong lòng một gói gì bọc trong tờ báo Tây, một tay cẩn thận giữ lấy gói ấy, một tay cầm tờ nhật trình ta mở một nửa, nhưng lúc ấy hắn không đọc.

Tôi định mượn tờ báo để gọi câu chuyện với hắn. Nhưng hắn xẵng tiếng trả lời:

- Tôi đọc chưa xong!

Mà hắn có đọc qua chữ nào đâu? Hắn vẫn mãi nhìn các người trong xe, rồi lại chăm chú ngoảnh đầu ra nhìn bộ binh khí là những giáo, mác, đinh ba, câu liêm đã rỉ cắm lên một cái giá tre ở trước cửa điểm canh. Mặt hắn lộ vẻ bồn khoăn khó chịu.

Mãi đến lúc xe chạy, hắn ta mới quay xuống với tờ báo. Nhưng chỉ nhìn qua mấy mục rồi cứ gờm gờm liếc trông các người ngồi chung quanh.

Người bên cạnh tôi lại bấm tôi, sẽ nói:

- Đấy, ông xem đấy, hắn không phải tay vừa đâu. Không là "người lương thiện" đâu!

- Ông quá nghi ngờ đấy thôi. Người hội kín nào dám đi qua đây...

- Không phải là tôi nghi ngờ... Người này trông giống một tay hội kín trên báo lắm.

- Sao lại hội kín trên báo?

- Một người có hình in trên báo, ông nghe ra chưa?

Tôi tỏ ra ý không tin thì người kia không bằng lòng, nói:

- Đấy, rồi ông xem tôi nói có sai không. Chốc nữa xe đến cầu huyện Rào, người ta khám xét kỹ càng thì chắc thế nào hắn cũng bị bắt.

Biết rằng cùng một chuyến xe với mình có một người hội kín, nhất là vào giữa hồi dễ bị tình nghi như hồi đó thì còn khó chịu nào hơn nữa không? Tôi muốn quên người trẻ tuổi trước mặt đi, không muốn nghĩ ngợi lồi thoi như anh chàng đa nghi bên cạnh. Ấy thế mà anh chàng thỉnh thoảng lại ghé sát tai mình thì thầm và cứ bắt mình phải chia sẻ cái lo ngại vô lý của hắn!

Xe chạy tới đường rẽ sang Kiến An lại đỗ.

Người bạn cùng ngồi một ghế với tôi càng ra vẻ lo ngại thêm. Rồi không biết nghĩ ngợi thế nào, chàng ta kéo ô lách qua mọi người để xuống. Tôi hỏi:

- Ông về Hải Phòng kia mà?

- Phải. Nhưng tôi muốn xuống đây.

- Nhưng còn xa mới đến Hải Phòng...

- Được. Tôi đi xe sau cũng được.

Tôi muốn hỏi nữa thì hắn đã xuống khỏi xe. Tôi ngoái đầu ra ngoài trông theo thì thấy hắn ta ra chiều khoan khoái như cất được gánh nặng.

Xe chạy liền.

Tôi bị mấy người mới lên chen dứ quá, suýt tụt cả khăn. Người đối diện tôi trông vẫn bình tĩnh như thường, trên nét mặt lạnh lùng thản nhiên của hắn ta, tôi chỉ thấy linh hoạt có hai con mắt.

Tôi chợt nghĩ:

"Ừ, thế ngộ hắn là người hội kín thật thì sao". Rồi tôi đâm lo. Lúc nãy vừa cười anh chàng ngồi cạnh là gàn, mà đến bây giờ mình cũng dở hơi nốt. Hội kín thì hội kín chứ, mình có liên can gì với họ đâu mà sợ lụy đến mình. Nhưng tôi vẫn không được yên lòng, tôi vẫn băn khoăn, hình như tâm trí còn cảm thấy có một điều nguy hại sẽ xảy tới...

Tôi muốn nghĩ đến những chuyện khác, những cái phiền muộn riêng, để quên nỗi lo ngại kỳ dị bây giờ đi. Tôi muốn quan sát các người nhà quê trong xe, muốn tìm những dáng điệu ngộ nghĩnh của họ để "giải trí". Nhưng lúc nào cũng chỉ nghĩ đến người "hội kín" ngồi trước mặt và chốc chốc lại phải đưa mắt nhìn hắn ta.

"Ừ, tại sao hắn cứ cầm mãi tờ báo kia như người vờ đọc thế? Mắt hắn sao có vẻ đăm đăm như người đang tính đến một việc ghê gớm gì? Mà còn cái gói kia...! Gói gì mà to thế? Mà sao hắn giữ cẩn thận quá như thế?..."

Tôi bỗng rợn người lên: tôi vừa trông rõ những hình to bằng nắm tay, tròn, rần, in lẩn dưới làn giấy gói, và chợt có cảm giác rằng đó là những quả bom!

Rồi cái hạt nghi ngờ mà người đàn ông lúc nãy gieo trong trí tôi cứ nở to mãi ra. Sau cùng tôi không ngờ nữa: tôi tin là sự thực.

"Trời ơi! Quả bom! Bây giờ mà hắn vô ý đánh rơi xuống thì chết cả lũ!"

Tôi nghĩ bụng thế rồi bắt đầu sợ hãi không biết chừng nào mà kể. Nhưng hắn không vô ý đâu. Hắn cẩn thận giữ gìn những quả bom kia, có nhẽ lại hơn tính mệnh hắn. Người ta chen nhau trên ô-tô, thích hắn, đẩy hắn, ngã lên vai, dẫm lên chân hắn: hắn vẫn mặc kệ. Nhưng đừng ai động đến gói quả bom.

Một lần có người nhà quê rút cái đòn gánh dưới gầm ghé lên, lóng ngóng thế nào chực gạt phải cái gói giấy. Hắn vừa hất cái đòn gánh ra, vừa quát một tiếng thực lớn: "Này khéo!" khiến cho mọi người đều đổ dồn mắt lại nhìn hắn. Hắn lại ngồi lặng thinh ngay.

Ô-tô gần tới cầu Rào, đang chạy hơn 30 cây số một giờ, phải hãm chậm lại.

Mọi người trong xe xì xào nói đến những tiếng: "cảnh sát - khám - bắt - hội kín - chung thân..."

Hắn ta vẫn ngồi yên chỉ hơi cau mày.

Người tài xế quay đầu lại nói:

- Các ông lấy thẻ sẵn ra để sang cầu cho người ta khám.

Mặt người hội kín bỗng như tái đi, và như có một vẻ quả quyết khác thường. Hắn gấp nhanh tờ báo lại, nhìn các người trên xe một lượt rồi ngồi thẳng người lên.

Tôi hiểu rồi.

Cái nguy hại mà tôi cảm thấy lúc trước đã sắp xảy đến.

Theo các truyện trinh thám tôi đã đọc; thì người bị bắt mà túng thế, thường tự hại mình để luôn thể hại cả những người vây bắt mình. Vậy cái gói tạc đạn kia, nếu bị người ta khám xét ra, và nếu bọn cảnh sát chực lôi thôi, thì người "hội kín" sẽ thản nhiên, nâng cao gói ấy lên, rồi... một tiếng "bòm!"... thế là xong chuyện.

Tôi đã có ý coi chừng trước; định rằng hễ người kia định giở cái kế ghê gớm ấy ra thì đã có tôi ở đó, tôi sẽ hết sức ngăn.

Khôn nổi, xe chật như nêm, lại gặp lúc xôn xao, người tìm thẻ đánh rơi, người sắp đồ đạc mang xuống: không thể nào cử động dễ dàng được. Tôi bị hai người ngồi cạnh ép chặt lấy hai bên hông, nên thò tay

lấy được thẻ trong túi, rồi không thể nào rút tay ra được nữa.

Người "hội kín" thấy tôi cứ giằng giũa để kéo tay lên thì nhìn tôi chòng chọc. Còn tôi, trong lúc ấy, tôi cũng không rời mắt khỏi gói tạc đạn của hắn ta.

Xe đã qua cầu.

Rồi đỗ.

Năm người cảnh sát oai vệ tiến đến:

- Mọi người trên xe phải xuống hết. Rồi đưa thẻ ra xem!

Tôi cố chết lách được ra khỏi xe thì bị người đội cảnh sát hỏi:

- Đứng lại. Thẻ đâu?

- Ông đội ơi, ở trong chiếc xe này...

- Có thẻ không?

- Có. Nhưng tôi muốn nói...

- Đưa thẻ xem đã!

Tôi bực mình quá, nhưng cũng phải đưa thẻ ra.

- Trong chuyến xe này... hình như có một người mang quả bom đấy!

Người đội cảnh sát trả thẻ tôi và trừng mắt nhìn:

- Ông bảo sao?

- Trong xe có người hội kín!

- Đâu?

Tôi ngoảnh lại xem.

Người hội kín của tôi đang cẩn thận ôm gói quả bom bước xuống. Mặt hắn vẫn giữ nguyên cái vẻ lạnh lùng quả quyết từ nãy. Tôi khẽ nói với viên cảnh sát:

- Kia! Nhưng ông phải coi chừng đấy, đừng để hắn ném cái gói giấy xuống đất.

Người cảnh sát hiểu ý đi đến tận bên người kia:

- Thẻ anh đâu?

Người hội kín thông thả đáp gọn một câu:

- Tôi không có thẻ.

Tôi rung mình lên một cái, như nghe thấy tiếng hô bắn một người tử tội. Viên cảnh sát mặt tái đi, chưa biết tóm ngay cổ thằng cha buống bình ấy hay nên hỏi qua loa rồi thôi. Vì có lẽ ông ta cũng nghĩ như tôi: họ túng thế là họ đâm liều mất.

Tôi khẽ bảo người cảnh sát:

- Ông liệu giữ lấy gói giấy đã, rồi hỏi gì hẵng hỏi.

Viên đội cảnh sát gật gù, đưa mắt cho mấy người đi theo, rồi lẹ tay giật lấy gói tạc đạn. Người hội kín hốt hoảng chực với lại, nhưng đã bị hai người giữ chặt lấy tay.

Lúc ấy viên cảnh sát mới dám hỏi:

- Anh ở đâu đến?

- Ở Đồ Sơn.

- Nhưng ở nhà ai?

- Ở nhà Thờ...

- Hừ! Nhà Thờ... anh đi đạo hội kín hử. Được, nhưng rồi tôi sẽ biết. Anh định đi đâu?

- Tôi có việc lên nhà thương Nam Pháp, ở gần đây... Tôi đưa ít thuốc lên cho mấy người ốm...

- Phải. Tôi biết. "Thuốc" cho những "người ốm" đó ở trong gói này chứ gì?

Nói được một câu chế giễu lý thú như thế, viên đội cảnh sát mỉm cười ra dáng đắc ý lắm. Rồi ông ta lại hỏi:

- Thế thẻ anh đâu?

- Tôi chưa có thẻ vì tôi là người chưa đến tuổi, lại là người tu hành. Tôi đã có thư của nhà Chung...

Thư ấy... tôi để trong gói kia, ông giờ ra mà xem.

Thấy câu nói khả nghi, tôi sợ rằng đó là một cái mồi của người hội kín. Tôi toan cản lại, nhưng người đội cảnh sát đã đặt gói quả bom lên mặt đường nhựa và đã bắt đầu bỏ lượt giấy bọc ngoài. Mặt ông ta nửa có vẻ nghiêm nghị nửa có vẻ khôi hài, nhưng hai tay ông ta hơi run run, như không nén nổi sự cảm động.

Bắt được một tay "hội kín" mang những đồ quốc cấm quan trọng đến như thế, có phải chuyện vừa đâu. Mà công trạng của mình tất không nhỏ.

Người đội cảnh sát lóng ngóng mãi, bỏ được tờ giấy bọc ngoài lại thấy một tờ giấy bọc trong, rồi lại đến một tờ thứ ba nữa.

Lúc tờ báo sau cùng đã mở thì ngón ngang thấy mấy lọ thuốc tây bên cạnh một mảnh giấy gấp, với lại... mười cái ống giác bằng thủy tinh.

Thì ra người "hội kín" của tôi quả là một người tu hành, một "thầy bôn" đem thuốc đi cho "kẻ liệt"!

ÔNG PHÁN NGHIỆN

Ông ta là người Nam Kỳ, nhưng từ khi về hưu trí vẫn không rời bỏ cái nhà lá mua được ở trên con đường đi về huyện Vũ Tiên.

Nhà này đứng trơ trọi trên một vườn mía không ai trông nom và ngoảnh mặt ra một cái đầm con chạt ních những bèo Nhật Bản. Không thân thuộc ai, cũng không tưởng gì đến sự về quê hương, ông ta sống ở đó thâm kín một mình, ngày hai bữa đã có thằng bé con ở hiệu cao lâu Khách phố Đề Nhị đưa cơm nước đến. Ông ta không ra ngoài mấy khi: cả công việc chỉ quanh quẩn bên cái bàn đèn. Mà khi bước chân ra khỏi nhà là người khấp tỉnh Thái Bình xì xào, chỉ trở. Tên ông ta là Được, Trần Văn Được, nhưng họ quen gọi là lão phán nghiệm hay là lão phán Sài Gòn.

Tôi ở xa, đến chơi nhà một người bạn ở đầu tỉnh Thái được ít lâu, đã chú ý đến con người kỳ khôi ấy, vì tính tôi hay tò mò, vốn thích những chuyện lạ, những nhân vật khác thường. Cho nên mỗi khi thấy người đàn ông gầy gò, đội mũ trắng bở, mặc áo bông dup và quần cháo lòng kia lệt sệt đôi giày cũ đi qua cửa nhà bạn tôi, là tôi chạy ra nhìn cho đến lúc ông ta đi khuất. Bạn tôi vẫn nói đùa rằng: "Anh hẳn có duyên vì với ông phán nghiệm".

Tôi chẳng biết sự chú ý đó có phải vì thanh khí tương hợp gì chẳng? Nhưng riêng tôi thì tôi không ghét người đàn ông kia như phần nhiều người tỉnh Thái. Họ đồng lòng cho ông ta là một hạng người keo bần, độc ác, có tiền của chôn giấu - là một con cáo già bo bo giữ lấy hang. Cái nhà lá vắng vẻ kia không ai biết trong có những cái bí mật gì, vì cả những bạn đồng sự cũ của ông ta cũng không ai ưa bước chân tới đó.

Tính tò mò của tôi mỗi lần trông thấy ông phán Sài Gòn lại bị khiêu khích. Tôi tìm hết cách làm quen với ông ta. Hai ba lần tôi vô cớ đón đường chào, nhưng ông ta chỉ gườm mắt nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi lại bước đi, không nói qua nửa tiếng. Tôi biết ông ta không phải là người dễ bắt chuyện, nhưng tôi vẫn kiên tâm chờ một dịp tốt nào đó. Dịp tốt ấy hiện đến buổi chiều cuối tháng một.

Ông ta lên phố lĩnh hưu bổng về, tay cẩn thận cầm một cái cồng thuốc phiện. Lúc sắp rẽ sang đường Vũ Tiên thì một lũ trẻ con đua nhau vừa đuổi theo ông ta vừa chế riễu. Ông ta ngoắt quay lại thì một đứa chạy không kịp cuống chân ngã xuống đường, mặt cắt không còn hột máu. Người lớn liền đỡ ra sinh sự, họ nhất định giữ ông ta lại, và bắt lấy cồng thuốc. Tôi phải chạy đến phân giải mãi họ mới chịu buông ông ta ra.

Ông phán nghiệm chỉ lắc đầu phàn nàn, rồi không cảm ơn tôi lấy một lời, ông ta chực quay gót. Nhưng tôi đã nắm được cơ hội, đi theo ông ta một quãng, nói mấy câu lễ phép vu vơ, ông phán lại nhìn tôi một cách ngờ vực như mọi khi, ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi cất tiếng nhẹ nhẹ và rè rè của một người Nam Kỳ nghiệm nặng mà bảo tôi rằng:

"Tôi là một người ở biệt tịch, một người ai cũng ganh ghét có chi thầy còn chú ý tới tôi?"

Thế rồi ông ta rảo bước tiến lên, tỏ ý không muốn tôi đáp lại.

Tuy vậy, từ hôm đó trở đi, ông ta không e sợ tiếng chào của tôi như trước và nhìn tôi bằng đôi mắt dịu dàng hơn. Tôi không bỏ một dịp nào gặp mặt mà không hỏi ông ta một vài câu. Trước ông ta còn lạng thính, sau mỉm cười, rồi sau cùng đứng lại hỏi:

- "Thầy màng diệc" ở Thái Bình?
- Thừa cụ không. Tôi đến chơi đây.
- Tới chơi mà ở lâu dữ vậy, cà?
- Vâng, vì tôi ở dưỡng bệnh nhân thể.

Một lần khác, ông hỏi tôi ở đâu và làm ăn gì. Tôi thưa:

- Thừa cụ, tôi làm nghề viết báo ở Hà Nội.

Ông ta giương đôi mắt tươi cười nhìn tôi một lúc rồi nhìn đi chỗ khác, vẻ lơ đãng như người nghĩ chuyện đầu đầu. Rồi ông chậm rãi nửa như bảo tôi, nửa như nói một mình:

- Viết báo à? Vậy thầy hẳn biết ở đời này lắm chuyện "tức cù" lắm hả?

Đối với người lạ lòng như thế, được nói mấy câu chuyện không đâu, cũng có thể gọi là quen thân rồi. Tôi xem ra ông phán Sài Gòn cũng tỏ ra ý mến tôi như một người bạn nhẽ nhận tử tế. Có khi trông thấy tôi, ông ta lại chào hỏi trước, có lần lại nhận lời vào chơi trong nhà người bạn tôi. Thực là một sự lạ cho tỉnh Thái Bình.

Nhưng về phần ông ta, thì xa với điều tôi mong, ông không hề mời tôi vào chơi nhà ông bao giờ hết. Tôi cho đó là một sự vô ý của một người nệ cổ ít thiệp đời, nên một hôm tôi lấy cớ đến thăm ông ta để xem xét những điều tôi muốn biết.

Lúc tôi gần bước chân đến cái đầm nhỏ trước cửa nhà ông phán Sài Gòn, thì thấy ông ta đương đồ bã chè ở chái hiên. Tôi bắc loa tay gọi:

- Cụ phán ơi! Tôi vào thăm cụ đây!

Ông ta ngừng đầu lên trông, nhận được tôi, không nói năng gì, tức khắc đi vào trong nhà đóng kín cửa lại. Tôi ngạc nhiên quá, rẽ qua bờ đầm đến bên cạnh cửa, gõ gọi lần nữa thì có tiếng ông phán thưa ra:

- Có chuyện chi thầy đề tới khi khác, giờ tôi không thể tiếp thầyặng.

Trong nhà tối om, qua khe cửa tôi thấy leo lét có ngọn lửa đèn.

Hơn nửa tháng sau tôi mới lại gặp ông phán nghiệm ra phở. Hôm ấy ông ta đương trả tiền cơm tháng cho người chủ hiệu cao lâu phở Đề Nhị, và hỏi giá mua mấy sọt than tầu. Thấy tôi cùng đi với một người bạn gái mới ở Hà Nội xuống chơi, ông ta không nói gì qua, cũng không đáp lại cái gật đầu của tôi, làm như người không quen biết tôi lần nào cả.

Tôi để cô bạn đi trước lại gần hỏi nhỏ ông ta:

- Lâu nay cụ mạnh giỏi chứ?

- Không mạnh giỏi lắm. Thầy ít bữa nay không ở Thái Bình sao mà tôi qua nhà hai lần không thấy?

- Thưa cụ, tôi đi chơi Ninh Bình.

- Đi với cô kia, phải không. Người chi mà lịch sự vậy?

- Một người bạn gái ở Hà Nội về chơi thăm tôi.

Ông ta yên lặng một lát rồi bảo tôi:

- Bao giờ thầy có thời giờ, vô chơi nhà tôi chút nhé! Tôi có chuyện này ngộ lắm đa!

Tất nhiên là tôi không từ chối.

Ngay chiều hôm ấy, sau khi tiễn người bạn gái sang Nam Định trở về, tôi vội vã đến nhà ông phán Sài Gòn. Trời phơn phớt mưa bụi như gội thêm cái u tối xuống cảnh ngày đông. Cái nhà lá ở bên đường Vũ Tiên càng thêm có vẻ hiu quạnh...

Tới nơi thấy cửa đóng kín. Tôi đập cửa gọi thì bên trong có tiếng giận dữ hỏi ra:

- Ai?

- Thưa cụ, tôi.

- Tôi là ai? Gọi chi mà dữ vậy?

- Kia cụ phán, tôi đây mà! Người quen cụ đây mà!

Ông ta nhận được tiếng tôi rồi mà hình như chưa khỏi càu nhàu. Tôi nghe thấy bên trong lịch kịch như dọn dẹp bàn đèn, mấy tiếng phì phò thổi mạnh, rồi một lúc, thấy một con mắt ghé sau khe cửa nhìn ra:

- Cụ đang bận, phải không? Tôi đến cản trở cụ hử?

- Không hề chi. Tôi đang dở hút.

- Nếu vậy xin đề lần khác tôi đến thăm cụ vậy?

- Không, (ông ta vừa nói vừa mở cửa) thầy cứ dô chơi.

Mắt tôi lúc ấy chưa quen tối, mà trong nhà cửa sổ vẫn kín bưng. Ánh sáng nhạt nhẽo ở bên ngoài, ánh sáng yếu đuối ở ngọn đèn dầu lạc với cái hỏa lò than ở gần, chỉ cho tôi thấy lờ mờ mấy bộ ghế ngựa thấp kê ở giữa nhà, với sau đó là một thứ tủ chè ngắn và cao, hai cửa kính lấp loáng.

Câu thứ nhất ông bảo tôi trong lúc ông đi đóng cửa vào đã khiến tôi lấy làm lạ.

- Ở nhà tôi, nhất là lúc tôi hút, thầy có thấy chi lạ cũng đừng sợ đa thầy!

Tôi ngồi ghé xuống bộ ghế ngựa, đưa mắt nhìn chung quanh nhà: một cái giường cầu, dưới chiếc màn đã lâu không giặt, kê một bên. Gian bên kia trơ trọi một cái bàn thờ, trên để đủ các thứ: chai, lọ, tượng sứ nhỏ, sách chữ nho, và nhiều thứ vật vãnh. Sau bàn, ẩn trong bóng mờ tối, phảng phất hình những châu sành nhón, những thạp và một hai cái chum con.

Ông phán ngồi xồm lên bộ ngựa, cho thêm than vào hỏa lò và đặt một siêu nước lên trên, mở chụp đèn cất bớt bắc đi, tháo tẩu ra rồi vừa nạo, vừa thông thả nói:

- Hồi sớm mai tôi gặp thầy đi với một cô nào, tôi bắt tội nghiệp giùm cho thầy quá.

- Thừa cụ sao vậy?

- Vì thầy là người tôi có bụng mến lắm. Tôi nói thiệt, người đời xấu hết, tôi thấy ít ai tử tế, ít thấy ai không có bụng ghét đồ ky, nhưng tôi thấy có thầy.

Lúc ấy tôi ngạc nhiên hơn là vui thích bởi những tiếng ngợi khen đó. Vì mến tôi, vì cho tôi tử tế mà ông ta thương hại khi trông thấy tôi đi với một người bạn rất dịu dàng, thì thực là một điều ngược đời, tôi không thể nào hiểu được. Tôi hỏi:

- Thừa cụ, cụ có quen biết người đi với tôi không?

Đây, tôi xin thuật lại đúng như lời ông ta đáp:

"Không, nhưng tôi biết người đó là đòn bà. Thế là đủ. Đòn bà không phải là người cho mình tin đâu, thầy. Họ dịu dàng, âu yếm, mơn trớn mình... Nhưng để coi: họ là con mèo giấu móng, hơn thế, họ là một giống nham hiểm mà biết suy nghĩ. Đòn bà thiệt đáng sợ lắm đó, thầy!"

Tôi nghe những lời nói thực thà một cách đột ngột ấy mà nhớ tới câu chuyện mùa xuân của một nhà danh sĩ Pháp. Trong đó kể chuyện một ông đứng tuổi khuyên can một chàng thiếu niên đừng sa ngã vào vòng ái tình. Tôi đang tìm câu trả lời thì ông phán Sài Gòn đã nói tiếp:

- Thiệt vậy, thầy nên tin ở tôi - đòn bà là giống đáng ghê sợ... Tôi sống một mình ở đây, bỏ cửa bỏ nhà, bỏ quê quán cũng vì đòn bà đó. Tôi đã khổ, đã cực nhục nhiều phen vì chúng nó. Tôi không muốn trở lại mà thấy những cảnh đã trông thấy nỗi đau khổ của tôi.

Rồi ông ta cho tôi biết rằng hồi niên thiếu, ông ta đã yêu, mà yêu một cách nồng nàn đắm đuối. Không có sự khó khăn nào, không có điều nguy hiểm nào ông ta không vượt qua để được gần gũi người yêu: mà khi đã chiếm được lòng ai rồi thì không có sự vất vả nào ông ta không chịu mang để người yêu được sung sướng, "sung sướng như bà hoàng hậu". Thế mà người ông yêu lại đi yêu người khác. Lòng người yêu đuối: ông rộng lòng tha thứ cho, nhưng người thiếu phụ ấy không hề ăn năn, tìm nhiều cách lừa dối, lường gạt ông, ông tha thứ cho bao nhiêu lần là bấy nhiêu lần ông đau khổ.

- Thế rồi tôi sinh ra căm tức, thù ghét người tôi thương: không những thế, tôi còn ghét lây, thù lây cả giống họ nữa. Tôi trông thấy người đòn bà là tôi thấy một vật độc ác giấu lưỡi gươm ở hai con mắt, giấu bẫy cạm ở trong lòng... Thầy ôi! Mà có phải là lỗi ở tôi đâu? Thiệt tôi không phải là người độc ác chớ!... Cho nên tôi thấy thầy đi với họ - thầy là một người tử tế hơn ai hết thầy, là người mà tôi coi như hình ảnh của tôi ngày trước - nên tôi buồn giùm. Thầy nghe tôi, thầy phải coi chừng, những tay ngà ngọc của họ bóp trái tim mình không biết chùn, đa! Mình có đau khổ, mình có thất tình mà chết họ cũng trời kệ.

Lúc ấy ông ta đã đánh sai xong, đang ngả mình nướng miếng thuốc mới. Tôi thấy cái phút yên lặng lúc đó khó chịu lắm, đang muốn nói một câu gì nhưng chưa tìm được, thì ông phán lại nói luôn:

- Đời tôi bây giờ không còn mong gì nữa rồi... cái sanh thú độc nhứt của tôi bây giờ chỉ có thuốc phiện, chỉ có ả phù dung, là một vị tiên ác nghiệt nhưng trung thành: mình không ruồng bỏ cô thì thôi, chớ chẳng đời nào cô ruồng bỏ mình. Câu ví của tôi nghe ngộ quá hả! Cái ái tình của tôi chỉ là hút á phiện - có vậy đó thôi. Còn đòn bà! Trời ơi! Đòn bà là một vật chi vậy?... Một bữa tối qua Nam Định, tôi trông thấy một bức tranh vẽ treo ở cửa một nhà hát bóng; tôi thấy, tôi không bao giờ quên. Tranh đó vẽ một con đòn bà lúc đêm tối ngồi để tay lên đầu một anh đòn ông... mà cái bóng đen của hai đứa chiếu lên tường lại là bóng con hổ cái diu đầu một người xuống dưới một chum trước của nó. Tôi thấy

cái ngụ ý đúng quá, cười âm lên. Từ đó tôi được một hình ảnh để ví giống đòn bà, hạp với ý tôi... rồi tôi lại kiếm được một hình ảnh hay hơn, đúng hơn ấy là giống rắn!

Điều thuốc vừa chín, làm tắt mất mấy tiếng cười gằn. Ông nâng xe phiện mời tôi:

- Thầy hút điều thuốc cho khỏe.

- Xin vô phép cụ.

Ông không nài, thót má vào kéo một hơi, rồi lừ đừ mắt mà thở.

Lúc ấy tôi như đang giao tiếp với một nhân vật kỳ quặc trong một cảnh tượng huyền ảo... Tôi nghĩ đến những lời khe khắt quá đáng của người đàn ông kia mà thấy ghê rợn cả người. Những lời nói căm hờn ấy có một mãnh lực rất quái lạ... Tôi tất nhiên không biểu đồng tình, nhưng tôi cũng không tìm được nhẽ gì để bài bác.

Ông ta tiêm luôn mấy điều nữa hút, để mặc tôi suy nghĩ vẩn vơ. Tôi lơ đãng nhìn ngọn đèn lửa nhọn đâm thẳng lên, nhìn những tiêm móc và các đồ dùng trên bàn đèn, nhìn khói trắng từ từ lan ra trong bầu không khí thơm nồng và âm áp, rồi lại nhìn bộ mặt gầy guộc xanh xám mờ màng trong làn khói bộ mặt in đầy những vẻ chua chát mỉa mai...

Bỗng nhiên tôi tái người đi, hai hàm răng cắn chặt lấy nhau để giữ một tiếng kêu, vì tôi vừa thấy một vật ghê gớm: một con rắn cạp nong lớn, mình lấp lánh như chiếc khăn quàng bằng lụa bóng, đang yên lặng nằm vắt qua cổ ông. Con rắn hình như không để ý gì đến tôi... chỉ ngóc đầu lên gần mặt ông ta mà chờn vờn những làn khói thuốc phiện chưa tan hết. Ông phán nghiệm thì lim dim mắt nằm đó, nét mặt thản nhiên lạ thường. Tôi bám lấy mép ghế ngựa cho khỏi run, muốn chạy nhưng chân ríu lại... Quay ra cửa thì cửa đóng kín. Tôi hết sức tỉnh trí se sẽ gọi:

- Cụ phán!

Ngoảnh lại, con rắn không còn đó nữa, biến đi như hình ảnh một giấc mơ.

Trông ngực tôi đập thình thịch, tôi lẩm bẩm một câu hỏi mà không biết ông phán có nghe thấy không, chỉ thấy ông ta mở mắt ngồi thẳng dậy cười mấy tiếng nghe rợn tóc gáy, rồi bảo tôi:

- Tôi đã biểu thầy đừng sợ từ lúc mới bước vô đây kia mà...

- Nhưng vừa rồi tôi trông thấy một con rắn nó quăn cổ cụ!

- Phải, con rắn của tôi đó... Con rắn của tôi nuôi.

- Nó đâu rồi?

- Đây nè! (ông ta vừa nói vừa trở cho tôi thấy một cuộn tròn ngũ sắc ở trong bóng cái gối xếp) Vừa rồi nghe thầy gọi, nói chui nằm xuống đó... Thầy trông ngộ lắm phải không?

- Nhưng, trời ơi! Sao cụ lại nuôi cái quái vật ấy thế?

- Nó là rắn chứ không phải là quái vật. Vì thầy coi: nó có nở hại tôi bao giờ đâu? Nó quăn quýt bên mình tôi đã có trên ba, bốn năm nay rồi... Cái quái vật mà người ta không ngờ, mà người ta tin yêu, ấy là đòn bà, ấy là giống tôi ghét và tôi sợ nhứt đó.

Tôi không thấy lời nào độc địa hơn thế nữa, nên vẫn không biết trả lời ra sao. Ông phán hình như không thèm để ý đến tôi, chỉ vừa cười nói tiếp:

- Phải. Tôi ghét tụi đòn bà lắm, nên mới nảy ra cái ý kiến nuôi rắn làm bầu bạn, trong lúc sống một mình này. Tôi làm thế đáng an ủi lòng tôi, đáng ngạo đời chơi, đáng cho chúng biết rằng tôi ở với rắn còn sung sướng hơn ở với chúng.

Tôi mua được con rắn từ bốn năm về trước trong hồi tôi qua Nam Định có việc - mà chính là hồi tôi nảy ra ý kiến so sánh rắn độc với đòn bà... Tôi đem nó về rồi ngày ngày đặt cái lồng đựng nó ở bên bàn hút, nói chuyện với nó, than thở với nó, như tình tự với người thương. Tôi hút điều nào lại hà khói vào lồng để cho nó nuốt đi. Cứ vậy trong hơn một tháng trời, lần lần con rắn thành quen khói thuốc, thành "nghiên". Tôi mới thả ra cho nó đi, nhưng chỉ ít lâu nó lại trở lại quanh quẩn bên bàn hút. Rồi cứ vậy cho tới giờ, con rắn không bao giờ muốn rời bỏ tôi ra. Tới bữa hút là nó lại bò gần tôi... Mỗi ngày tôi một cung nó hơn lên và để cho được tự do "mơ trốn" tôi như thầy vừa thấy đó.

- Bữa trước thầy tới chơi thì tôi vừa mới bắt đầu nằm hút. Mà lúc con rắn của tôi chưa đủ nghiền thì

không được hiền lành với người ngoài... Tôi sợ thầy đột nhiên trông thấy nó, lỡ có vô ý động tới nó chẳng, nên mới không tiếp thầyặng. Bây giờ thì tôi bắt sao, nó phải theo vậy: nó lành hơn con chiên. Vừa nói, ông ta vừa vuốt lên những khúc cuộn tròn của con rắn một cách nhẹ nhàng, yêu dấu như người vuốt ve một con mèo, miệng sẽ huýt mấy tiếng còi. Con rắn liền ngóc đầu lên, vươn mình bò quần lấy cánh tay ông ta. Ông ta rử một cái, nó lại nằm cuộn tròn dưới chiếu.

Ông phán quay lại bảo tôi:

- Đã trên ba, bốn năm trời rồi, tôi vẫn sống với nó như sống với một "ngươi bầu bạn" trung thành, nên đời tôi cũng không quạnh hiu lắm. Mà mỗi khi tủi phận hay căm tức vì nghĩ tới chuyện xưa, tôi lại gọi nó ra bên bàn đèn mà than thở với nó... Những lúc đó tôi thấy sung sướng trong tâm lắm, vì nghĩ rằng con rắn của tôi còn tử tế hơn đòn bà lặn.

Lúc tôi cáo từ ông phán nghiệm đi ra, thì bên ngoài trời sấm tối, mưa lâm tẩm gọi một cách dịu dàng vào đôi má nóng bừng của tôi... Tôi thấy lòng nhẹ nhàng, trí vẫn tỉnh táo suy nghĩ được như thường - vì tôi thú thực, câu chuyện của ông phán kỳ quái vừa rồi làm cho tôi tưởng đến loạn óc mất. Tôi tìm cách hiểu lấy đôi chút tâm trạng của người đàn ông ấy, nhưng cũng không thể nào hiểu được: phải là người khổ lắm - khổ quá - phải trải qua nhiều điều đắng cay chua xót vì đàn bà lắm mới có những tư tưởng "quá khích" như thế được.

Bốn năm hôm sau, tôi lại vào chơi nhà ông phán Sài Gòn. Ông ta hỏi tôi:

- Bộ thầy cho tôi là ngươi kỳ cục lắm hả? Mà kỳ cục thiệt, chớ chi? Nhưng có điều tôi không hại tới ai. Ngươi ta ghét tôi, tôi ghét lại. Thế là công bình. Miễn không ai quấy rầy tôi là tốt.

Tôi trông thấy con rắn vắt qua cổ ông ta cũng đã quen mắt và mấy lần sau tôi đến đã dám theo lời ông ta vuốt lên mình nó mà không việc gì. Ông phán cười không thật và khàn khàn bảo tôi:

- Thầy viết báo đã thấy có người ở với rắn bao giờ chưa?..... Cuối năm ấy, tôi từ giã Thái Bình, có đến chào ông phán Sài Gòn thì thấy ông ta vừa vuốt ve con rắn cạp nong vừa phàn nàn rằng ít bữa nay ông hút thuốc là hút cho con rắn chứ không thấy thú nữa. Hồi đó, ông ta bắt đầu bị yếu. Tôi nghĩ bụng: người nghiệm chê thuốc hủn không phải là một triệu chứng hay.

Đầu tháng giêng năm sau, giữa hôm tôi lại đến Thái Bình chơi thì được tin ông phán Sài Gòn vừa mới chết lúc sáng.

Người bạn của tôi bảo tôi:

- Ông phán nghiệm vẫn ốm từ hồi trong năm. Bệnh xem chừng càng ngày càng nặng thêm, trước còn ăn uống qua loa, nhưng sau bỏ cơm hủn. Mấy hôm nay, bữa nào thằng bé hiệu cao lâu đem cơm nước đến cho ông ta, cũng thấy đóng cửa kín; ông phán nằm dí trong nhà, ngừng tiếng rên để gắt đuôi nó xách cơm về. Nhưng từ hôm qua thì cố nghe ngóng cũng không thấy gì nữa. Sáng hôm nay người ta tới đập cửa thành thành cũng không thấy động dậy.

Tôi bỗng có một thứ cảm giác kỳ dị: tôi nghĩ ngay đến con rắn cạp nong.

Tức khắc tôi cùng người bạn đi trình cảnh sát rồi phá cửa vào xem, thì quả nhiên ông phán nằm chết cồng bên cái bàn đèn tắt, mà con rắn thì quần chặt lấy cổ ông, đầu nó đang cố rúc vào mũi ông ta, như muốn tìm cái hơi thuốc phiện trong ấy.

Chúng tôi hết sức cẩn thận tìm cách bắt nó, nhưng cẩn thận vô ích, vì con rắn đói thuốc, không nhanh nhẹn được nữa. Nên chúng tôi bắt được nó rất dễ dàng.

CÁI ĐÀU LÂU

Chiều hôm đó, tôi ngồi chơi với Ngô Đàm trong phòng sách của anh ta. Sau một hồi chuyện phiếm, bạn tôi lấy ra một cái hộp gỗ trắng đem khoe tôi:

- Tôi mới mua được cái này hay lắm.

- Cái gì?

- Rồi anh sẽ biết.

Nấp hộp mở, anh lấy ra một cái đầu lâu lớn, nướng nhẹ đặt lên bàn, rồi nhìn tôi mỉm cười. Tôi hỏi:

- Anh mua vật này làm gì?

Đàm không trả lời ngay, lim dim mắt, gạt tàn thuốc lá và thông thả nói:

- Cái đầu lâu là biểu hiện sự chết, là một vật mà các nhà hiền triết hoặc tu hành bên Âu châu thường bày trước mặt, bên những chồng sách đầy bụi bám để suy nghiệm về những lẽ huyền bí của "đời sau". Đòi với một nhà thông thái thì đó là một vật khảo cứu cũng như viên đá lạ, một chất hóa học hay một ống cây vi trùng. Tôi không phải là nhà hiền triết, không phải là nhà tu hành hay nhà thông thái, nên cái đầu lâu đối với tôi là một thứ bài trí ghê gớm, một thứ đồ... "mỹ thuật" của người hiếu kỳ như tôi. Nhưng có lẽ trong những lúc đọc sách ở nơi tĩnh mịch này, trong những khi suy xét về những điều bí hiểm của sự chết, của đời người, thứ đồ "bài trí" kia sẽ là một vật kích thích cho trí tưởng tượng của tôi... Biết đâu bạn anh sẽ chẳng là một nhà tư tưởng trầm mặc như nhà hiền triết, nhà tu hành?

Câu nói văn hoa, nửa nghiêm trang, nửa đùa cợt của Đàm khiến tôi hơi ngạc nhiên, nhìn bạn.

Bỗng cửa phòng bật mở, một người thiếu niên mặc Âu phục bước vào, chưa kịp nói gì đã trông thấy cái đầu lâu, rồi đứng đực ra đó. Đàm hỏi:

- Kìa, anh Chung, sao hôm nay trông kỳ khôi thế?

Lúc ấy, Chung mới ngoảnh lại sẽ gạt đầu chào tôi, rồi lại trân trân nhìn cái đầu lâu trên bàn, mãi mới nói:

- Ô anh Đàm! Anh cũng có cái này ư?

- "Cũng có?" Thế ra tôi không thể có một cái đầu lâu được sao?

- Ô, thế anh không thấy gì lạ chứ? Anh không thấy gì ư?

Chung ngồi xuống, đưa tay vuốt tóc, mặt hầy còn vẻ lo lắng, nhìn hết tôi đến Đàm rồi đến cái đầu lâu. Anh nói:

- Sao lại có sự ngẫu nhiên lạ thường đến thế? Tôi đến đây cũng định thuật cho anh nghe về cái đầu lâu ở nhà tôi... thì lại gặp ngay chính vật này... Chính cái đầu lâu này. Tôi đã tưởng nó đang ở nhà tôi biến lại đây, nên tôi mới sững sốt đến thế. Để tôi kể đầu đuôi câu chuyện các anh nghe.

Chung lấy chén nước uống cạn một hơi, lóng cọng châm điếu thuốc lá rồi nói tiếp:

- "Trước kia tôi vẫn ở trên Hàng Bông như anh đã biết. Nhưng cách đây nửa tháng, anh Lịch là người học trường Mỹ thuật mới ra năm nay, tìm được một cái nhà ngói ở ngoại ô để làm phòng vẽ. Nhà ấy một tầng chia làm hai căn rộng. Lịch ở một căn còn một căn gọi anh Thao học năm thứ hai trường thuốc với tôi đến ở cho vui và chịu đỡ Lịch ít tiền thuê nhà.

Chỗ này ở xa thành phố, chung quanh toàn bãi cỏ, một mặt ngoảnh ra phía đường cái. Ở chỗ yên tĩnh như thế để học hành, lại rẻ tiền nhà, mà có hai người bạn cùng nhà nhận tử tế cả thì còn gì dễ chịu hơn. Tôi không bao giờ phàn nàn nếu trưa hôm kia anh Thao không có cái ý kiến kỳ quặc đem về nhà một cái đầu lâu.

Đầu lâu thì tôi không lạ gì. Hồi còn học trường Bưởi, tôi đã được trông thấy nhiều lần ở phòng thí nghiệm. Nhưng cái mà anh Thao lấy ở nhà thương về lại là của một tên tù mới chết, trông còn mới, trắng hơn cái này nhiều, mà xương chưa được khô lắm. Thao xem ra quý hóa cái vật quái gở ấy lắm. Tôi thì không. Tôi thoát trông thấy nó bỗng ghê rợn cả người... Có lẽ vì tôi thoáng nghĩ đến cảnh hiu quạnh chung quanh nhà của chúng tôi, hay có lẽ tôi vừa mới đọc xong những truyện linh hồn hiển hiện

anh cho mượn ngày trước... Cái đầu lâu đặt trên bàn học anh Thao kê gần cửa sổ lúc nào cũng như chăm chú nhìn tôi bằng hai con mắt đen và rỗng, mà hai hàm răng thì nhe ra một cách chế giễu độc địa. Tôi có cái cảm giác khó chịu hình như "nó" biết cả những điều tôi nghĩ thầm. Tôi sinh ác cảm với "nó" và chắc hẳn "nó" cũng không ưa gì tôi. Cái vật trơ trơ kia không ngờ lại làm tôi băn khoăn đến thế. Tôi lấy đủ các nhẽ để tự nhủ mình cũng không xong, mà nỗi lo ngại của tôi mỗi lúc một thêm nặng nề như đè nén mãi lòng mình.

Tối hôm ấy, thấy bút rút trong người, để Thao ngồi học một mình, tôi đi nằm trước. Anh Lịch ở phòng bên cạnh vào nói mấy câu chuyện rồi lại ra ngay. Tôi nằm đó chừng đến hơn một giờ đồng hồ mới ngủ đi được. Nhưng cả trong giấc ngủ, tôi vẫn bị cái đầu lâu kia ám ảnh hoài. Tôi nằm mơ toàn thấy những đầu lâu với xương người, hay những cái ghê sợ hơn thế. Một lần tôi hốt hoảng thức dậy thì ngọn đèn cây trên bàn học anh Thao đã tắt, trong nhà tối đen như bưng lấy mắt, bên ngoài cũng vậy, vì tôi cố tìm cái cửa sổ chấn song sắt cũng không trông thấy đâu. Bên cạnh tôi anh Thao chừng đã ngủ say, tiếng thở đều và thông thả. Thỉnh thoảng một tiếng ngáy ở buồng anh Lịch lại đưa sang. Mọi vật quanh nhà đều im lìm. Không một tiếng lá bay, không một hơi gió thoảng. Tôi muốn quên mà không thể quên cái đầu lâu kia được. Tôi thấy hình như nó có tri giác, nó "vẫn còn thức" và trong bóng tối, đang nhả răng tráo mắt nhìn sự kinh khiếp của tôi.

Bỗng nhiên tôi thấy lạnh tái người đi. Từ phía bàn giấy anh Thao, tôi chợt nghe thấy những tiếng ken két như hai hàm răng nghiền vào nhau. Tiếng ấy nghe mỗi lúc một rõ dần, mà lâu đến gần một phút. Trước tôi còn muốn tin là tiếng anh Thao nghiền răng trong mơ. Nhưng Thao nằm bên cạnh tôi, mà tiếng kia thì rõ ràng ở bàn giấy đưa lại. Tiếng nghiền răng vẫn không dứt, nghe ra giận dữ và ghê gớm hơn lên... Tôi vội nắm lấy cánh tay anh Thao, hết sức lay. Thao thức dậy hỏi thì tiếng nghiền răng lại ngừng bật. Tôi ghé tai Thao nói rất nhỏ:

- Này Thao ạ, tôi vừa thấy một việc lạ quá!

- Ở đâu?

- Ở cái đầu lâu.

- Có lẽ nào?

- Cứ để yên mà nghe.

Rồi chúng tôi không nói gì thêm, lắng tai nghe ngóng một lúc thì lại thấy như trước, tiếng nghiền răng cứ trước nhỏ, sau to dần. Thao liền đứng phắt lên, chạy lại bàn đánh diêm thắp đèn: cái đầu lâu vẫn nguyên chỗ cũ, nhưng lúc ấy ngoảnh mặt nhìn về phía giường tôi nằm.

Chúng tôi nhìn khắp nhà một lượt. Không có gì lạ. Cửa sang phòng anh Lịch vẫn đóng kín. Cửa sổ tuy không có cánh, nhưng có chấn song sắt, mà cái bàn giấy của Thao kê xa đó những năm sáu bước, áp vào bức tường đối diện với giường của chúng tôi.

Thao bảo tôi rằng những tiếng vừa rồi là tiếng chuột gặm, nhưng chính anh cũng biết nhà chúng tôi không có qua một con chuột nào. Và cái tiếng lúc nãy nghe to, nghe rõ một cách khác thường lắm.

Thao thấy tôi lo ngại cũng không bình tĩnh được, nhưng anh cố tìm lời an ủi tôi.

Chúng tôi để đèn rất lâu chờ xem, song không thấy gì. Nhưng khi tắt đèn lên giường nằm chưa đầy nửa giờ, thì cái tiếng nghiền răng lúc nãy lại bắt đầu, mà lần này thêm dữ dội.

Lúc ấy, cây đèn để ngay cạnh giường ngủ. Tôi chấp ba que diêm làm một bật lên thắp. Trông sang bàn giấy thì cái đầu lâu đang lắc lư như thằng phỗng nhựa của trẻ con chơi!

Ngô Đàm bỗng phì cười lên thì Chung có ý không bằng lòng.

Quả thế, cái đầu lâu cứ nhả nhổ, lắc lư đến nửa phút. Mà chả có gì đáng cười hết. Chính anh Thao là người không sợ gì cả, lúc ấy cũng phải kinh ngạc mà nhìn tôi.

Suốt đêm ấy, chúng tôi không ngủ, cứ để đèn ngồi rình thì lại không thấy xảy ra việc gì nữa.

Sáng hôm sau (tức là hôm qua) chúng tôi nói chuyện ấy cho anh Lịch nghe thì anh cũng không tin. Sau thấy tôi nhất định nài anh Thao đem cái đầu lâu vứt đi, Lịch mới cho là chuyện có thực. Nhưng anh nói:

- Đã thế thì để đêm nay tôi cũng rình xem, rồi có thể nào vút đi cũng không muộn.

Thì đêm qua cũng lại giống đêm trước. Cứ tắt đèn được một lúc lại thấy cái đầu lâu nghiêng răng ken két mà thấp đèn lên lại thôi.

Tôi nhân đọc các sách anh cho mượn và gần đây lại được đọc một đoạn dật sử về hồi đại cách mệnh Pháp, thấy kể chuyện những thủ cấp sau ba, bốn giờ vẫn còn sống được, nên tôi càng cho việc cái đầu lâu kia nghiêng răng là một việc phi thường. Bây giờ thì tôi tò mò hơn là khiếp sợ. Tôi bảo Thao cứ để yên cái đầu đấy và đến rủ anh ngủ ở nhà chúng tôi một tối xem. Tôi vẫn biết anh hay để ý đến những thứ chuyện kỳ dị này lắm".

Ngô Đàm vui lòng nhận lời. Tôi cũng ngờ ý muốn đi với anh ta một thể và cùng hẹn đến tối sẽ có mặt ở nhà anh Chung.

Lúc Chung ra khỏi, Đàm xoa tay mỉm cười một mình. Tôi hỏi ý anh về chuyện vừa rồi ra sao, thì Đàm chỉ nhún vai, nói:

- Tôi sợ không gặp được cái ly kỳ như anh Chung nói, không khéo lại chỉ là một câu chuyện buồn cười thôi. Nhưng dầu sao, ta cứ đi xem, không biết đâu mà nói trước được.

Bảy giờ rưỡi hôm ấy chúng tôi đến nhà thì các anh Thao, Chung và Lịch đang ăn cơm ở phòng vẽ của Lịch. Đàm đứng xem mấy bức vẽ than của Lịch được chừng năm phút thì các anh ăn xong. Chúng tôi sang cả phòng bên kia nói chuyện.

Trước hết, Đàm đi lại bên bàn cầm cái đầu lâu ngắm nghía mãi. Mặt anh có vẻ nghiêm trang như nhà thông thái đang khảo cứu, nhưng đôi mắt tươi cười một cách hóm hỉnh. Bỗng anh quay lại hỏi Lịch:

- Anh có thấy gì lạ ở cái đầu lâu này không?

- Không.

- Giá lúc anh cầm nó lên xem, anh chú ý chút nữa, thì thấy bốn chiếc răng trong cùng hà gần một nửa.

Lịch ngạc nhiên hỏi:

- Nhưng sao anh lại biết tôi đã cầm lên xem?

- Có gì là lạ. Anh cầm lên xem cẩn thận lắm, nhưng lúc chực bỏ cái quai hàm dưới ra để xem bộ răng thì trượt tay suýt đánh rơi xuống bàn. Có phải không?

- Phải. Nhưng sao anh biết?

- Tôi thường đọc sách của Conan Doyle, nên cũng tập được một đôi chút tỉ mỉ. Những vết đen này là bởi than vẽ ở ngón tay anh ra... Chỉ cần để ý một chút cũng thấy được. Anh đang vẽ ở phòng ngoài chắc chợt nghĩ đến cái đầu lâu, nên vào xem thử chứ gì?

Rồi Đàm đi khắp gian nhà, cúi nhìn các chân tường một cách cẩn thận như người đi tìm một vật quý đánh rơi. Anh lại nhờ Lịch cầm đèn ở phòng bên sang, còn tự anh cũng cầm cây đèn bên cạnh cái đầu lâu, và bảo dẫn đi xem chung quanh nhà.

Bên ngoài tối như mực. Trên trời mây ám không có một ánh sao nào. Ngoài một hàng dóc rào mau, xa xa thấy một đám sáng chiếu lên: đó là thành phố Hà Nội. Sau một cuộc tìm xét rất kỹ càng, nhưng rất vô ích, Đàm đạo mạo như một nhà trinh thám, bước vào trong nhà rồi xoa hai tay vào với nhau. Thốt nhiên, như sức nghĩ ra điều gì, anh nói:

- Tôi khờ quá, không đem cái đèn bấm ở nhà tôi lại.

Thao nói:

- Hay để tôi lên phố mượn?

- Anh chắc có mượn được không. Thôi để tôi về nhà lấy vậy. Phiền thực, nhưng thế chắc chắn hơn.

Lúc Đàm trở lại thì đã gần mười một giờ: anh đi nửa đường thì xe đạp nổ bánh.

Chúng tôi để sẵn diêm với đèn gần tầm tay. Cái đèn bấm Đàm trao cho Chung, còn anh ta thì ngồi ở một cái ghế thấp bên cạnh cửa sang phòng anh Lịch. Trước khi tắt đèn, Đàm dặn chúng tôi không ai được làm gì, nếu không có lời anh ấy bảo.

Đèn tắt. Bóng tối dày đặc trong nhà. Tôi đưa tay lên tận mắt cũng không trông thấy. Thao với Lịch nằm sát vách, còn Chung và tôi thì ngồi ở mép giường. Không ai nói qua một lời. Tôi nghe hơi thở của

Chung thì biết anh ta hồi hộp lắm.

Cái lo ngại dần dần ám đến. Mà sự yên lặng ở gian phòng có nhiều người này lại càng có vẻ khác thường. Chúng tôi cùng hết sức lắng tai, tiếng đồng hồ đeo ở tay anh Lịch nghe rõ mồn một. Tôi đếm tiếng tích tắc để biết thời giờ, nhưng mãi cũng sinh chán, và trong lòng lúc ấy thấy nôn nao một cách lạ. Tâm linh hình như bị kích thích và hình như báo cho tôi biết trước có một điều ghê gớm sắp xảy ra...

Có lẽ chúng tôi ngồi đó đã ngót một giờ, có lẽ lâu hơn nữa; mà tịnh không thấy một tiếng động nào hết. Hai anh Thao và Lịch chùng như đã ngủ, tôi đưa tay định xem họ còn thức không thì bỗng Chung nắm chặt lấy cánh tay tôi, nói khẽ quá đến nỗi tôi phải đoán ra chứ không nghe rõ:

- Im! Nghe!

Tôi chú ý nghe thì quả nhiên thấy có tiếng ken két nghiêng răng thực. Lúc ấy tôi mới hiểu cái khiếp sợ của Chung. Lúc ấy tôi mới thấy rõ ràng cái ghê rợn của người gặp ma quái. Tay Chung vẫn nắm chặt lấy cánh tay tôi, nhưng hơi run run. Còn tôi thì cứ muốn quát to lên, quát rất lớn để phá tan cái yên lặng ghê gớm lúc đó.

Thấy hơi nóng ở sau gáy, tôi biết hai anh Thao và Lịch đã ngồi dậy. Tôi tráo mắt nhìn bóng tối đen đặc và mỗi lúc tưởng thấy hình thù dị thường hiện lên.

Tiếng nghiêng răng càng lâu càng rõ thêm. Thỉnh thoảng ngừng lại một giây rồi lại nghiêng nữa. Đàm ngồi trên chiếc ghế gần đó có lẽ cũng sinh nát đảm: chúng tôi không trông thấy anh, mà đợi mãi cũng không thấy anh bảo sao.

Hốt nhiên, từ phía đầu lâu, một tiếng quái gở gào lên trong những tiếng cười nghe sồn tóc gáy. Mọi người đều vùng dậy, tôi không đợi anh Đàm nữa, vớ lấy diêm đánh, mà Chung cũng bật đèn bâm lên.

Cái đầu lâu lắc lư như điên cuồng, và ngay cạnh đấy, một vật đen ngòm đang giẫy giụa. Mắt chúng tôi khi đã đỡ chói thì nhận ra đó là một con mèo đen bị giữ trong tay Đàm.

Đàm lúc ấy, tay thì giữ mèo trên bàn, nhưng người thì ở dưới gầm bàn. Anh cả cười lách chui ra, vừa gặp lúc chúng tôi ồ cả lại. Con mèo giương mắt kính hãi nhìn chúng tôi. Một con mèo to, đen, mà gầy, lông mọc xờ xạc không đều và không mượt.

- Đây (lời Đàm nói) cái quái dị mấy hôm chỉ là ở con vật đói khổ nạn này mà ra cả. Các anh nên nhớ rằng cái đầu lâu vô tri giác kia còn mới, mới luộc xong, vẫn còn hơi thịt... Từ lúc anh Chung mới kể chuyện, tôi đã ngờ thế... Đến lúc xem lại cái đầu lâu với cái cửa sổ không có cánh này, thì tôi đã hơi chắc. Mà bây giờ thì đã nắm được, hi! Đã nắm được "điều huyền bí" ở trong tay.

Sự lo sợ của chúng tôi bấy giờ lại đổi ra sự kinh ngạc. Vì có ngờ đâu câu chuyện kỳ quái ấy chỉ gây nên bởi một con mèo.

Khi Đàm với tôi ra về, bạn tôi cười bảo tôi:

- Tôi đã sợ ngay từ lúc còn ở nhà kia, sợ rằng chỉ gặp chuyện buồn cười thôi, chứ cái "phi thường" là một sự hiếm có lắm. Giá hôm nay đi với anh Nhị Linh thì câu chuyện này sẽ là câu chuyện khôi hài, mà tên chuyện sẽ là "chuyện con mèo". Nhưng lại đi với anh... chắc anh lại xoay nó ra thành chuyện ghê sợ".

CÂU CHUYỆN TRÊN TÀU THỦY

Nhân nói đến những sự nhùng nhể trên tàu thủy, người đàn ông trạc năm mươi tuổi, mặc áo bông đoạn, đeo kính trắng gọng vàng, trông ra vẻ một ông ký về hưu, nằm hút thuốc phiện trong phòng hạng ba của chiếc tàu chạy Hòn Gai, có kể cho tôi câu chuyện như sau.

Tôi biết một người kẻ cắp rất giỏi, tên là hai Nhiêu, người Ninh Bình. Bác ta rất thông minh, thiệp nhả, lại "quân tử" nữa. Quân tử trong phường kẻ cắp - cố nhiên. Không bao giờ bác thềm lấy của người nghèo. Ăn cắp đối với bác không phải là một nghề kiếm cơm, đó chỉ là một cách giải trí của tay chơi, hay có thể nói là một... "nghệ thuật". Bởi thế việc lấy cắp càng khó, càng nguy hiểm, hai Nhiêu càng thích. Bác ta khi đã "nhằm" món nào, tất món ấy phải lắm tiền, mà đã cố ý lấy tất không bao giờ hụt.

Từ lúc mới quen nhau do một sự ngẫu nhiên - quen nhau kẻ đã có trên mười năm nay - hai Nhiêu không giấu tôi cái chí hướng thích ăn cắp ấy. Năm đối diện bên bàn đèn, bác ta thường đem những "công cuộc hành động" của mình thuật lại với tôi. Nhiều chuyện ly kỳ và lý thú lắm, kể không xiết được. Nhưng tôi chỉ chú ý đến chuyện này, vì nó khác thường hơn; hai Nhiêu thường nhắc lại luôn và gọi đó là một cái khờ đáng tức cười, một sự "thất bại" của mình lần thứ nhất.

Hồi ấy hai Nhiêu đang trổ tài nghệ trong mấy sòng bạc ở Hải Phòng. Bác ta thí nghiệm ngón khôn khéo trên túi ai là cái túi ấy sẽ phải rỗng. Nhưng bác lại có tính máu mê, được đồng nào của con bạc thì lại nướng cho nhà cái hết. Đang lúc lập một mưu "chưa xuất bản" để ăn to, bỗng có tin nhà ra báo cho biết rằng vợ hai Nhiêu ốm nặng.

Là ăn cắp, nhưng cũng là chồng tốt, hai Nhiêu phải đến vay tạm tôi dăm đồng để về thuốc thang cho vợ. Rồi ngay chiều hôm đó đi tàu thủy xuôi Nam. Xuống đến tàu, công việc thứ nhất của bác là đi xem xét mọi nơi: bác ta mong gặp được cái may có thể giúp mình được ít tiền nữa. Nhưng hành khách tuy đông mà không người nào có "máu mặt". Phần nhiều là người buôn bán nhỏ, túi tiền không xứng đáng với tài hoa của bác; hay những người phu mỏ ốm dờ trở về. Hai Nhiêu thấy họ lại cẩn thận đề phòng giữ gìn các gói hành lý hoặc đồ đạc và thấy một vài tên ăn cắp quèn lảng vảng trong đám ấy thì bĩu môi ra dáng khinh bỉ. Bác thông thả đến ghé ngồi trên mép chiếu ở gần buồng máy, uể oải mơn cái điều cây rít một hơi, rồi ngả lưng dựa vào cái cột sắt ngủ gà ngủ gật cho đến khi trong tàu lên đèn.

Bỗng những tiếng ồn ào gần đó nổi lên. Anh chàng mở độc một mắt ra coi rồi lại nhắm lại. Nhưng tiếng ồn ào lại thành tiếng quát mắng lẫn tiếng van lơn. Bác khó chịu, phải mở cả hai mắt ra thì thấy người mại bán đang xía xói một người nhà quê thiếu tiền tàu và nhất định đuổi người ta xuống. Hai Nhiêu bực mình quá, đứng lên can thiệp, thì người nhà quê kia lay lay lay để, vừa nhăn vừa kêu:

- Bẩm ông, con về Nam nhưng thiếu mất một hào. Con nói với chú ấy cho chịu đến khi lên bến, con vay con trả, mà chú ấy không nghe.

Tên Khách thì cứ luôn mồm:

- Cái lầy ti tàu, không có tên thì ti làm gì? Không! Cái lầy phải xuống tây, không có lôi thôi.

Người nhà quê lại hết lời nói khéo mà tên Khách vẫn nhất mực không nghe, sau hai Nhiêu phải gắt:

- Thì người ta đến bến là có tiền, việc gì mà phải làm dữ thế. Hay là giữ lấy hành lý của người ta để người ta chuộc sau không được ư?

Tên Khách lườm:

- Cái nị không có piết! Hằng lý ló có cái lầy thì lấy làm gì!

Người nhà quê chỉ có một cái lồng gà rỗng, với trong đó một gói mo chùng đựng cơm nắm, và hai cái nôi đất mới, miệng bung bằng giấy nhật trình.

Hai Nhiêu đã hối hận vì trót dây vào việc này, lại cứ bị người nhà quê bấu lấy kêu nài mãi.

- Ông làm ơn nói với chú ấy hộ. Con thế nào cũng vay trả chú ấy, chứ bắt con xuống bến này bây giờ, thì khổ cho con quá. Con lạy ông.

Còn người Khách thì cứ:

- Lạy ông! Lạy ông! Cái lầy cổ tên ti tàu thì ti tàu mà không cổ thì từng ti... lạy ông cái gì cơ ló!

Rồi hăm hờ toan túm lấy ngực người đàn ông kia lôi đi.

Sự bất bình liền sôi trong máu hai Nhiêu. Bác ta chợt thấy mình là người anh hùng kẻ cả, liền gạt anh Khách ra, rút một tờ giấy bạc quăng vào mặt nó, hách dịch nói:

- Bán một cái vé về Nam Định, giữ lấy một hào của người này nữa, rồi trả lại tiền.

Tên Khách đưa vé xong vừa lăm bắm quay đi thì hai Nhiêu giữ vai kéo hất lại:

- Từ nay phải nhã nhặn với khách đi tàu chút nữa, nghe không?

Nói đoạn, bác ta về chỗ cũ ngồi, làm bộ không thèm để ý đến những câu trầm trồ khen ngợi của mọi người gần đó.

Người nhà quê thì cảm ơn đi, cảm ơn lại, đưa cái điều cày mời Nhiêu hút và xin miếng trầu của một bà ngồi bên cạnh mời Nhiêu ăn. Lại đem nông nổi làm ăn vất vả kể với Nhiêu để che sự hổ thẹn thiếu tiền tàu lúc nãy. Lúc hai Nhiêu thoát được những lời tử tế thái quá ấy thì người nhà quê lại đem cái lồng gà đến bên như ý gửi mình coi hộ, rồi đi ra đăng lái tàu.

Hai Nhiêu ngồi bật cười một mình, không ngờ đâu người mà ai cũng chê cũng ghét, nay lại là người được người ta yêu trọng đến thế. Bác ta lăm bắm nói:

"Giả thử ngài có của nhét chặt túi chứ không có mấy cái nôi đất kia, thì có lẽ ngài phải chửi đến mấy đời ông tổ nhà tôi chứ chẳng không".

Rồi nhớ đến những ngón khôn khéo, gian xảo của bác ta từ trước đến nay, bác ta thấy việc vừa rồi làm cho trái tim kẻ cắp của bác hơi cảm động. Không phải là vì bác đã làm được một điều thiện - thiện với chẳng thiện thì Nhiêu có cần gì? - nhưng vì thấy cái cảm giác đầu tiên được những người hiền lành kia tin bác một cách chân thực. Hai Nhiêu nghĩ bụng:

"Hoài của! Giá bọn này nhiều tiền thì chỉ đưa tay một cái cũng lấy được như bốn, không phải lừa lọc, rình mò".

Đợi mãi người nhà quê không trở lại, hai Nhiêu ngoảnh nhìn bốn phía thì thấy người ấy nằm ngay cạnh đó, đã ngủ một giấc bình yên! Bác ta bĩu môi bật ra một tiếng cười khề rồi cũng dẹp chỗ ngủ nốt.

Sáng hôm sau thức dậy, hai Nhiêu đã quên việc tối hôm qua. Tàu tới Nam Định, bác ta vừa bước lên bến, thì người nhà quê tay xách cái lồng gà rỗng, đã đứng chờ đó và mời bác lên xơi với hân một chén nước cảm ơn.

- Đến đây thì chúng tôi đã có nhiều người quen, chúng tôi sẽ trả lại số tiền ông cho giật hôm qua với lại xin ông để chúng tôi đền đáp lại ông một chút.

Hai Nhiêu nóng về Ninh Bình ngay nhưng từ chối thế nào người nhà quê cũng không nghe:

- Chả mấy khi gặp người tử tế như ông, nếu ông không cho tôi được trả ơn, thì tôi ân hận mãi... Nào, mời ông, xin ông đừng từ chối, phụ lòng tôi.

Thấy vẻ chân thực của người nhà quê và biết không khi nào họ để cho mình đi ngay, hai Nhiêu phải ưng theo vậy.

Người nhà quê mừng rỡ:

- Thế thì quý hóa quá! Chúng tôi chẳng dám phiền giữ ông lâu...

- Nào có gì mà bác phải bày vẽ ra...

- Không, nếu không có ông thì hôm qua chúng tôi bị rày rà lắm.

Câu lễ phép đi, câu lễ phép hơn đáp lại; cứ thế đến chừng năm phút, khi hai người bước tới hàng cơm gần đó thì câu chuyện kết luận bằng một câu không lễ phép mấy, nhưng nghe cũng vui tai:

- Bà hàng đâu, bà dọn cho tôi một mâm rượu thực tươi tất ấy nhé, mà làm mau lên, ông quý khách của tôi vội.

Hai Nhiêu ngạc nhiên, bụng bảo dạ:

"Có lẽ nào một người đi tàu thiếu tiền mà lại dám tiêu rộng rãi đến thế, hay là họ lại định nhờ khéo mình thêm một bữa cơm nữa đấy?".

Nhưng thấy bà hàng ra chiều quen thuộc người nhà quê, nên Nhiều ta cũng yên bụng. Uống xong một bát nước, người nhà quê bỗng gọi bảo một người nhà quê khác đứng chờ đó, đưa cho hắn cái lồng đựng gói mọ cau với hai cái nôi đất:

- Chú Ba về làng trước, đưa cái này cho bu nó cất đi, tôi còn bận một chút, xong về ngay.

Rồi quay lại bảo hai Nhiều:

- Nào bây giờ mời ông vào hàng, xơi với tôi chút cơm rồi tôi lại xin tiền ông lên đường không dám giữ.

Cơm rượu xong, thấy người nhà quê mở hầu bao ra chỉ tiền cơm, hai Nhiều không hiểu ra sao, toan hỏi nhưng sợ bất tiện. Đến lúc đưa chân ra ga, người kia lại nhất định nài lấy vé cho mình. Hai Nhiều lại càng kinh ngạc. Người nhà quê thấy vậy mỉm cười và thông thả nói:

- Thưa ông, ông lấy làm lạ cũng phải. Nhưng việc thiếu tiền hôm qua, chỉ là một mẹo đấy thôi. Tàu Chấn Dinh này có tiếng là lắm kẻ cắp. Chúng tôi có tiền mang theo mà không làm thế, thì giữ sao được của mình?

- Vâng, nhưng tôi thấy ông chỉ mang có hai, ba đồng thì tội gì phải thế?

- Nếu hai, ba đồng thì cất đâu chẳng được. Đây tôi lại dón một món tiền lớn về để mua cái phó lý cho tôi, lo cưới vợ cho thằng cháu, lo khao, lo vọng...

- Ô thế ra...

- Vâng, tôi về chuyến này đem những ngót năm trăm bạc, mà để kẻ cắp biết, thì tôi có khi cũng không về được tới nhà.

- Nhưng... ông giắt trong mình thì...

- Chết! Giắt trong mình nguy hiểm lắm. Tôi phải bỏ vào một cái nôi đất trong cái lồng chú nó đem về ban nãy đó.

Rồi vừa cười, người nhà quê vừa tiếp:

- Cái lồng gà với mấy cái nôi, mà lại của một anh nhà quê không có lấy một hào để trả tiền tàu... ông tính còn kẻ cắp nào để ý đến nữa. Nếu tôi không nghĩ đến kẻ ấy thì ngủ yên sao được... mà nếu không làm thế thì sao tôi được gặp người quý hóa như ông.

Xe lửa về đến ga, hai Nhiều bước lên toa ngồi mà vẫn còn choáng người đi vì tiếc của. Bác ta tìm hết tiếng độc địa để rửa cái trí khôn ngu ngốc của mình và tự hứa rằng lần sau đi tàu, không nên coi thường những cái lồng gà trong đựng có hai cái nôi đất.

MỘT NGƯỜI HIÊM CÓ

Anh ta là một người học trò rất lười, nhưng rất thông minh. Ngồi trong lớp, một phần tư trí nghĩ để vào lời giảng của thầy còn ba phần tư thì mơ tưởng. Giờ tập đọc, mọi người cầm cúi vào sách vở thì anh cầm cúi xem tiểu thuyết. Nhưng được cái ứng đối thì không ai bằng. Nghe một câu thầy giáo chột hỏi, liếc mắt qua vào trang sách trên bàn, thế là đủ cho anh ta hiểu nên trả lời thế nào cho đúng. Bài nhà trường không đời nào chịu học. Nếu thầy gọi lên đầu tiên thì anh ta không nói được câu nào hết, nhưng nếu đã có ba bốn anh lên bảng trước thì anh ta vừa nghe vừa học vội một lượt là đọc bài cũng khá xuôi.

Học hết năm thứ hai ban Thành chung, anh bỗng nhiên bỏ trường.

Ra đời cũng khéo xoay sở như lúc còn đi học. Anh ta làm được đủ các việc: dạy tư, làm thợ chụp ảnh, vẽ kiểu nhà, thầu khoán... Cứ mấy hôm trước chưa hiểu biết công việc được mấy tý, mấy hôm sau đã ra người thành thạo trong nghề.

Nhưng anh chẳng theo đuổi được việc gì lâu. Lần đầu, gặp nhau ở Hà Nội (hồi ấy tôi cũng mới ở ban Trung học ra) tôi hỏi anh thì anh vui vẻ đáp:

- Tôi ấy à? Tôi giúp việc cho một trạng sư.

Cách ba bốn tháng nữa tôi thấy anh vội vã đi ở đầu phố Hàng Ngang lại. Anh dạo mạo nói với tôi:

- Bây giờ thì tôi buồn to. Tôi đang tính mở một đại lý độc quyền bán xà phòng cho khắp Đông Dương... Có lẽ buồn thêm các hàng tơ lụa gấm vóc.

Lần khác tôi thấy anh mua từng đệm giấy đánh máy và cấp dưới nách những sách về kế toán, về nhà băng, với một vài cuốn dạy thế giới ngữ.

- Thế nào anh Sáng? - Sáng là tên anh ta - Cửa hàng có chạy không?

- Cửa hàng nào?

- Đại lý độc quyền xà phòng ấy mà!

- À! Chạy lắm chứ. Nhưng tôi nhường lại cho mấy người bạn rồi. Tháng trước các anh ấy đến Hà Nội chẳng có việc gì làm hết.

Rồi mỗi lúc thay một nghề khác, người con trai ấy ngược xuôi ở Hà Nội trong cảnh ồn ào náo động, lúc nào cũng nhanh nhẹn, tháo vát, lúc nào cũng tươi cười. Anh ta coi việc sống ở đời như người đánh tam cúc mua vui, thua ván này, bày ván khác.

Tôi không đến chơi nhà Sáng bao giờ, vì anh ta rất hay đổi chỗ ở. Gặp nhau chỉ trong những lúc tình cờ ở giữa phố, cùng đứng lại bắt tay, nói đôi ba câu chuyện, rồi mỗi người lại đi một ngả đời riêng.

Tôi còn gặp Sáng bốn năm bận nữa, khi thì ngồi trên xe tay cật mủ gọi với tôi hỏi thăm sức khỏe, khi thì đến cạnh vỗ vai tôi trong một rạp chiếu bóng, khi thì chấp tay sau lưng miệng huýt còi, đi lững thững trên bờ Hồ Gươm. Về mặt sáng sủa, trẻ trung của anh lúc nào cũng hơn hờ. Tôi nghĩ bụng: Anh chàng này thực là người sung sướng, thấy cuộc đời cái gì cũng đáng yêu.

Lần sau cùng gặp anh năm ấy, tôi thấy anh ăn mặc rất sang, bước trên chiếc xe hơi lộng lẫy xuống cùng một thiếu nữ diễm lệ, nhan sắc cao quý và thông minh. Anh chạy lại bên tôi, vồn vã như tìm thấy một người thân xa cách lâu ngày, rồi giới thiệu:

- Anh Lê Văn, làm báo, cô Kiều Trang, một người bạn gái của tôi.

Tôi nhìn Sáng tỏ ý ngợi khen anh, và đưa mắt hỏi xem "người bạn gái" kiều diễm ấy là người thế nào. Sáng mời cô kia vào hàng Gôđa trước rồi đi cạnh tôi theo sau. Anh se sẽ nói:

- Anh ạ, tôi vừa viết xong một cuốn văn.

-Ồ! Lại làm văn sĩ nữa.

Anh gật:

- Kịch sĩ. Tôi vừa soạn được một vở kịch để tặng riêng cô Kiều Trang. Cô là một nhà nghệ sĩ diễn kịch có đại tài... Tôi được quen biết cô cũng do một buổi diễn kịch mà cô đóng vai chính...

Anh bắt tay tôi, xin lỗi, rồi đến bên người thiếu nữ, nhã nhặn, sẵn sàng đưa đi xem các đồ trang sức trong căn hàng.

Hồi ấy anh ta đang làm phái viên đi rao hàng cho một hãng xe hơi.

Từ đó, bằng đi đến hơn ba năm, tôi không trông thấy Sáng đâu cả.

Tôi thì vẫn đi theo cuộc đời cầm bút bình thường của tôi. Còn Sáng có lẽ vẫn sống một cách kỳ khôi trong cuộc đời bất định của anh, một cuộc đời uyển chuyển đầy rẫy những sự mới lạ.

Tôi cho anh ta là một người lãng mạn hiếm có, không chịu ở lâu trong một địa vị nào; mà tâm tính với tài năng thì thích hợp được với đủ các hoàn cảnh, các công việc của đời. Sáng cũng tự biết mình như thế. Anh thường nói: "Tâm với trí tôi như nước, đổ vào bình nào cũng rất dễ, mà lấy theo hình nào cũng được".

Bỗng một hôm, trong một hiệu cao lầu nhỏ phố Hàng Buồm, tôi chú ý nhìn một người thiếu niên quần áo lôi thôi, mũ chụp xuống gần mắt. Chàng ta đang cầm cúi đọc một tập báo để bên cạnh mấy bát đồ ăn nguội dần. Lúc người ấy cầm đĩa ngẩng đầu lên, tôi nhận ra thì chính anh Sáng. Nhưng không là anh Sáng chừng chạc, xinh trai tôi gặp hồi trước nữa. Nước da anh ngăm ngăm đen, vẻ mặt như râu héo đi; trong đôi mắt vẫn lạnh lẽo thông minh, tôi thấy phảng phất có một vẻ âu sầu.

Tôi lại gần vỗ vai thì anh tươi cười ngay, đứng lên gọi hầu sáng lấy thêm thức ăn và hỏi tôi:

- Anh mạnh chứ?

- Mạnh. Còn anh?

- Ô! Tôi thì bao giờ cũng vậy, khỏe mạnh lạ thường mà "màn công chuyện" cũng nhiều lạ thường. Đời vui lắm anh nhỉ!

Giọng nói mạnh bạo, câu nói nhanh mà vui cùng với những tiếng cười giòn, thực thà, và đôi mắt linh động ấy lại khiến tôi hơi ngạc nhiên cho cái vẻ buồn rầu tôi thấy trên mặt anh mấy phút trước.

Tôi hỏi Sáng:

- Lâu nay anh ở đâu mà tôi không gặp?

- Ở nhiều nơi lắm: Sài Gòn, Mỹ Tho, Phnôm-pênh, Tourane, rồi Huế, rồi Thanh, rồi bây giờ lại Hà Nội.

Anh cho tôi biết rằng trong khoảng ba năm trời nay anh có vất vả hơn trước, nhưng anh cũng giàu có hơn. Làm giàu dễ mà sung sướng, dễ mà yêu đời. Anh biết được rất nhiều người mà nhất là biết thêm được nhiều nghề mới:

- Anh ạ, tôi muốn sống gấp bốn năm người khác, nghĩa là muốn trong ngót ba mươi năm của tôi, tôi thấy, tôi nghe với tôi làm bằng người sống tám chín mươi năm... Tôi học ở nhà trường ít là vì tôi muốn ra đời sớm. Ở trường tôi còn học riêng cho biết rộng thêm nhiều... Bây giờ tôi theo đuổi mỗi việc một hồi ngắn ngắn, nhưng việc nào tôi làm cũng chu đáo, cũng hoàn toàn như người đã sống trong nghề lâu năm. Tôi làm xe hơi ở Phnôm-pênh, làm thư ký lục sự ở Sài Gòn, làm kế toán ngân hàng, rồi có lúc làm cả bầu hát nữa. Lúc nào cũng hết lòng, lúc nào cũng hăm hở. Nếu có một ngày kia tôi hết muốn hoạt động là tôi khổ lắm. Không hoạt động nữa là chết, thà quyên sinh đi còn hơn!

Anh nói những câu đó một cách tự nhiên và miệng vẫn tươi cười. Nhưng tôi đoán như trong đó có một vài điều lo âu u ẩn.

Tôi chợt hỏi:

- Thế nay anh định làm gì ở đây?

Sáng vừa cho thìa làm tan đường trong cốc cà phê, vừa yên lặng mỉm cười:

- Tôi bây giờ ấy à? Tôi định mở ở Hà Nội một phòng xem tướng số.

Rồi không để ý đến sự kinh ngạc của tôi, anh nói luôn, không ngừng:

- Tôi nói thật đó. Tôi xem tướng giỏi lắm. Ít ra cũng đê bẹp được tụi thầy Tàu ở đây. Vì tôi có sách, có phương pháp hẳn hoi. Đây, tờ báo tôi mới đăng mấy câu rao hàng, tôi đọc anh nghe thử:

"Giáo sư Huỳnh Ba, số... Đường Thành, Hà Nội

Thầy tướng số đại tài mới xuất hiện

Biết việc trăm năm về trước

Và năm trăm năm về sau

Đoán định theo phương pháp khoa học tối tân.

Người hoài nghi đến đâu cũng phải tin phục.

Tiếp khách từ 10 giờ đến 12 giờ và từ 16 giờ đến 20 giờ".

- Giáo sư Huỳnh Ba, không phải là một tên vụ vợ. Chỉ trong vòng một tháng là cả Hà Nội sẽ biết tiếng giáo sư Huỳnh Ba, mà công cuộc của tôi sẽ có kết quả rất vững.

Lúc từ giã Sáng ra về, tôi vẫn còn lấy làm lạ cho con người táo bạo ấy. Việc đòi hỏi với tôi là một việc khó khăn, phải thận trọng từng ly từng tý, thì đối với anh ta lại như một trò chơi. Anh coi việc gì cũng thường, cũng dễ, mà dúng tay vào việc gì cũng tin là thành công.

Năm giờ chiều sau hôm gặp anh ở Hàng Buồm, tôi tìm đến Đường Thành, mắt đã trông ngay thấy tấm biển lớn trên có tên "Giáo sư Huỳnh Ba, thầy tướng số đại tài" kẻ bằng chữ đỏ. Tôi bước vào, một phòng khách rộng và lịch sự, đồ đạc như mới sắm, thì ở đây đã có một người thiếu phụ ăn mặc xa hoa ngồi đợi. Bên kia bàn, một người đàn ông đang giở đọc mấy tờ tạp chí.

Bên trong, sau bức bình phong, những tiếng nói chuyện đưa ra, đều đều và nhỏ. Một lát, một người vận âu phục, dáng bệ vệ bước ra, đi trước một ông trạc hơn bốn mươi tuổi, đeo kính trắng, tay cầm bút, vẻ nghiêm trang như một nhà tu hành. Người này cúi chào mấy người khách đang chờ và đưa người bệ vệ ra tới cửa. Tôi đã toan đứng dậy hỏi thì người đeo kính trắng cười và lơ lơ nói bằng giọng Sài Gòn:

- Mời ông Lê Văn ngồi chơi đó, tôi coi cho bà khách đây rồi xin tiếp ông sau. Mời bà vô.

Tôi không biết người thầy tướng kia bao giờ, cũng không nói trước cho Sáng biết là tôi sẽ đến thăm, thế mà sao ông ta biết tên họ tôi và nhận ngay được mặt. Sau đó chừng hai mươi phút, tôi còn đang tìm hiểu việc vừa rồi, thì người đàn bà đi ra, vẻ mặt hớn hờ. Ông thầy tướng lễ phép tiễn khách ra đến cửa, đóng lại cẩn thận rồi nhìn tôi trân trân:

- Anh bỏ hộ tôi nét mặt ngây ngô kia đi một tí, rồi vào đây nói chuyện một lúc chơi.

Câu nói bằng giọng Bắc, mà chính là giọng anh Sáng. Tôi chưa kịp đáp thì "ông thầy tướng" đã kéo tôi vào trong, bỏ bộ râu hoa râm và mực kính ra rồi cười:

- Bốn tháng đóng kịch với hai tháng làm bầu hát cũng quá đủ cho tôi đổi được cả giọng nói cho lẫn dáng người. Lần này tôi cũng đóng kịch, Lê Văn ạ, nhưng đóng một tấn kịch quan trọng... Tôi cần phải quảng cáo cho phòng xem tướng này... bởi vì tôi muốn gặp rất nhiều người ở đây, nhất là một người tôi để tâm tìm kiếm mãi.

Tôi hỏi:

- Tìm một người? Ai thế?

Trong mắt Sáng thoáng qua một vẻ buồn, nhưng anh vội cười, nhìn tôi một cách tinh ranh và để một ngón tay lên miệng:

- Bí mật nhà nghề... Vả chuyện hơi dài một chút, tôi sẽ kể anh nghe sau.

Khách đến phòng giáo sư Huỳnh Ba ngày một đông. Không đầy nửa tháng, mà một phần Hà Nội trí thức đều biết tiếng nhà tướng số đại tài.

Sáng coi sự thành công đó là một lẽ rất thường. Anh bảo tôi:

- Tôi nổi tiếng cũng là sự tất nhiên, có chi là lạ lắm. Ở đời chỉ khéo khu xử một chút là việc gì cũng xong. Tôi biết xem tướng thật thà, chứ không thêm khoác lác lừa dối ai, nhưng tôi cần quảng cáo cho người ta phục tôi ngay lập tức.

Tôi hỏi anh học tướng số ở đâu, và vì đâu anh lại nảy ra cái ý kiến làm thầy tướng thì anh cười:

- Khoa tướng số thì sách Tây, sách Tàu thiếu gì? Tôi chỉ cần đọc dăm quyển, cần thực hành trong lúc chuyện trò với chú ý so sánh, đoán xem tâm lý từng người... thế là đủ. Từ hôm mở phòng đến nay, tôi thấy nghệ thuật mới của tôi tấn tới nhiều lắm, hình như đã kinh nghiệm lâu rồi. Tôi biết rõ thêm được nhiều tình trạng lòng người - tôi không những chỉ dẫn cho đường số mệnh cho người ta tôi lại biết yên ủi những nỗi buồn khổ của người ta nữa.

Còn như anh muốn biết vì đâu tôi làm thầy tướng... thì trước hết, tôi là người thích biết nhiều nghề. Nhưng xin thú thực đó không phải là lẽ chính. Tôi mở phòng này chỉ vì một chuyện riêng của tôi - một chuyện tình, anh ạ.

Sáng yên lặng một lát, đôi mắt lơ đãng nhìn đi một phía, tay gõ điều thuốc lá xuống bao diêm... Anh lại trông tôi, vừa mỉm cười vừa thở dài:

- Phải. Cũng vì một chuyện tình, vì một người đàn bà mà tôi lại đến thành phố này, xếp đặt ra cảnh tượng anh thấy hôm mới đến chơi đây, làm nổi tiếng cho một cái tên lạ lẫm. Tôi muốn gặp mặt người ấy mà người ấy không nhận ra tôi... tôi muốn làm thầy tướng Huỳnh Ba để hỏi xem người đàn bà ấy đối với Lương văn Sáng còn có chút tình nghĩa gì không, nếu không còn thì Huỳnh Ba khuyên cô đừng nên tệ bạc như thế. Vì tôi biết cô hay tin khoa tướng số, và biết thế nào cô cũng sẽ tìm đến đây. Tôi sẽ kiếm cách nối lại cái tình tha thiết của Sáng với cô... Ồ đó là một cái mưu. Có lẽ là cái mưu chẳng cao thượng gì, nhưng nó sẽ giúp tôi lấy lại được người tôi yêu, nó sẽ đem lại cho tôi cái hạnh phúc đã mất.

- Anh còn nhớ cô Kiều Trang không? Người thiếu nữ anh gặp đi với tôi vào hàng Gôđa ba năm về trước ấy mà! Người yêu của tôi đó. Trời ơi, tôi yêu cô ta không biết ngần nào. Cô ta là người lãng mạn, là một người cuộc đời cũng sôi nổi như đời tôi, một hạng gái giang hồ thông minh. Cô đã tệ bạc, ác nghiệt với tôi nhiều, nhưng tôi không thể ghét cô được. Để tôi kể thiên tình sử của tôi cho anh nghe. Thiên tình sử ấy, Sáng thuật lại với tôi một cách rõ ràng, miệng vẫn tươi cười, mắt vẫn linh động, như người kể một chuyện vui, nhưng cái giọng nói ôn tồn, thân mật của anh nghe vẫn có những vẻ buồn thảm.

Sáng được biết Kiều Trang trong một buổi diễn kịch. Nhan sắc của cô làm cho Sáng vỡ vụn, lúc nào cũng thấy hình ảnh cô hiện đến trong tâm trí. Sáng tự bảo mình rằng: "Thôi ta yêu cô mất rồi!". Thế rồi một buổi tối kia, Sáng viết xong một vở kịch mà vai chính rất thích hợp với tài cô và vừa ý cô. Sáng giữ vở kịch tặng riêng Kiều Trang, viết hai bức thư cho Kiều Trang, nhận được ba bức thư cô trả lời: hai người quen nhau từ đó. Rồi từ đó thân nhau, rồi yêu nhau, rồi lấy. Cuộc tình duyên se kết một cách tự do, không theo khuôn phép.

Chiếm được hòn ngọc vô giá là trái tim kia được ngót hai năm, thì Kiều Trang không cho Sáng là người đáng yêu nữa. Còn Sáng thì vẫn không thấy người đàn bà nào đáng quý hơn, nhan sắc hơn Kiều Trang.

Hồi ấy ở Sài Gòn là nơi Sáng quyết chí làm giàu cho người yêu sung sướng, anh ta một lúc làm hai ba việc, tiền của thu về gấp bốn năm người cùng nghề. Kiều Trang muốn đưa vở kịch của anh đăng lên tờ báo Phụ nữ kia, nhưng anh xin cô đề tên soạn giả là Kiều Trang, vì chính anh có ý làm văn sỹ đâu. Vở kịch nếu không cốt để làm quen với cô thì không đời nào Sáng soạn.

Kiều Trang vì thế mà được nhiều người coi là một bậc nữ kịch sỹ, nhiều người khen ngợi và nhân đó thường gặp một ông điền chủ giàu lớn, sắp cho ra một tờ báo Phụ nữ hàng tuần. Cái danh vọng làm cho lòng Kiều Trang say sưa và thờ ơ với Sáng. Rồi trong lúc anh ta ngược xuôi, khi Cao Miên, khi Lục Tỉnh, thì Kiều Trang kết bạn với bọn người theo cô o bế tăng bốc để làm cô quên dần người đã hết lòng chân thực yêu cô.

Lúc Sáng biết ra, thì đã muộn. Anh ta hoảng hốt tìm cách cố giữ tình nhân lại, nhưng lòng Kiều Trang đối với anh không còn chút cảm tình nào. Sáng toan viết báo, làm văn thơ để trở nên một nhà văn có tiếng như những người có tài cô vẫn mến phục, thì Kiều Trang lại yêu một người kếp hát trứ danh. Lập tức bỏ nghề văn sỹ, Sáng cũng theo một gánh hát cải lương để tập nghề. Anh ta hết sức nhẩy nhót pha trò trên sân khấu, chiều ý hết thấy mọi người và khổ công rèn luyện mới mua được một chút hoan nghênh của công chúng. Làm kếp phụ đóng những vai thường trong ít lâu rồi lên kếp chính, rồi sau cùng vừa soạn vở vừa làm bầu một gánh hát lớn ở Sài Gòn. Chủ tâm của anh là làm thế nào cho Kiều Trang lại phải chú ý đến anh.

Sáng muốn cho cô biết rằng anh không những có thể làm nên giàu có, anh lại còn có tài, có chí, và gây cho mình cái danh vọng rực rỡ chẳng kém gì các người tình địch của mình. "Nhưng Kiều Trang cũng

như con chim xanh kia quá ham mê những ánh sáng xa lạ đầu đầu, không bao giờ tưởng đến lúc trở về cảnh cũ".

Sáng nói tiếp:

- Bây giờ Trang hiện đang ở Hà Nội, đang mải miết trong cuộc vui thú mới, có lẽ cũng không có giây phút nào nhớ rằng ở đời này, còn có anh Lương văn Sáng là người không bao giờ quên Trang... Tôi đã tìm cách nhắc cho cô nhớ đến tôi như anh đã biết, nhưng không ích gì - hay là chưa ích gì. Vậy tôi còn nhiều cách khác mà cách làm thầy tướng này là một, tôi đã dự bị sẵn sàng các câu nói để đánh vào lòng tin số mệnh của Kiều Trang, rồi tôi sẽ lựa lời để làm cô cảm động. Chắc cô đã chán cuộc đời phiêu lãng, có lẽ cô cũng muốn tìm nơi yên ấm để hưởng lại thú bình tĩnh êm ái của một gia đình... Tôi sẽ hiến cô cái gia đình nhỏ mà êm ái kia... Tôi sẽ đón cô vào, và cô sẽ chẳng có lỗi gì, tôi sẽ làm cho cô quên hết mấy năm qua, sẽ làm cho cô sung sướng gấp trăm lần thuở trước...

Ngày mai Kiều Trang sẽ tới đây do một người bạn gái mách. Giáo sư Huỳnh Ba được các bạn phụ nữ hoan nghênh lắm. ồ! Tôi sẽ không biểu lộ sự cảm động, tôi sẽ đóng vai kịch một cách hết sức tự nhiên... Mà Kiều Trang sẽ tin lời giáo sư, sẽ không nhận ra tôi, và sẽ lại thương Lương văn Sáng như trước. Có phải không? Việc gì tôi cũng làm được cả, huống chi việc này? Mai, tôi sẽ thi hành một kế trong những kế cùng, nhưng tôi quyết là đắc thắng.

Lúc tiễn tôi ra cửa, Sáng nói đùa một câu:

- Tôi quả là một thầy tướng có kỳ tài. Người khác chỉ biết đoán việc thời thế về trước và về sau. Tôi thì tôi xếp đặt số mệnh của tôi và của người khác.

Anh bắt tay tôi rất mạnh. Trong cử chỉ ấy tôi thấy cả lòng tự tin và chí quả quyết của người con trai khác thường kia.

Cách đó bốn hôm, một buổi sáng chủ nhật, anh đến chơi nhà tôi thì tôi còn đang ngủ. Anh gọi tôi dậy rồi mắng khôì hài:

- Anh nên sống lâu lâu một chút, chứ cứ quỵên sinh bằng cách ngủ muộn thế thì thực là tồi. Mặc quần áo mau lên rồi đi chơi với tôi đi. Buổi sáng đẹp khiếp thế này mà ngủ hay ở nhà thì là một tội ác.

Anh mở cửa sổ huyết còi nhại lũ chim hót trên cây trong lúc tôi rửa mặt chải đầu, rồi quay lại ngắm mình trong gương và sửa hộ tôi cái ca vát. Mặt anh hình như sút đi nhưng anh khoát tay bảo:

- Cần quái gì. Đêm qua không ngủ tý nào nhưng tôi dự định được nhiều việc hay lắm. Tôi xem báo thấy lão Voàng On vỡ nợ mà tôi cười đến chết. Lão làm việc xoàng không biết đến chừng nào mà kể. Tôi có cửa như lão thì hai năm là nổi cơ nghiệp to.

Anh lại cho tôi biết rằng hãng xe hơi ở Nam Vang anh nhường việc trông coi cho một người quen bây giờ tấn tới lắm.

- Tôi mà vào Nam chuyến này thì còn nhiều việc có lợi nữa.

Ra ngoài đường, tôi hỏi Sáng:

- Cô Kiều Trang đã gặp anh rồi chứ?

Sáng liếc nhìn tôi, nháy một mắt, vừa cười vừa lắc đầu:

- Cô Kiều Trang không gặp tôi bao giờ; chỉ gặp giáo sư Huỳnh Ba thôi.

- Ủ. Rồi thế nào?

- Thế nào? Cô Kiều Trang vẫn trẻ, vẫn đẹp như xưa, mà cô nói chuyện có duyên quá. Huỳnh Ba cũng vậy, nên cô phục Huỳnh Ba vô cùng.

Trên nét mặt, trong đôi mắt của Sáng, tôi như thấy vẻ khác lạ thoáng qua, nhưng lúc ấy thì không chú ý đến lắm.

Bỗng anh trở bộn trẻ con đang nô nghịch trên bờ hè:

- Bây giờ thì mình không nghịch như chúng nó nữa nhỉ. Mình khôn hơn chúng nó: Mình nghịch một cách buồn cười hơn.

Rồi anh cúi xuống đón bắt quả bóng lũ trẻ đá đến gần. Đặt bóng xuống, anh nhắm bóng rất lâu, lấy đà chân rất mạnh, nhưng cố ý đá hụt để cho lũ trẻ phá lên cười.

Nhân thể, anh nói chuyện với tôi về tính vui hồn nhiên của tuổi thơ ngây, nhắc đến những lúc còn bé dại, đến lúc đi học hay đánh nhau với anh em bạn; lúc bị thầy giáo phạt, rồi bình phẩm các thầy giáo và các bạn chung của chúng tôi:

- Ông Biên thầy cúng, chẳng biết bây giờ còn ngâm thơ bằng cái giọng khàn khàn nữa không?... Ông Lương pha trò sao mà nhạt thế... Ông Đàm hôm nọ tôi gặp ở phố Hàng Bún đang lau kính, đi lò dò như con cò hương. Anh còn nhớ hồi ông mới đến dạy chúng ta không? Tôi hay chế ông ta nhất.

Lúc nhắc đến bạn thì anh ta nổi giận với một vài anh cả đời chỉ gí mũi vào quyển sách, toán pháp và khoa học thì giỏi ghê ghởi gớm, mà trông mặt ngơ ngê như chúa tàu nghe kèn. Anh đạo mạo nhắc lại câu nói của một giáo sư anh phục riêng: "Một người học trò tốt là một anh đàn độn".

Đi tới bên bờ Hồ Gươm, anh giữ cánh tay tôi bảo nhìn một người vừa đi qua:

- Kìa, anh trông hộ tôi cái anh chàng cầm ba toong vung tít lên kìa. Anh ta có vẻ bằng lòng lắm nhỉ!

Gặp mấy cô con gái, anh đợi họ đi khỏi rồi ngả mũ chào, nói khe khẽ một câu tiếng Tây để họ không nghe thấy: "Vous êtes bien moches, mesdemoiselles".

Rồi một lát:

- Nhưng cô đi một mình đằng xa kia thì khá lắm. Xin kính chào quý nương.

Chúng tôi cứ thế đi lang thang từ Hàng Trống đến nhà bưu điện, rẽ ra bờ sông, đi lộn về Tràng Tiền rồi qua Hàng Khay, Sáng luôn luôn cất mũ chào và bình phẩm cử chỉ, đáng điệu từng người:

- Bà kia giá bèo chút nữa thì cửa Gôđa phải xây rộng thêm. Cậu công tử kia cái mũi hơi đỏ. Trời! Cô kia đi sao mà dẻo thế.

Còn tôi thì cũng lây cái vui vẻ của anh. Lúc đó tôi chắc rằng Sáng trong lòng hẳn có điều khoan khoái, sung sướng. Ôi! Quả thực không có cái gì sâu kín bằng lòng người.

Đến mười một giờ, Sáng kéo tôi vào hàng bánh bắt ăn thực no. Anh vừa nhai vừa nói, luôn mồm nhắc đi nhắc lại câu:

- Đời vui đẹp quá!

Sắp chia tay, thì một người bạn chúng tôi vừa qua nhà, ra gọi tôi:

- Vãn, Vãn, vào đây chơi!

Chúng tôi vào thì bạn rủ đánh tổ tôm. Thấy Sáng ngần ngừ tôi hỏi:

- Anh biết chơi tổ tôm chứ?

- Sao không biết.

- Đánh chơi mấy hội.

Sáng nghĩ một lát, "chặc!" một tiếng, rồi tươi cười đáp:

- Ừ thì đánh, nhưng góp nhỏ thôi!

Trong cuộc, Sáng là người hay nói nhất, mà ù được ván nào to thì anh cười vỡ cả nhà. Một lần, anh ngồi thừ người ra, đôi mắt mơ mộng. Tôi nhìn anh hỏi:

- Anh nghĩ gì thế?

- Phiền quá, tôi đánh hớ một nước không thì chờ đã lâu.

Chiều hôm đó, ăn cơm ở nhà người bạn tôi, lúc ra về, Sáng dặn nhỏ tôi:

- Tôi để lại phòng xem tướng cho mấy người bạn rồi, họ muốn làm gì thì làm; hay cứ giữ cái nghề xem tướng cũng được.

- Ồ, thế còn anh?

- Tôi, tôi không cần đến nghề ấy nữa, dễ thường anh tưởng tôi làm giáo sư Huỳnh Ba suốt đời ư? Tôi hiện thuê nhà riêng, nhà tôi ở Hàng Đậu, số 25 bis, sáng mai anh đến chơi, tôi muốn cho anh biết một tin này hay lắm.

Tôi y hẹn, sáng hôm sau, trước khi đến nhà báo, tôi ghé qua thăm anh. Bước vào nhà thì người đầy tớ nói anh còn ngủ và đưa cho tôi một cái phong bì. Tôi không đời nào quên sự kinh ngạc của tôi khi đọc bức thư trong đó.

"Hà Nội, 4 giờ sáng ngày chủ nhật

18 Mars 1935

(Thì ra bức thư anh viết từ sáng hôm qua, trước khi đến lòi tôi dậy)

Anh Lê Văn.

Tôi không là Huỳnh Ba nữa đâu, cũng không là Lương văn Sáng nữa, vì khi anh đọc bức thư này thì tôi ngủ yên rồi - ngủ một giấc ngàn năm, theo lối văn sáo người ta vẫn ưa viết. Chỉ khác một điều là ngủ thì vẫn thở, có người vừa thở vừa ngáy, nhưng tôi thì không.

Anh ngạc nhiên làm quái gì? Câu pha trò của tôi ít ra cũng có ý vị hơn những câu nhạt của thầy giáo Lương và một ít nhà khôi hài khác. Vậy thì, như tôi đã nói, tôi đi ngủ một giấc ngàn năm. Cái đó cũng chẳng khó gì (cũng chẳng khó hơn bao nhiêu công cuộc nghề nghiệp tôi làm trong đời tôi): chỉ cần nhá gấp mười liều thuốc ngủ lên là xong chuyện.

Tại sao tôi lại làm thế? Thì cứ nói phăng ngay tại sao tôi lại tự tử. Tại rằng là... tôi muốn thế chứ sao! Mà tôi muốn thế là vì tôi không còn tâm trí đâu thích làm việc nữa. Đó là một lẽ. Còn lẽ nữa cũng quan trọng lắm: là từ nay Kiều Trang nhất định không yêu tôi. Người thiếu nữ kiều lệ kia đòi tình nhân cũng như tôi đòi nghề. Tôi chỉ tiếc rằng tài trí tôi yêu thích được nhiều nghề nhưng lòng tôi chỉ yêu được một người, được một lần thôi! Quái thực!

Tôi yêu Kiều Trang thế nào tôi đã nói cho anh biết đấy. Trang tề với tôi nhưng tôi không tề được với Trang; tôi đã yêu Trang thì Trang phải là của tôi, nếu không thì tôi tưởng sự sống không còn có nghĩa gì nữa.

Tôi đã phấn đấu, đã hoạt động suốt một đời tôi rồi, tôi làm bao nhiêu việc, theo bao nhiêu nghề, là cốt để sung sướng hơn lên. Mỗi phen thay đổi tức là một phen tôi "làm lại cuộc đời" của tôi. Lần nào đổi mới cuộc đời của tôi cũng hay cũng đẹp thêm một đôi phần, vì tôi đã định làm việc gì, là việc ấy phải được. Thế mà có một "điều"... một "sự" - không phải - một "cái" không thể nào "làm lại" theo ý muốn: ấy là lòng em Trang yêu quý của tôi.

Tôi biết thế từ hôm tôi gặp Trang ở nhà giáo sư Huỳnh Ba kia, chính em Trang thú thực với Huỳnh Ba như thế. Tôi toan lấy lẽ nhiệm màu khoa lý số để lừa lọc lòng Trang, nhưng trông đôi mắt của Trang thì tôi thấy rõ vẻ lạnh lùng khi tôi đã động tới Lương văn Sáng.

Ngay trước khi thực hành cái mưu tương số, tôi đã bảo tôi rằng: "Hạnh phúc của ta ở Trang. Vậy nếu Trang không muốn trở lại với ta, thì thôi! Thế là hết hạnh phúc. Vậy ta không cần làm gì nữa cũng được. Ta quyên sinh đi cho khỏi buồn lâu".

Trang đến cho tôi coi tướng, luôn thể đến gián tiếp hạ cái lệnh bảo tôi đi ngủ đi là xong nếu tôi không yêu người khác được. Mà yêu người khác thì không thể được, vì tôi không thấy lòng tôi muốn thế. Thế có buồn cười không?

Đêm vừa rồi, tôi nằm ngâm hát rất lâu, rồi ôn lại những công việc của tôi, rồi ôn lại lúc gặp Trang, yêu Trang, giận Trang; cuộc đời ái ân của tôi sao mà đắm thắm đến thế... Tôi không muốn ngủ đêm nay vì đêm mai tôi sẽ ngủ luôn thể, sức nhớ đến anh là người tôi đã ngỏ chút tâm sự, tôi liền viết mấy hàng này.

Tôi trông ra cửa sổ, mặt trời đã dần ló đằng đông... Ngày hôm nay hẳn là tươi đẹp, tôi muốn vui cho trọn cho đến lúc chết, nên tôi định viết thư này xong sẽ đi chơi... Có lẽ tôi sẽ lại rủ anh đi cho có bạn.

Chào anh lần sau cùng,

Lương văn Sáng

T.B.- Nếu tiện, anh sẽ thân nhiên làm như chưa đọc thư này, mở cửa phòng vào đánh thức tôi (vì tôi không khóa cửa), và gọi không thấy tôi dậy, sẽ bảo cho người ta biết. Anh liệu làm cho người ta tin rằng tôi chết vì uống thuốc ngủ quá độ, chứ không phải vì quyên sinh. Tôi không muốn cho K.T. biết rằng Lương văn Sáng tự tử vì cô. Nhưng nếu anh không giỏi đóng kịch thì cứ bảo là tôi tự tử cũng được, duy có điều tôi không được hài lòng".

MỘT NGƯỜI SAY RƯỢU

Ông lý Thập ríu lưỡi lại nói:

- Uống mới có thể... mà... cũng say... Say quá... Tôi thực... Hừm!

Ông ta nhoẻn miệng cười một cách ngây ngô, ngất nga ngất ngưỡng bước trong đường làng, thành thực nhận thấy rằng mình đã quá say, nhưng cũng thành thực tự dung thứ cho mình cái lỗi nhỏ ấy.

Người ông ta đưa về đằng trước. Hai chân không ăn ý, mỗi bước chực đâm chéo về một đường. Cứ thế tiến lên, ông ta lấy làm lạ rằng mình chịu khó đi cũng đã khá lâu, mà sao vẫn chưa ra khỏi thôn Thượng.

- ừ say... Mình say thực... mất rồi!

Ông ta chẳng biết đã uống bao nhiêu chén, cũng chẳng rõ trong bữa khao nhà khán Vịnh, ông ta đã nói những gì. Chỉ phảng phất nhớ rằng có một lần cãi lý với phó tổng Đán, mình nói một câu khí hờ, phó Đán nó vịn lại làm cho mọi người cười ầm lên.

Ông ta lại thấy cả cái hổ thẹn của mình trong bữa cỗ và tức phó Đán lắm:

- Hừ! Nó lại... lại dám xỏ cả mình!

Loạng choạng được mười bước, ông ta cười gằn:

- Ngừ ầy thì làm... vương tướng cóc gì... mà... làm bộ! Ông cho thì...

Nhưng lý Thập chỉ nói có thể, vì thực ra ông ta cũng chẳng nghĩ được gì thêm. Những chuyện không hay mà ông ta mong cho phó Đán gặp phải chỉ lơ mờ trong cái trí hỗn độn. Tuy vậy, thế cũng đủ cho ông ta đỡ tức rồi.

Mỗi lần bước lạc, chực xiêu người, đâm chúi vào bờ tre, lý Thập lại nhoẻn miệng cười, làm như đó là một trò ngộ nghĩnh lắm.

Rồi chốc chốc ông ta lại cười; hai mép đang kéo nhách lên hai phía tai bỗng dung khép ngay vào, mặt có vẻ bần thần một lúc lâu lâu, để rồi lại nhoẻn cười như thế nữa.

○ ○ ○

Đi ra khỏi con đường rợp, lý Thập dừng lại bên cái quán bỏ không ở cuối xóm Thượng, neho mắt nhìn ra quãng đồng đất khô trụi lúa, chạy tấp đến chân trời. Ông ta thấy buồn tiêu tiện, liền kẹp chặt cái ô trắng vào nách, rồi quay mặt vào một bụi tre.

Một tiếng phì mạnh ở sau lưng thốt nhiên làm ông ta giật mình. Ngoảnh lại trông, thì là một con trâu buộc ở gốc một cây nhỏ.

Lý Thập bẽn lễn vì đã hoảng sợ, trân trân nhìn mãi vào con trâu, nó cũng trân trân nhìn lại mình. Ông ta lảm nhảm chửi con vật mấy câu, thấy nó lặng yên một cách khó chịu, rồi lại phì lên một tiếng nữa.

- à à, mày lại phì ông! Này phì.

Tiền ô, ông ta đánh một cái mạnh vào mũi con trâu, rồi thuận tay đánh mãi. Con vật nặng nề không tránh xa được, cái dây ngắn buộc nó căng thẳng mãi ra.

Lý Thập đắc chí cười thật to, cứ mũi con trâu đánh lên hoài, đánh cho sưng tay, đánh vì thấy con trâu không làm gì được mình, đánh cũng cho hả cái lòng hung bạo của những người say.

Bỗng ông ta ngừng tay lại. Con trâu vừa lắc sừng mạnh, mũi phì thở lên một tiếng khác thường. Hai mắt ươn ướt của nó nhìn ông trông biêng biếc xanh rồi lại đỏ lù lù, như hai miếng tiết.

Lý Thập đã hiểu con trâu có những ý định gì rồi. Nhưng cây có cái dây thừng giữ nó lại, nên ông ta cũng không quá vội vàng. Ông ta tránh sang một nơi, bước xuống một lối ruộng khô, mím miệng lại một cách chán nản, giương cái ô trắng lên và trước khi bỏ đi, còn ngoảnh lại mắng lấy oai mấy tiếng. Giá thành thực hơn một chút, ông ta sẽ thấy tiếng mắng của mình hơi run run.

Lý Thập nghĩ thầm:

- Nó làm quái gì được mình.

Và nói to cái câu nghĩ thầm ấy lên, để tự an ủi:

- ừ! Nó làm quái gì được ông!
Nhưng ông ta vẫn quay lại nhìn luôn và mỗi lúc một thêm lo ngại.
○ ○ ○

Những tiếng móng ở sau lưng, nện đều xuống đất làm cho Lý Thập lạnh tái người đi.
- Thôi đích rồi!

Cái điều mà ông ta sợ nay đã dẫn đến.

Chỉ ngoảnh lại nhìn vội một cái, ông ta cũng thấy quá rõ cái điều nguy kịch: con trâu đã dứt đứt mũi, để đuổi mình.

Ông Lý như người ngái ngủ vừa nhúng mặt vào thau nước. Ông tỉnh lại, cụp ô xuống, rồi cầm đầu chạy cuống lên.

Tiếng chân của con trâu gần lại mau chóng lạ thường, mà chân của ông thì chưa bao giờ thấy chạy kém bằng lúc ấy.

Ông không dám nhìn lại, vì cho rằng làm thế sẽ mất rất nhiều thì giờ.
○ ○ ○

Qua hai mẫu ruộng rồi.

Bàn chân dẫm lên những nắm rạ khô cũng không thấy đau... Sự kinh hoàng kịch liệt râm ran khắp người và trong tiếng gió vút bên tai, ông chỉ nghe thấy tiếng phì thở của con vật... Ông ta chỉ tưởng thấy vẻ hung tợn của con trâu, với đôi mắt đỏ lừ, với cặp sừng cong rất tiện lợi cho việc báo thù của nó.

Lý Thập mong rằng đó chỉ là một giấc mộng, rồi lại mong rằng mình tưởng lầm: không có con trâu nào đuổi theo ông ta. Nhưng hại thay! Những tiếng chân ở sau lưng mình chả còn có thể là tiếng gì khác.

Ông ta biết rằng chậm một bước là chết. Nhưng người đã nhọc quá, hơi thở trong ngực như không kịp có thời giờ dồn ra... Thử cố tính xem còn kế nào khác nữa không? Nhưng cái ý nghĩ ấy hình như cũng làm cho ông chạy thêm chậm.

Lý Thập thấy mình khổ sở không biết chừng nào. Con trâu vẫn tiến lên một cách đều hòa độc ác.
○ ○ ○

Mồ hôi trên trán chảy xuống nhiều quá.

Ông ta nhắm mắt lại để cho nước mắt giàn ra, rồi thu hết sức hít một hơi cực dài, ông ta nghiêng răng lại chạy rướn lên, không ngờ rằng lúc đó còn chạy được nhanh đến thế. Nhưng được chừng dăm trăm bước thấy kiệt sức và hy vọng rằng cũng đã bỏ con trâu được một quãng khá xa, lý Thập liền dừng chân trên một bờ ruộng và quay lại. Ông ta hét lên một tiếng yếu đuối: con trâu chỉ cách mình chừng năm con sào.

Mà nó thì không hề nghỉ chân. Điều bộ thản nhiên, nó tiến lại trước mặt một cách quả quyết bướng bỉnh kiêu súc vật.

Lý Thập không thể nào nhúc nhích được, chỉ chực ngồi xuống đó để chết, nếu không gặp được sự may mắn phi thường nào.

Con trâu đã qua cái bờ ruộng bên kia, Lý Thập chỉ còn đủ sức cuối cùng để liệng cái ô trắng vào giữa hai sừng của nó. Con vật đứng sững lại như một cái máy chột hăm. Rồi hình như quên người đàn ông đấy, nó cúi đầu xuống húc, nhay, giày, xéo kỳ cho đến lúc cái ô rách toét ra. Ông Lý ngồi ở bờ ruộng bên này, mặt xám như tro, hai mắt lác tinh thần tráo trưng nhìn công việc của con trâu, ngớ ngẩn như người mất trí.

Lúc con trâu ngừng lên, trên sừng còn vương cái gọng ô nát, lý Thập mới nghĩ ra. Cái thông minh nhọc mệt và chậm chạp của ông ta hình như đến lúc ấy mới sự tỉnh.

Ông ta đứng phắt lên như bị điện giật, rồi lại cầm đầu chạy. Con trâu nhìn người đàn ông, ngạc nhiên một lúc, rồi đuổi theo liền.

Và cứ thế, trên mặt ruộng man mác và vắng vẻ lạ thường, người đàn ông thì thu hết tàn lực để tránh xa một cái chết gớm ghê, còn con vật thì cứ đều bước tiến theo. Cái thân hình khỏe mạnh của nó lúc ấy như chứa chất một thứ sức mạnh lạnh lùng tàn bạo.

Lý Thập không còn một tí gì là say nữa. Ông ta nghĩ đến cái tình thế nguy khốn của mình một cách rõ rệt, và chạy lên cũng hăng hái thêm.

Nhưng chạy qua được năm, sáu thửa ruộng, lý Thập lại tưởng không còn hơi sức nào, trong lòng cay cực và oán giận hết thảy mọi người. Cánh đồng đất dưới ánh nắng chiều sao mà yên tĩnh đến thế, vắng lặng đến thế? Những người ở làng xóm xa hình như hẹn nhau đợi chính lúc này để ở nhà hết, hay có ai biết mình bị nạn cũng không thềm ra cứu mình.

Con trâu vẫn đuổi mình cũng gan góc khác thường.

Khóm tre xanh ở làng ông ta cũng như cố ý xa thêm mãi ra; gió ruộng thổi vào người hình như mạnh thêm lên; tất cả mọi sự đều như nhất định làm cho ông ta khổ. Bước chân dần dần thấy nản và nếu cứ thế mãi thì chỉ lát nữa con trâu húc tới sau lưng.

Sau cùng, khi trông thấy rõ một cây đa con gần Hạ thôn, lý Thập mới gắng hết cái đảm lực tuyệt vọng bằng mình lên, biết trước rằng chưa đến cái cây mà đã đứt hơi, thì thôi, thế là hết. Lý Thập đuổi sức quá, hai chân vẫn chạy, nhưng hình như bị cái đà người đưa lên thôi, thần trí tán loạn và hôn mê gần như lúc sắp ngất người đi vì uống quá chén.

Đến lúc hai tay đã vồ được cây đa nhỏ gần Hạ thôn, ông ta mới dám hy vọng rằng mình còn có thể thoát được nạn. Ông ta áp ngực vào da cây mà thở một lát, rồi bấu đến nát tay vào đầu mấu, thu hết gân sức trèo lên.

Lý Thập cuoir được lên cái chạc lớn dưới cùng rồi, cánh tay và bắp chân liền ôm thắt lấy thân cây đa, rồi cúi mặt lên vỏ cây khóc nức lên mấy tiếng. Dưới gốc cây, con trâu đã tới, cái mũi rách toác chỗ lên gần tới chân người đàn ông.

Chiều tối hôm ấy, người nhà khản Vịnh ở thôn Thượng đổ đi tìm trâu, tới nơi thấy nó lẳng lặng đứng đợi dưới gốc cây đa. Họ phải tròng thùng vào cổ con vật lôi về, rồi lên cây cứu ông lý Thập xuống.

Ông ta lúc ấy ngất đi không biết gì nữa, nhưng chân tay vẫn bám rất chặt lấy thân cây, họ khó nhọc lắm mới gỡ được ra và gọi mãi mới tỉnh.

Lý Thập ốm mất hai tháng trời vẫn chưa hoàn hồn.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>